Số 90/ 11.1999

ISSN 1164-

F O R U M

Bức Tường Berlin (ảnh chụp sau ngày 9-11-1989)

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

1 Bức tường Bá Linh, 10 năm sau — Nguyễn Quang
4 Tin / Thời sự
10 Trục trặc hay ma giáo... — Phong Quang
11 Thư phản kháng — Trần Độ
14 Hãy ra khỏi cánh rừng — Dương Thu Hương

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

17 Nghệ thuật trên bức tường Berlin — Văn Ngọc
20 Người ở số nhà 108 — Đặng Anh Đào
23 Một điều khẳng định... — Diễm Châu
24 Thơ — Nguyễn Duy
25 Mai Thảo — Võ Phiến
29 Bạn đến chơi nhà — Trần Mai Lan
30 Người chơi đàn nguyệt ở Hàng Châu (*truyện ngắn*) — Đỗ Trung Lai

Kỷ niệm

Bức tường Bá Linh, 10 năm sau ...

Nguyễn Quang

Mười năm trước, đêm ngày 9 rạng ngày 10 tháng 11-1989, bức tường Bá-Linh sụp đổ. Và, để nói theo một thành ngữ nổi tiếng, sự sụp đổ này đã "làm rung chuyển thế giới". Trong mấy tháng "*mùa thu của các dân tộc*" này, như tên gọi từ đó, cuộc cách mạng hoà bình lớn nhất trong lịch sử sẽ đạp đổ một pháo đài mà ai cũng cho rằng không thể hạ thủ - thành trì Liên Xô - và nhất là sẽ đạp đổ một thể chế - chủ nghĩa xã hội hiện thực - mà bộ máy tuyên truyền đã hứa hẹn đời đời vĩnh cửu. Làn sóng chấn động toàn cầu này sẽ làm tan rã ngay cả tâm điểm của một đế chế - Liên Xô -, huỷ diệt sự lưỡng phân thế giới đã nảy sinh sau thế chiến, và áp đặt một trật tự thế giới mới dựa trên một hệ thống kinh tế chính trị - nền dân chủ tự do - mà có người đã nhìn nhận như " *sự cáo chung của lịch sử* ".

10 tháng, 10 tuần, 10 ngày

Khi sụp đổ, bức tường chưa đầy 30 tuổi, và "chủ nghĩa xã hội trại lính" mà nó biểu trưng cũng chưa đầy 50, tại các nước Trung Âu. Thế mà phải nói đích thực là hệ chính trị đó đã chết vì bệnh già. Người ta còn nhớ cái khẩu hiệu nổi tiếng trong những cuộc biểu tình tại Praha : " *Balan, mười năm, Hung, mười tháng, Đông Đức, mười tuần, Tiệp khắc, mười ngày* ". Không gì diễn tả hay hơn sự gia tốc như sét đánh đó của Lịch sử, bỏ rơi tại chỗ những bộ máy nặng nề ì ạch vẫn tự coi là "đội tiền phong". Cần nhắc lại cuộc phát động từ cái đêm mùng 9 tháng 11-1989 rất lạ kỳ. Trong cuộc phỏng vấn trực tiếp truyền hình(1) - một thao tác được lãnh đạo cho phép cách đó không lâu, và do đó chưa thành thạo -, vào phút cuối, người phát ngôn của chính phủ, Günter Schabowski, đã báo tin Ban Chấp Hành Trung ương Đảng vừa ra một "nghị quyết về du lịch", trong ngày hôm đó. Bị gặn hỏi sát sao ngày nào thì nghị quyết này có hiệu lực, ông quan liêu đáng tội nghiệp đó lúng ta lúng túng, chần chừ, rồi cũng phải buông một câu : " *ngay từ bây giờ, nếu tôi nắm rõ thông tin* ". Lúc ấy là 18h57. Các tài liệu thời sự cho thấy những gương mặt bối rối, nghi hoặc, của các ký giả lúc ấy, miệng há hốc, mắt tròn

(xem tiếp trang 16)

Tin buồn

Chúng tôi được tin
cụ bà **Phan Châu Toàn**
nhũ danh **Mai Thị Danh**
đã từ trần ngày 23 tháng 9 năm 1999 tại Đà Nẵng.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh chị Hồng Hạnh & Joël Luguern và toàn thể tang quyến.

Tin buồn

Chúng tôi được tin
cụ bà **Đoàn Văn Thứ**
nhũ danh **Joséphine Gérard**
đã từ trần ngày 11 tháng 10 năm 1999 tại bệnh viện Antoine-Béclère (Clamart, Pháp), thọ 78 tuổi.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng bác sĩ Đoàn Văn Thứ và toàn thể tang quyến.

Tin buồn

Chúng tôi được tin
cụ bà **Trần Chu Sước**
nhũ danh **Vũ Thị Phòng**
đã từ trần ngày 23 tháng 9 năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 81 tuổi.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh chị Cung & Thuỷ và toàn thể tang quyến.

Compagnie EA SOLA

11, rue Gît-le-Coeur, F-75006 PARIS
Tel : 33 (0)1 56 24 32 42, Fax : 33 (0)1 56 24 32 43
E-mail : easola@cybercable.fr

trình diễn vở múa mới

Voilà voilà

mùa xuân 2000 :

HONGKONG, *Trung Quốc* (HK Arts Festival) :
6-7 tháng 3
LISBOA, *Portugal* (Culturgest) :
14-15 tháng 4
BRUGES, *Bỉ* (Cultuur Centrum) :
4 tháng 5
UTRECHT, *Hà Lan* (Stadsschowburg) :
11 tháng 5
ECHIROLLES, *Pháp* (La Rampe/Le Cargo hors les Murs) :
23 tháng 5

Trong vở múa này, Nguyễn Thuỷ Ea Sola sử dụng 3 dòng nhạc Việt Nam (chèo, ca trù và tuồng), phối hợp với tiếng nhạc hiện đại của đàn cello.

Bạn đọc và Diễn Đàn

Bản quyền Dế mèn *vào túi ai ?*

Mục giới thiệu sách mới là mục tôi vừa thích vừa bực mình. Nó giúp tôi theo dõi sách truyện Việt Nam. Nhưng bực mình là khi ra tiệm sách hỏi, họ bán hết, hay họ không biết gì cả. Vừa qua, báo trích đăng một chương trong *Cơ hội của Chúa*, cũng may là sau đó ít bữa, tôi đã mua được một cuốn ở VD Paris. Nghe nói có chuyện khôi hài là cuốn này vừa bị cấm ở Việt Nam. Còn *Chiều chiều* của Tô Hoài thì chẳng tiệm nào có, bao giờ sẽ có cũng không biết. May sao, một anh bạn vừa về nước trở qua đã mua tặng. Tôi rất thích văn và nhất là chữ của Tô Hoài.

Nhân đọc *Chiều chiều*, tôi muốn nêu một vấn đề chung. Trang 387, tác giả nói Việt Nam không có chân trong hội bản quyền quốc tế, " mà ta cũng không nên vào " vì, theo ông : " *Cả chục năm, chưa chắc đã có nước in một tác phẩm Việt Nam, mà một năm các nhà xuất bản nước ta in hàng trăm hàng trăm sách dịch. Thế thì người ta sẽ mở văn phòng ở Hà Nội, ở Sài Gòn để thu bản quyền* ". Rồi ông kể :

" *Nhà văn Việt Nam nào đó có bài, có sách in ở nước ngoài, một ngày kia nhận được nhuận bút qua bưu điện hay là có người đưa đến tận tay. Nhà xuất bản* Aube *ở Pari mới năm ngoái 1996 in* Tuyển tập Truyện ngắn Việt Nam *đã đưa sách và tiền đến Hà Nội trả các tác giả. Cũng nhà xuất bản này cũng mới năm ngoái in* Dế mèn phiêu lưu ký*, không hỏi tôi, không một lời cảm ơn tôi và cũng quịt luôn tiền và sách biếu. Không lơ đãng đâu, họ có thủ đoạn của họ cả* ".

Tình cờ tuần qua, vào bệnh viện thăm ông bạn già Boudarel (người dịch *Dế mèn phiêu lưu ký* ra Pháp văn, Nhà xuất bản Ngoại văn Hà Nội, nay là Nhà xuất bản Thế Giới, in ra đầu những năm 60, và Editions de l'Aube mới tái bản như Tô Hoài nói), tôi được gặp bà Janine Gillon, người đã hiệu đính và biên tập mấy tác phẩm văn học Việt Nam dịch ra tiếng Pháp. Chính bà Gillon đã gợi ý *Dế mèn*... cho nhà xuất bản L'Aube và giới thiệu họ với Nhà xuất bản Thế Giới. Bà cho biết hai nhà xuất bản đã ký hợp đồng chính thức và Aube đã

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG
opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX
Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables
Heures d'ouvertures : matin 9 h 30 à 13 h
après-midi 14 h 30 à 19 h 00
(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél 01 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; *Bus* : 49, 80.

trả tác quyền cho Thế Giới – bà cũng cho biết thêm là họ lại " quịt ", chưa trả hết nhuận bút cho tác giả và dịch giả mấy tập khác, nên bà rất bực. Đó là chuyện khác, nhưng ít ra ta cũng cần giải oan cho họ đối với *Dế Mèn*... Pháp luật Việt Nam về tác quyền cụ thể như thế nào tôi không rõ, nhưng tôi nghĩ nhà xuất bản Aube ký với Thế Giới vì họ in lại một ấn bản của nhà xuất bản này, và theo luật của quốc tế, họ phải thương lượng với người mà họ giả định là giữ tác quyền. Mong rằng với thông tin này, nhà văn Tô Hoài sẽ có thể đòi nxb Thế Giới phần tác quyền của mình. Và rộng hơn, mong rằng các tác giả Việt Nam cũng sẽ đấu tranh cho một quy chế hợp đồng đàng hoàng, một khi mà nhà nước Việt Nam tuyên bố là muốn "hội nhập quốc tế" và cũng mới ký hiệp định về tác quyền.

Cũng xin mở ngoặc là theo tôi biết, các nhà xuất bản lớn của Pháp như Gallimard, Seuil, PUF... trong mấy năm qua đã cho phép dịch và xuất bản một số sách Pháp ở Việt Nam mà không đòi tác quyền, hoặc nhận một số tiền tượng trưng do Bộ ngoại giao hay Bộ văn hoá Pháp chi trả. Đây là một chính sách khôn ngoan nhằm phát huy văn hoá Pháp, rất đáng hoan nghênh.

Nguyễn V. H. (*Paris*, Pháp)

🕮 *Theo thông tin của chúng tôi, tiểu thuyết* Cơ hội của Chúa *của Nguyễn Việt Hà* " *chưa* " *bị cấm, mà* " *chỉ* " *bị Bộ văn hoá ra lệnh* " ngưng phát hành, chờ đợi thẩm tra lại ", *sau khi có đề nghị cấm của Sở văn hoá Thông tin TP. Hồ Chí Minh. Amen.*

Lịch trình tấu của Nguyên Lê

Mùa thu 99, **Nguyên Lê** và **Hương Thanh** sẽ lưu diễn giới thiệu đĩa CD ***Moon and Wind*** vừa phát hành : Mainz (23.11), Koln (24.11), Essen (25.11), Berlin (26.11), Wien (28.11), Zurich (30.11).

Song song với lịch trình trên, nhạc sĩ Jazz tiếp tục cuộc lưu diễn với ban **Maghreb and Friends** :

Tháng 11 : Portugal (từ 7 đến 14, với khách mời là Michael Gibbs), Tourcoing (16), Bagneux (19).

Tháng 12 : Martinique / Guadeloupe (4 đến 12)

Sang **tháng 12**, Nguyên Lê sẽ lưu diễn cùng ban tứ tấu **Paolo Fresu Angel 4tet** : Bordeaux (ngày 1), San Sebastian (2), Massy (3), Fort de France (7).

DIỄN ĐÀN FORUM

—

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên.....
.....
.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng..... (số.....).
Kèm theo đây là ngân phiếu ..... FF
Giá mua 1 năm báo (11 số) :
Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 Euro) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ; Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro).
Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYÊN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gởi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYÊN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, séc đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở **Thuỵ Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto : N□ 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

Tin Tức

Hiệp định thương mại Việt-Mỹ : Hà Nội... em chã !

Cuối tháng 9 vừa qua, trong chuyến đi thăm chính thức các nước Bắc Âu, thủ tướng Phan Văn Khải đã phải công khai hóa lý do thật vì sao chính phủ Hà Nội đã không ký kết Hiệp định thương mại Việt-Mỹ vào trung tuần tháng 9 như dự kiến, ở hội nghị thượng đỉnh APEC (Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương) họp tại Auckland (New Zealand), mà cũng sẽ không ký trong đầu tháng 10 vào dịp Liên hiệp quốc họp đại hội đồng thường niên. Đó là vì : " *còn có những ý kiến khác nhau ở Việt Nam về hiệp định này* " . Hay nói cách khác : việc ký kết Hiệp định thương mại Việt-Mỹ đang chia rẽ nghiêm trọng ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam. Theo báo Nhân Dân, trong phiên họp thường kỳ tháng 10 của chính phủ, thủ tướng Phan Văn Khải và ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm giải thích rằng " *quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam đòi hỏi một sự đồng thuận trong dư luận* ". Người quen đọc các thông cáo của Hà Nội hiểu ngay là một sự thỏa hiệp đến nay chưa đạt được giữa các phe phái trong đảng cầm quyền.

Thủ tướng Khải còn đưa ra lý do là Hà Nội còn phải thương lượng thêm với Washington về một số điều khoản trong bản hiệp định, song ông không nói rõ là những điểm gì và cũng không đề nghị một lịch trình nào cả. Thật ra, những cuộc thương lượng, kéo dài trên ba năm - dưới sự trách nhiệm trực tiếp, về phía Việt Nam, của phó thủ tướng thường trực Nguyễn Tấn Dũng -, đã đưa đến một bản dự thảo hoàn chỉnh trong tháng 8 vừa qua, với lịch trình là hiệp định sẽ được ký kết trong những ngày 12 hay 13 tháng 9 tại Auckland để cho quốc hội của hai nước có thể chuẩn y trước cuối năm.

Tuy nhiên, khi ngoại trưởng Mỹ Madeleine Albright đến Hà Nội vào đầu tháng 9 để chuẩn bị việc ký kết thì được thông báo là cấp cao nhất của đảng cộng sản " *chưa có ý kiến vì chưa nghiên cứu xong các văn bản* ". Nhưng, theo những nguồn tin từ nội bộ của đảng, thì quan điểm đã thắng thế trong bộ chính trị là : việc mở cửa thị trường Hoa Kỳ không có tính thiết yếu đối với nền kinh tế Việt Nam. Quan điểm này được hai cố vấn Đỗ Mười và Lê Đức Anh bảo vệ. Điều đáng chú ý hơn là thái độ của người được xem là đứng đầu phe " cải cách " - cố vấn Võ Văn Kiệt - đã tránh không lấy lập trường trong bộ chính trị, và thái độ của thủ tướng Phan Văn Khải cũng đã không cương quyết đấu tranh bảo vệ một văn bản mà chính phủ ông đã thương thuyết.

Hai giải thích đã được đưa ra. Trước hết, đó là sức ép của khu vực kinh tế quốc doanh, nhất là các tổng công ty nhà nước, mà thế và lực hiện nay sẽ giảm đi nếu họ buộc phải cải cách và đối phó với cạnh tranh. Mà những phe phái, dù gọi là " bảo thủ " hay " cải cách ", đều có quyền lợi kinh tế gắn chặt với các tập đoàn độc quyền đó. Riêng phe " cải cách " của ông Kiệt và ông Khải có không ít người đang mắc phải vào những vụ án kinh tế lớn đã hay sắp xử. Trong những điều kiện đó, các đại diện của họ khó lòng có thể mạnh miệng trong bộ chính trị.

Nếu các thông tin và nhận định nói trên chính xác thì ít có khả năng hiệp định thương mại Việt-Mỹ sẽ được ký kết trong thời gian tới, và có thể xem như phía Việt Nam hoãn nó lại vô hạn định. Vả lại Hà Nội thừa biết rằng nếu không đưa quốc hội Washington chuẩn y hiệp định trước cuối năm nay thì sẽ phải đợi đến năm 2002, khi cuộc tuyển cử tổng thống mới của Hoa Kỳ qua rồi, vấn đề mới có thể được đặt trở lại.

Đầu tháng 10 vừa qua, tại một hội thảo về chủ đề hội nhập của các nước Đông Dương trong môi trường thương mại toàn cầu, một báo cáo của Trung tâm thương mại quốc tế thuộc Liên hiệp quốc và của Tổ chức mậu dịch thế giới (WTO) có phân tích chỗ đứng của Việt Nam trong nền kinh tế toàn cầu hóa. Bản báo cáo nhận định rằng, với một tỉ lệ xuất khẩu chiếm 37% tổng sản phẩm nội địa, Việt Nam hiện nay đã là một trong những nền kinh tế mở nhiều nhất trong khu vực. Theo bản báo cáo, trong năm qua, Việt Nam đã cố gắng mở rộng xuất khẩu sang châu Âu (17% doanh số giao thương) và Mỹ (4,7%) để không lệ thuộc vào thị trường các nước Đông Á đang bị khủng hoảng (từ 70% rút xuống còn 50%). Các chuyên gia nước ngoài đánh giá Liên hiệp châu Âu còn nhiều dư địa cho xuất khẩu may mặc, da giày và hàng tiêu dùng của Việt Nam. Song tiềm năng thị trường lớn nhất là Hoa Kỳ, nơi hàng hóa Việt Nam chưa vào được với quy chế buôn bán bình thường (NTR, trước đây gọi là tối huệ quốc). Bản bán cáo cho biết Campuchia khi có được NTR với Mỹ đã tăng xuất khẩu gần 50 lần : 1995, 2,3 triệu USD ; 1997, 98,7 triệu USD. (Reuters 21 và 23.9, 8.10 ; Tuổi Trẻ chủ nhật 10.10.99)

Thuốc lá : cấm bán trên vỉa hè

Nhằm hạn chế tiêu thụ một mặt hàng bị xem là độc hại cho người tiêu dùng, bộ thương mại đã ban hành thông tư số 30 ngày 9.9.1999 qui định rằng, từ ngày 9.12, mọi người bán thuốc lá - dù chỉ là một tủ thuốc nhỏ bày bán trước nhà - đều phải có giấy phép kinh doanh ; đồng thời, thông tư cũng nghiêm cấm hoạt động bán thuốc lá trên hè phố và ở một số nơi công cộng như công sở, trường học, bệnh viện, nhà hát, nhà văn hóa, nhà thể thao... Chỉ có những thương nhân có cửa hàng, địa điểm (đại lý bán buôn thuốc lá, khách sạn, nhà hàng ăn uống...) mới được đăng ký kinh doanh thuốc lá, còn người bán rong trên vỉa hè thì sẽ phải chấm dứt mọi hoạt động. Văn bản của bộ thương mại không đề cập đến số phận của hàng trăm nghìn người mà việc buôn bán thuốc lá lẻ, hiện nay, là phương tiện sinh nhai.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, phó giám đốc sở lao động-thương binh và xã hội, ông Nguyễn Hoàng Năng, cho biết trong số 96 000 hộ dùng vốn của chương trình " xóa đói giảm nghèo " có hơn 35 000 hộ mưu sinh bằng các tủ thuốc lá trên vỉa hè. Ông cho rằng thông tư của bộ thương mại chỉ khả thi khi có kèm theo những biện pháp bổ trợ như giải quyết việc làm : nếu không có các điều kiện thay thế nhằm ổn định cuộc

sống của đối tượng này thì là vô hình trung " *đưa đẩy họ vào việc mua bán theo kiểu lẩn trốn và những cuộc cút bắt không có điểm dừng* ". Theo ông Năng, cấm bán thuốc lá trên vỉa hè là một giải pháp không căn cơ : " *Phải cấm từ nhà sản xuất chứ không chỉ từ điểm bán lẻ và người tiêu dùng* ".

Hiện nay bán thuốc lá lẻ trên lề đường Ba Tháng Hai (quận 10 TPHCM), bà Nguyễn Thị Tuyết Xuân cho biết : " T*ôi có hai cháu nhỏ, chồng là thương binh nặng 1/4, chỉ có tủ thuốc bán dạo làm nguồn sống. Thú thật, vì cuộc sống khó khăn nên tôi mới phải bám vào vỉa hè mà sống, chứ bán thuốc lá lẻ lãi không nhiều, ngày kiếm được từ 10 000 đến 15 000 đồng đã thấy khó khăn* ". Còn theo bà Lê Ngân, bán thuốc lá ở đường Trần Hưng Đạo (quận 5) : " *Nhà nước nên thực hiện nghiêm lệnh cấm hút thuốc lá ở nơi công cộng và chống thuốc lá lậu... hơn là đánh vào những người làm ăn vỉa hè như chúng tôi* ". (Tuổi Trẻ 23.9 ; Lao Động 29.9.99)

Hợp tác Pháp Việt về phát triển nông nghiệp lưu vực sông Hồng

Một hội nghị giữa Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam và Nhóm Nghiên cứu và trao đổi kỹ thuật (GRET, Pháp) đã được tổ chức tại Hà Nội trong 3 ngày 11-13.10 vừa qua để đánh giá kết quả chương trình hợp tác giữa hai nước về phát triển nông nghiệp tại đồng bằng sông Hồng.

Trên mười năm qua, trong khuôn khổ của chương trình do Pháp hỗ trợ, những nhà nghiên cứu nông nghiệp đã thành công trong việc đề ra một mô hình trồng trọt dài hạn trên những sườn đồi ở trung du và miền núi, mở khả năng cho những nông dân trong vùng trồng cây và ngũ cốc trên hơn 10 triệu hec-ta đồi trọc và đất lở ở Việt Nam.

Chương trình cũng giúp đỡ nghiên cứu những hệ thống dẫn nước, đề ra và làm thử một mô hình nông thôn về cho vay vốn, đóng góp một cách đáng chú ý vào việc cung cấp vốn cho nông dân lập nghiệp với mục đích đẩy lùi nghèo đói. Trong khuôn khổ chương trình, nhiều nhà khoa học Việt Nam được gởi đi qua Pháp và các nước nói tiếng Pháp để tham khảo.

Hai chính phủ vừa ký một thoả thuận về một đề án hỗ trợ tổ chức sản xuất nông nghiệp ở miền bắc Việt Nam, với mục tiêu phát huy kết quả của chương trình hợp tác nông nghiệp lưu vực sông Hồng.

Hội nghị đã bàn về tình hình môi trường, những khả năng đa dạng hoá hoạt động nông nghiệp, thị trường cho những sản phẩm nông thôn và vai trò của nhà nước trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

Nông nghiệp Việt Nam đã phát triển nhanh trong mười năm qua, sản xuất lương thực tăng một triệu tấn mỗi năm, đàn gia súc tăng nhanh về số lượng và chất lượng. Theo Tổng cục thống kê, tổng sản lượng lương thực năm 1999 sẽ đạt khoảng 33,8 triệu tấn, trong đó có 31 triệu tấn thóc và 2,8 triệu tấn hoa màu khác. (VNA 10, 11.10.1999)

Phi Luật Tân phản đối Việt Nam tu sửa một số công trình trên đảo Spratlys.

Philippin đã phản đối việc Việt Nam xây cất trên quần đảo Trường Sa. Ngoại trưởng Phi Domingo Siazon cho biết Phi đã được Việt Nam thông báo về việc tu sửa những cơ sở đã có trên hai hòn đảo, nhưng không nêu rõ những đảo nào, trước khi máy bay quân sự Phi quan sát được những xây cất nói trên.

Philippin cho rằng Việt Nam đã vi phạm lời tuyên bố tại ASEAN rằng " *các bên tự kềm chế tránh những hành động làm căng thẳng tình hình* ". Được hỏi về phản đối của Phi, người phát ngôn đại sứ quán Việt Nam tại Manila cho biết hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa nằm trong lãnh thổ mình và Việt Nam mới tu sửa một số công trình trên đảo.

Philippin cũng phản đối Trung Quốc và Malaysia về việc hai nước này cũng xây dựng công trình trên những hòn đảo này. (Reuter 11.10, AFP 12.10, Kyodo 13.10.1999)

Một loại cầu mới cho châu thổ sông Cửu Long.

Một chương trình thay thế các cầu khỉ (cầu cây) ở vùng châu thổ sông Cửu Long bằng những cầu bền vững hơn đang được thực hiện. Chương trình đã lựa một số mẫu cầu trên tiêu chuẩn nhẹ, rẻ và dễ thực hiện trong đó có loại cầu bằng thép và vật liệu hỗn hợp (materiaux composites). Chương trình đã thực hiện được 30 chiếc cầu sắt, giá mỗi chiếc chỉ một phần ba giá một chiếc cầu tương đương bằng xi măng.

Vùng châu thổ sông Cửu Long nhằng nhịt ngòi rạch, người ta ước lượng có khoảng 200.000 cầu khỉ. Thay thế những cầu này nằm trong chính sách phát triển nông thôn và hệ thống giao thông. Số tiền ước lượng cần cho chương trình là 1,5 tỷ đô la. Bộ Giao thông vận tải cũng cho biết trong thời kỳ 1999-2000 vùng châu thổ sông Cửu Long cần 1 400 tỷ đồng (100 triệu đô la) chưa kể đóng góp của địa phương, để thực hiện 100 cây số đường xe hơi liên huyện, hơn 3 600 cây số đường và 800 cầu liên xã. Thêm vào đó là 3 000 cây số đường cần được sửa chữa. Từ đây đến cuối năm 2000, vùng đã đặt kế hoạch xây thêm đập và đường tháo nước để phòng lũ lụt.

Đóng góp của địa phương cũng rất quan trọng, từ năm 1997, nhân dân đã đóng góp 901 tỷ đồng cho các công trình này. (VNA 07/10/1999)

Voi rừng bị đe doạ ở Việt Nam

Voi rừng ở Việt Nam có nguy cơ bị tuyệt giống. Ông Frank Momberg, đại diện cho tổ chức Fauna and Flora International (FFI tổ chức quốc tế về sinh vật) tại Hà Nội cho biết đã xác định được 98 con voi sống trong những rừng bị xé lẻ ở Việt Nam, phần lớn ở miền trung và miền nam. Qua trao đổi với dân làng thì người ta ước lượng tổng số voi rừng khoảng 150 con, một con số rất thấp so với năm 1990, khi ấy số voi rừng ở Việt Nam lên tới khoảng từ 1500 đến 2000 con .

Hiện tượng buôn ngà voi bành trướng tuy có ảnh hưởng, nhưng nguyên nhân chính là voi rừng mất môi trường sống. Theo điều tra của tổ chức FFI thì từ 1992 đến 1998 phân nửa diện tích rừng nơi voi sống ở các tỉnh Đồng Nai và Bình Thuận (khoảng 50.000 ha) đã biến thành đất trồng trọt của những nông trường. Phần còn lại bị xé lẻ làm cho những đàn voi không có chỗ ẩn nấp, những con voi còn lại sống thành những đàn không quá 5 con, gây vấn đề đồng huyết thống (inbreeding). Đầu năm nay Sở Bảo quản rừng và FFI đã cùng nhau nghiên cứu một phương án xây dựng một khu bảo tồn

(reserve) voi rừng ở Đồng Nai. Song phương án thất bại vì điều tra cho thấy chỉ có sáu con voi rừng sống trong khu vực này.

Năm 1993 chính phủ Việt Nam có thuê một toán nài voi người Thái Lan và Singapore để bắt một đàn voi đem về thả ở Đồng Nai, cả đàn đã chết trừ một con. Cũng từ khoảng thời gian này, voi rừng trở thành hung hãn, 13 người dân làng ở Đông Nai và Bình Thuận bị giẫm chết trong đó có 5 người đầu năm nay.

Xây dựng một khu bảo tồn voi trên hai tỉnh bắt buộc phải di 30 000 dân và dựng một hàng rào điện quanh khu vực, vừa rất khó và vừa rất tốn kém, cho nên FFI đang nghiên cứu một phương án khác xây dựng một trại luyện voi rừng ở tỉnh Đắc Lắc, nơi tập trung phần lớn voi nuôi ở Việt Nam. (AP 29.9)

Nâng cấp sân bay Tân Sơn Nhất

Đường băng phía trái của phi trường Tân Sơn Nhất sẽ được nâng cấp để đáp ứng lượng chuyên chở khách và hàng càng ngày càng tăng. Dự án trị giá 53,29 tỷ đồng (38,34 triệu đô la), sẽ do Công ty xây dựng giao thông số 6 thực hiện trong vòng 7 tháng. Hàng không Việt Nam có đường bay đi 18 địa điểm trên thế giới, và 17 hãng hàng không quốc tế của 15 nước ngoài có chuyến bay thường xuyên đến Việt Nam.

Năm qua Tân Sơn Nhất đã chuyển 3,2 triệu khách. Việt Nam hiện có ba phi trường quốc tế, Nội Bài ở miền bắc, Đà Nẵng ở miền trung, và Tân Sơn Nhất ở miền nam. Cả ba đều được nâng cấp và nới rộng để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Trong 9 tháng đầu năm, hàng không Việt Nam đã chuyên chở 1,9 triệu khách, thực hiện được 83,6 % kế hoạch, 29 600 tấn hàng hoá, bằng 79,5 % kế hoạch.

Ngoài ra, tăng cường hợp tác với hàng không quốc tế, hàng không VN đã phục vụ cho hàng trăm chuyến bay các hãng ngoại quốc đi và tới phi trường, tiếp khoảng 1,3 triệu khách và 40 000 tấn hàng. Hải quan Việt Nam cũng đã được huấn luyện để phát hiện hộ chiếu và visa giả. (VNA 7.10.1999)

Những hãng hàng không ít an toàn nhất là của châu Á

Theo tạp chí chuyên về hàng không tại Hồng Kông, **Orient Aviation** số tháng 10.1999, tai nạn máy bay của những công ty hàng không châu Á đã làm cho 2 480 người thiệt mạng trên tổng số 8.751 nạn nhân các tai nạn máy bay toàn thế giới trong những năm 1990-1999. Tỷ lệ 30,1% này vượt xa các con số tương đương ở những lục địa khác. Số người thiệt mạng tai nạn máy bay do các hãng Châu Phi là 1.530, tỷ lệ 18,5%, do các hãng Nam Mỹ là 1.391, tỷ lệ 16,8%, do các hãng Bắc Mỹ là 877, tỷ lệ 10 %, do các hãng Châu Âu là 811, tỷ lệ 9,8%.

Theo bài báo, Korean Air và China Airlines (Taiwan) có trách nhiệm nặng nhất. Chiếc Boeing 747 của Korean Air rớt ở Guam năm 1997 đã làm 226 người chết. Tháng 2.1998 China Airline bị tai nạn gần Taipeh với 202 người chết. Ngày 22.8 vừa qua cũng một chiếc máy bay của China Airlines lật khi đáp xuống Hồng Kông làm 3 người chết và 200 người bị thương.

Trong 10 năm qua, Merpati (Indonesie) là công ty nguy hiểm nhất, với 15 tai nạn lớn. Tiếp theo là Indian, China và Korean Airlines, với 5 tai nạn, sau đó đến Garuda, Vietnam và Thai Airlines, mỗi công ty trách nhiệm 3 tai nạn lớn. (AFP 06.10.1999).

Tin Ngắn

* Kỳ họp quốc hội mùa thu năm nay sẽ bắt đầu vào ngày 22.10. Trong chương trình nghị sự, ngoài công tác kiểm toán ngân sách 1999, có các đạo luật sửa đổi và bổ sung Luật hình sự và Luật đất đai.

* Theo các nguồn tin từ Nhà Trắng, tổng thống Bill Clinton hình như rất muốn đi thăm Việt Nam trước khi chấm dứt nhiệm kỳ. Tuy nhiên các cố vấn của ông chưa nhất trí xem có nên đi hay không và nếu đi thì đi vào lúc nào. Một khả năng là chuyến thăm Châu Á đầu năm tới. Hoặc trong khoảng thời gian họp hội nghị thường niên của APEC vào tháng 11. Phía VN, các nhà cầm quyền đã tỏ ý sẽ vui lòng đón tiếp ông.

* Ngày 1.10, thủ tướng Phan Văn Khải đã rời Đan Mạch, chấm dứt 10 ngày viếng thăm 4 nước Bắc Âu bắt đầu bằng Thuỵ Điển, qua Phần Lan (đương kim chủ tịch Liên hiệp châu Âu) và Na Uy. Tại thủ đô Helsinki, thủ tướng Phần Lan Lipponen tuyên bố sẽ ủng hộ Việt Nam trong việc xâm nhập thị trường EU. Ông cũng nhân danh EU tỏ ý mong mỏi rằng những người đối lập ở Việt Nam được đối xử tốt hơn.

* Tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu sẽ sang viếng nước Pháp vào ngày 22 tháng 11 1999 để hội đàm với tổng thống Chirac và thủ tướng Jospin. Tin này đã được nhà lãnh đạo cộng sản Pháp Robert Hue công bố sau chuyến đi thăm Việt Nam cuối tháng 9 vừa qua.

* Vở kịch Dédale của nhà viết kịch kiêm đạo diễn Pháp Philippe Genty đã được diễn ở Hà Nội ngày 14 và 15 tháng mười, do Trường Múa Việt Nam và Alliance Francaise đồng tổ chức.

* Diễn viên múa ba lê Minh Phạm sẽ là một trong hai tài tử chính luân phiên đóng vai hoàng tử trong vở ba lê Cendrillon tại Toulouse ba ngày cuối tháng 10 này. Vở ba lê này do nhà biên đạo múa Derek Deane, giám đốc nghệ thuật nhà hát English National Ballet, dựng. Nhạc của Prokofiev.

* Đầu tháng 10, dàn nhạc giao hưởng của Nhạc viện Hà Nội, gồm 74 nhạc sĩ, đã biểu diễn tại nhà hát opera Tokyo. Đây là lần đầu tiên một dàn nhạc cổ điển Việt Nam đi biểu diễn ở nước ngoài. Trong khuôn khổ Liên hoan âm nhạc châu Á, dàn nhạc sẽ do nhạc trưởng Nhật Hikotaro Yazaki điều khiển, và nhạc sĩ vĩ cầm người Pháp gốc Việt Stéphane Trần Ngọc độc tấu.

* Cảnh sát Tiệp đã bắt được hai người Việt Nam (23 và 28 tuổi) buôn lậu CD cọp (giả). 30 000 CD bị tịch thâu trị giá 9 triệu couronnes tiệp (khoảng 245 000 euro). Những CD này từ Bungari và Ukraine được đưa lậu vào Tiệp để bán ở các chợ tại Cheb gần biên giới Đức.

* Kỹ nghệ may mặc đã xuất cảng 1,25 tỷ đô la trong chín tháng vừa qua, tăng 11,9% so với cùng thời kỳ năm ngoái, xuất qua những nước có cô ta (như Liên hiệp châu Âu) tăng 3%, trong khi xuất qua những nước không cô ta tăng 17%. Mục tiêu xuất cảng của ngành trong năm là 1,65 tỷ đô la.

* Hải quan Việt Nam đã phát hiện 7500 vụ buôn lậu và gian lận trong buôn bán trị giá 120 tỷ đồng (8,6 triệu đô la) trong chín tháng đầu năm nay. Số hàng tịch thu gồm có 4,1 kg thuốc phiện, 2,18 kg heroin, 50 kg thuốc nổ, 450 " sách báo đồi truỵ ", hơn 1,2 triệu gói thuốc lá ngoại, 30 tấn áo quần cũ và một số xe hơi.

* Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư đã cho biết giai đoạn hai của chương trình tu sửa và đóng phà trên sông Cửu Long đã được trình lên chính phủ để phê chuẩn. Giai đoạn một, kéo dài 21 tháng, thực hiện khảo sát và kết thúc vào tháng bảy vừa rồi với việc đóng hai chiếc phà 200 tấn và tu sửa 10 chiếc khác ở hai bến Mỹ Thuận và Hậu Giang, trị giá 15 triệu đô la. Giai đoạn hai bên cạnh việc xây dựng và tu sửa, chương trình sẽ tổ chức đào tạo những người quản lý, lái phà và kỹ thuật viên sửa chữa. Toàn bộ chương trình do chính phủ Đan Mạch tài trợ.

* Việt Nam đã ký thoả thuận cho lại giấy phép cho 19 tổ chức phi chính phủ (NGO) hoạt động trong thời kỳ 1999-2002. Thoả thuận được ký lần đầu năm 1996 với mỗi tổ chức, và được gia hạn từng thời kỳ ba năm. Ngoài ra thêm hai NGO, Netherland Leprocy Relief (NLR) và NVS Netherland Development Organisation, cũng đã được giấy phép, nâng tổng số các NGO hoạt động ở Việt Nam lên số 21.

* Tổ chức của Liên hiệp quốc vì Giáo dục, Khoa học và Văn hoá (UNESCO) đã chính thức khánh thành trụ sở đầu tiên ở Việt Nam vào ngày 14.9 vừa qua. Việt Nam là thành viên của Unesco từ 48 năm nay, và đã được tổ chức này trợ giúp trong nhiều hoạt động văn hoá, giáo dục của mình. Trưởng đoàn đại diện Unesco tại Hà Nội là bà Rosamaria Durand, người Canada. Unesco tổ chức thứ 10 của Liên hiệp quốc đã có phòng đại diện tại Việt Nam.

* Nhà sinh vật học Tito Nedler, người Đức, đã được chủ tịch Trần Đức Lương khen và cám ơn vì đã ra sức cứu một loại khỉ hiếm ở Việt Nam. Loại khỉ này mang tên *Delacour Langur*, sống trong Vườn quốc gia Cúc Phương. Trong sáu năm trời ông Nedler quản lý trung tâm cấp cứu những loài khỉ bị đe doạ, và trung tâm đã gây lại từ một đôi khỉ *Delacour Langur* thành một đàn tám con.

* Thủ tướng Phan Văn Khải đã tiếp một phái đoàn Ý do bộ trưởng bộ Công Nghiệp P. Bersani dẫn đầu. Việt Nam hy vọng được Ý giúp đỡ về đào tạo kỹ thuật viên, phát triển kinh tế, kỹ nghệ và quản lý tài chánh. Ông Khải tỏ ý chờ đợi giới kinh doanh Ý tăng cường hoạt động sau khi Việt Nam đã kiện toàn những điều kiện cho đầu tư nước ngoài.

* Việt Nam đặt mục tiêu nâng xuất cảng rau cỏ và hoa quả lên một tỷ đô la vào năm 2010. Theo dự tính thì nỗ lực này có thể đem lại công ăn việc làm cho khoảng 5 triệu dân. Phương án này nhắm đẩy sản xuất rau cỏ và hoa quả lên 20 triệu tấn (hiện nay là 4 triệu tấn rau và 4 triệu tấn hoa quả), và tăng mức tiêu thụ hàng năm của người dân trong nước từ 60 kg rau lên 85 kg, 50 kg hoa quả lên 65 kg.

* Theo một thông báo ngày 6.10 của Tổng cục thống kê, thất nghiệp ở các đô thị Việt Nam năm nay sẽ lên đến 7,4 % so với 6,85 năm 1998. Thông báo không cho biết con số thất nghiệp ở nông thôn. Theo bộ Lao động, thương binh và xã hội thì số nhân lực ở Việt Nam có khoảng 36,4 triệu người.

* Rút kinh nghiệm vụ án buôn lậu Tân Trường Sanh, ngày 12.10 vừa qua, thủ tướng Phan Văn Khải đã ký quyết định cách chức tổng cục trưởng Tổng cục hải quan đối với ông Phan Văn Dĩnh. Người được bổ nhiệm thay thế ông Dĩnh là bí thư thành ủy Hải Phòng Nguyễn Đức Kiên.

* Trong một báo cáo trình bày trước Hội đồng nhân dân Thành phố Hố Chí Minh, uỷ ban nhân dân thành phố đã nhận có trách nhiệm trong những vụ án kinh tế lớn xảy ra vừa qua trên địa bàn thành phố và gây nhiều tổn thất cho nhà nước. Thông báo này báo hiệu một sự thay đổi nhân sự lãnh đạo ủy ban nhân dân, trước hết là người chủ tịch, ông Võ Viết Thanh, mà tên tuổi đã được nêu lên trong vụ Minh Phụng-EPCO.

* Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam họp tại Hà Nội cuối tháng 9 vừa qua đã cử ông Phạm Thế Duyệt, ủy viên thường vụ bộ chính trị Đảng cộng sản vào vị trí chủ tịch cùng với một đoàn chủ tịch gồm 45 người trong đó có một đại diện Việt kiều là ông Huỳnh Hữu Nghiệp (Hội người Việt Nam tại Pháp). Uỷ ban trung ương của Mặt trận gồm 253 ủy viên trong đó có 15 đại biểu người Việt Nam ở nước ngoài.

* Theo những thống kê của bộ giáo dục và đào tạo, hơn 20 triệu học sinh từ mẫu giáo đến tú tài đã bước vào năm học mới, tăng khoảng một triệu học sinh so với năm 1998 và gồm : 2,4 triệu học sinh mẫu giáo, 10,2 triệu học sinh tiểu học, 5,7 triệu học sinh trung học cơ sở và 2 triệu học sinh trung học phổ thông. Những số liệu chính thức cũng cho biết ngành giáo dục thiếu 106 nghìn giáo viên : 37 nghìn ở cấp tiểu học, 53 nghìn ở cấp trung học cơ sở, 16 nghìn ở cấp trung học phổ thông.

* Theo một đề nghị của bộ giáo dục và đào tạo, chính phủ đã có quyết định chuyển đổi tên gọi các văn bằng sau đại học. Từ nay, các bằng " phó tiến sĩ " do Việt Nam cấp, bằng " Kandidat " của Liên Xô trước đây và các bằng tương đương do những nước khác cấp sẽ được gọi là " tiến sĩ ". Văn bằng đầu tiên sau đại học sẽ được gọi là " thạc sĩ ".

* Bắt đầu từ năm học 2000-2001, môn học " tư tưởng Hồ Chí Minh " sẽ chính thức được đưa vào giảng dạy trong tất cả các trường đại học và cao đẳng. Bộ giáo dục và đào tạo yêu cầu mỗi trường đại học phải có ít nhất hai giảng viên môn học này.

* Tại giải vô địch lặn châu Á tổ chức tháng 10 vừa qua tại Đại Liên (Trung Quốc), các vận động viên Việt Nam đã đoạt 10 huy chương : 3 vàng, 1 bạc, 6 đồng. Nguyễn Lương Thủy đoạt hai chức vô địch 50m tốc độ nữ và 100m vòi hơi nữ. Ngô Xuân Phong đoạt chức vô địch 1500m vòi hơi nam.

* Đầu tháng 10 vừa qua, tại nhà đấu giá Sotheby's Singapore, bức tranh *Cho chim ăn* của họa sĩ Lê Phổ (sơn dầu trên lụa 92,5x60 cm) đã lập một kỷ lục mới về tranh Việt Nam trên thị trường quốc tế, với giá bán lên đến 60 000 đô la Singapore (1 USD = 1,68 đô la Singapore). Ngoài giá nêu trên, người mua tranh đã phải trả thêm 15% hoa hồng cho nhà đấu giá.

* Mỏ Tân Hương ở Yên Bái đã khai thác được viên ngọc có trọng lượng lớn nhất được biết tại Việt Nam : một viên đá rubi nặng 2 300g, tương đương 11 500 cara. Theo đánh giá của giám đốc công ty khai thác, giá của viên ngọc quí này tối thiểu vào khoảng 2 triệu USD.

Đọc báo trong nước

Kinh tế : làm sao chặn đứng đà suy thoái ?

LTS : *Chủ trương kích cầu do chính phủ Việt Nam tiến hành từ nhiều tháng qua đã chưa đảo ngược được xu thế giảm phát và giảm sút đầu tư là những biểu hiện suy thoái rõ nét nhất của nền kinh tế hiện nay. Theo những số liệu chính thức, cho đến hết tháng 9, tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của nhà nước mới đạt có 19 500 tỉ đồng, chỉ bằng 60% mục tiêu dự kiến cho cả năm ; về đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng số vốn đăng ký trong 9 tháng mới đạt 1,3 tỉ USD, giảm 37% so với cùng thời kỳ năm 1998, tổng số vốn thực hiện chỉ đạt 1,1 tỉ USD, giảm 23%. Chỉ số giá tiêu dùng giảm liên tục 7 tháng liền : tháng 9 giảm 0,6% so với tháng 8 và, tính chung trong 9 tháng đầu năm, mức lạm phát xuống thấp gần bằng 0 (0,02% bình quân mỗi tháng) ; tình trạng này lại đặc biệt nghiêm trọng đối với người nông dân : lương thực giảm giá 8,5%, và mất 10% sức mua so với các mặt hàng tiêu dùng khác. Theo nhiều chuyên viên kinh tế, đã bày tỏ ý kiến trên mặt báo, các biện pháp kích cầu là cần thiết nhưng không đủ để chận đứng đà đi xuống hiện chưa có điểm dừng của nền kinh tế Việt Nam.*

Cải cách còn quá chậm

Có thể thấy một sự tương phản khá rõ : tình hình kinh tế của các nước trong khối ASEAN đang hồi phục nhanh, còn Việt Nam thì lại tiếp tục giảm sút tăng trưởng kinh tế. Nhưng theo tôi, sự tăng trưởng và hồi phục trở lại của các nước xung quanh không phải là tự nhiên mà là kết quả của những cải cách quyết liệt, đau đớn. Hiện nay, chính sự tăng trưởng trở lại của các nước này lại càng tạo ra khoảng cách chênh lệch hơn nữa giữa họ và ta.

Một điều đáng quan ngại hơn là các lợi thế cạnh tranh tương đối của Việt Nam như lao động rẻ, tài nguyên nhiều... không còn. Hiện giá taxi, giá các dịch vụ du lịch... ở Thái Lan rẻ hơn ở Việt Nam nhiều. Giá nhân công của Indonesia cũng rẻ hơn Việt Nam. Do vậy, nền kinh tế Việt Nam đang đứng trước các thách thức đòi hỏi chúng ta phải cải cách, chuyển đổi mạnh mẽ hơn nữa. Nếu không thì sức ép ngày càng gia tăng, khoảng cách tụt hậu về kinh tế ngay trong so sánh với các nước ASEAN ngày càng xa.

Theo tôi, không nên và không thể đổ lỗi kinh tế Việt Nam mất đà tăng trưởng là do những ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế khu vực. Cần phải tìm một nguyên nhân chủ yếu của bản thân chúng ta. Đó là mức độ cải cách của chúng ta không theo kịp với yêu cầu ; không phát huy được hết tính sáng tạo và tinh thần lao động của đất nước chúng ta. Cho nên yêu cầu ở đây là phải có những cải cách của nhà nước, đồng thời nỗ lực của mỗi người dân.

Chúng ta phải tiến hành cải cách ngân hàng, cải cách các doanh nghiệp nhà nước, kể cả những tổng công ty lớn. Năm 1999 này đã bộc lộ những yếu kém, bất cập của các tổng công ty lớn : kém hiệu quả, công kềnh, chi phí cao. Và cải cách bản thân bộ máy hành chính nhà nước. Bộ máy đó phải chuyển từ bộ máy chủ yếu là cai trị sang chủ yếu là phục vụ nhân dân. Bộ máy ấy phải lấy việc phục vụ con người, phục vụ doanh nghiệp là lẽ phải cho sự tồn tại của mình. Bởi vì người ta sinh ra bộ máy nhà nước, người ta đóng thuế trả tiền cho bộ máy nhà nước là để sinh lợi cho đất nước.

Chúng ta đang cải cách, chúng ta đã tích cực cải cách nhưng có lẽ tiến độ cải cách đó, theo tôi, là chưa đạt yêu cầu. Chậm hơn sự đòi hỏi của cuộc sống.

Lê Đăng Doanh

Viện trưởng Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương

(Tuổi Trẻ 12.10. 1999)

Chưa tạo được niềm tin

Chính phủ không thể không hành động để khắc phục tình hình và hiển nhiên chỉ có sự can thiệp đúng đắn của chính phủ mới có thể cải thiện được tình trạng suy thoái. Không thể trông cậy các nhà đầu tư đơn lẻ quyết định đầu tư khi mà họ thấy rằng hiệu quả mang lại sẽ không bù đắp được phí tổn trong điều kiện sức mua của toàn kinh tế bị sút giảm.

Chỉ có chính phủ mới có thể mạnh dạn bỏ tiền ra cho các công trình xây dựng hạ tầng vì lợi ích của nền kinh tế mà không vì lợi nhuận của kinh doanh. Sự gia tăng chi tiêu của chính phủ trong trường hợp này sẽ có hiệu quả tức thời, tạo ra công ăn việc làm và tiêu thụ sản phẩm tồn kho. Mặt khác, chính phủ cũng có thể giảm thuế để kích thích đầu tư, kích thích tiêu dùng.

Về mặt chính sách tiền tệ, các biện pháp giảm lãi suất và tăng cường khối lượng tái cấp vốn của Ngân hàng nhà nước để mở rộng tín dụng ngân hàng thương mại và giảm tiết kiệm của công chúng là những biện pháp thông dụng. Tuy nhiên, trong trường hợp nước ta, để các biện pháp nói trên thành công, cần khẩn trương xây dựng một chính sách quốc gia nhằm cơ cấu lại các khoản nợ của các doanh nghiệp, các ngân hàng và thiết lập các định chế cần thiết để thực hiện chính sách này. Chỉ sau khi tình hình tài chính của các doanh nghiệp, các ngân hàng trở nên lành mạnh, các biện pháp kích cầu thông qua con đường tín dụng mới có hiệu quả.

Chúng ta cũng đề cập nhiều đến việc cải thiện môi trường pháp lý, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài mở rộng đầu tư. Điều này cần thiết nhưng chưa đủ. Trong tình hình hiện nay, cần có một quyết tâm hành động mạnh mẽ, quyết liệt của chính phủ trong việc này nhằm củng cố niềm tin để các doanh nghiệp sẵn sàng đầu tư. Chính phủ hành động đúng và kịp thời sẽ tạo nên một tâm lý lạc quan cho các nhà doanh nghiệp, cho người tiêu dùng, cho nhà đầu tư nước ngoài hướng về một tương lai tốt đẹp hơn. Chính niềm lạc quan đó, quan trọng hơn mọi điều khác, sẽ giúp nền kinh tế bước sang một thời kỳ thịnh vượng mới.

Huỳnh Bửu Sơn

Chuyên viên tài chính ở Thành phố Hồ Chí Minh

(Thời báo kinh tế Sài Gòn 23.9. 1999)

Đọc báo trong nước

Thu thuế " xe ôm " !

Sau khi bộ giao thông vận tải, ngày 26.7 1999, ra quy chế quản lý " *vận tải hành khách công cộng bằng xe máy* " - nôm na là xe ôm -, ngày 14.9 vừa qua, tổng cục thuế đã ra văn bản qui định người lái xe ôm từ nay sẽ chịu ba loại thuế, thuế môn bài, thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp, và hàng năm phải xuất trình chứng từ đã nộp đủ thuế thì mới được đăng ký hành nghề. Một sắc thuế mà người dân không thể hiểu nổi, lại không có tính khả thi. Phát biểu trên báo **Tuổi Trẻ** ngày 23.9, một bác lái xe ôm ở bến xe miền Đông (TP HCM), ông Lê Hồng Việt nói lên một hoàn cảnh khá tiêu biểu : " *Tôi về hưu non, không biết làm gì khác hơn là chạy xe ôm* ". Với một thu nhập trung bình trên dưới 50 000 đồng/ngày chưa trừ xăng nhớt và hao mòn máy móc, ông Việt cho rằng không ai có công việc ổn định mà lại đi chạy xe ôm, do đó lái xe ôm nên được xem như một hình thức lao động tạm bợ : " *Ai lại thu thuế người lao động tạm bợ bao giờ ?* ". Về phía cơ quan thu thuế, ông Nguyễn Trọng Hạnh, cục phó cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, đánh giá rằng sắc thuế " *hoàn toàn không có tính khả thi* " : các quận, huyện sẽ không có đủ bộ máy để thực hiện việc thu thuế xe ôm, trong khi số thu về không đáng mà còn gây ra " *sự bất an* " cho giới lái xe ôm lẫn người dân đi lại bằng xe ôm. Ông Hạnh nhắc lại quyết định thu thuế người đạp xích lô năm 1994 cuối cùng đã không triển khai được.

Vậy thì vì sao lại đóng thuế xe ôm ? Trả lời phỏng vấn của báo **Tuổi Trẻ** (23.9), tổng cục phó tổng cục thuế Nguyễn Đình Vu và trưởng phòng nghiệp vụ thuế ngoài quốc doanh Nguyễn Huy Trường cho biết : " *Theo luật thuế, tất cả các tổ chức và cá nhân kinh doanh đều phải kê khai, đăng ký nộp thuế. Đối tượng hành nghề xe ôm cũng phải đăng ký nộp thuế, nhưng lâu nay chưa thu thuế là vì chưa quản lý được họ* ".

Nhà báo nêu lên thực tế " Phần lớn những người hành nghề xe ôm đều có thu nhập thấp, thậm chí không ít thuộc diện xóa đói giảm nghèo...", ông Trường đáp :

" *Nếu thu nhập của họ thấp thì họ sẽ được miễn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp mà chỉ phải đóng thuế môn bài, ở mức thấp nhất là khoảng 25000 đồng/năm* ".

Cơ sở để tính mức doanh thu bình quân hàng tháng của những người lái xe ôm, theo ông là do cục thuế các địa phương phối hợp với ngành giao thông vận tải qui định. Nếu mức thu nhập này trên 144 000 đồng (mức lương cơ bản của cán bộ công nhân viên) thì họ phải nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp. Mặc dù, theo ông, " *qui định như vậy là không hợp lý và chúng tôi cũng đã đề nghị sửa đổi nhưng thẩm quyền quyết định việc này là của cơ quan khác* ".

Khi nhà báo nêu khả năng xảy ra tình trạng xe ôm " dù ", nghĩa là cả ngành giao thông vận tải và thuế đều sẽ không quản lý được, ông Trường mang luật pháp ra doạ : "*... không tuân thủ nghĩa là vi phạm luật pháp. Trong văn bản quản lý thu thuế đối với hoạt động xe ôm, chúng tôi đề nghị trước khi cơ quan giao thông vận tải xác nhận vào đơn xin phép hành nghề xe ôm, thì người hành nghề phải kê khai, đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế sở tại* ".

Bài báo sau đây phản ánh dư luận vỉa hè đối với quyết định.

Có lẽ thế !

Thầy giáo Hai đích thị là thầy giáo bởi thầy đang hành nghề gõ đầu trẻ ở một trường tiểu học. Eó le thay, do đồng lương nhà giáo quá hẻo nên ngoài giờ dạy học thầy phải tranh thủ chạy xe Honda ôm để kiếm cơm thêm. Từ đó có thêm tên gọi mới : anh Hai xe ôm.

Khi ngành giao thông vận tải đặt ra vấn đề quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe máy, anh Hai xe ôm rất phấn khởi. Phấn khởi vì thấy cái tên gọi xe ôm nôm na bụi đời đã được ngành giao thông vận tải chuyển đổi thành tên gọi mỹ miều sang trọng hẳn lên : vận tải hành khách công cộng bằng xe máy. Nghe oách hết biết ! Anh Hai càng phấn khởi hơn nữa khi nghĩ rằng với cái nghề xe ôm mạt hạng này, việc ngành giao thông vận tải chịu để mắt đến và quản lý nó hẳn là nhằm mục đích xóa đói giảm nghèo cho cánh xe ôm, giúp cánh xe ôm tăng thu nhập, để có được cuộc sống ra người hơn. Thế là anh Hai lim dim mắt tơ tưởng đến chuyện ngành giao thông vận tải sẽ lập ra những cửa hàng bán xe máy và đồ phụ tùng dành riêng cho cánh xe ôm theo hình thức trả góp trong nhiều năm. Cũng sẽ có những cửa hàng chuyên sửa chữa xe gắn máy của ngành giao thông vận tải dành cho cánh xe ôm với giá đặc biệt... Cứ nghĩ đến sự quan tâm chu đáo mà ngành giao thông vận tải dành cho mình, anh Hai bồi hồi xúc động đến trào cả lệ.

Khốn thay cho những dòng lệ xúc động của anh Hai xe ôm bởi niềm phấn khởi của anh kéo dài chưa được bao lâu thì tin tức chính thức truyền đi cho biết : người hành nghề xe ôm phải chịu thuế môn bài, thuế thu nhập, thuế giá trị gia tăng... cứ như một công ty trách nhiệm vô hạn nào đó vậy.

Hóa ra cái mục đích cốt lõi của sự quản lý xe ôm ấy chỉ nằm để thu thuế chớ chẳng gì khác. Anh Hai nghĩ vậy và... khóc òa lên vì vỡ mộng.

Chạy xe ôm nghiệp dư như anh Hai kiếm được giỏi lắm vài ba chục ngàn mỗi ngày. Ngay cả chạy xe ôm chuyên nghiệp cả ngày cũng chỉ kiếm được năm, sáu chục ngàn. Trừ đi khoản tiền xăng nhớt, sửa chữa xe... tính ra thu nhập hàng tháng của cánh xe ôm chỉ đủ để tự xóa đói giảm nghèo chớ chẳng thể tiến lên hàng khá giả đặng. Vậy thì tại sao nhà nước lại nhắm vào đối tượng này để đánh thuế ?

Anh Hai trằn trọc suy tư mãi vẫn không tìm ra câu trả lời bèn triệu tập toàn bộ cánh xe ôm quen thân lại để vận dụng trí tuệ tập thể hòng tìm giải thích. Một anh bảo : Hay trong cánh xe ôm tụi mình có thằng nào đó bất nhã với khách mà ông khách đó lại là cán bộ thầy dùi của ngành thuế, nên ổng mới nổi cáu lên rồi dùi ra việc đánh thuế xe ôm trả hận ? Anh Hai lắc đầu : Vô lẽ, vô lẽ !

Một anh khác lại đưa ra giả thuyết : Hẳn phải có sự nhầm lẫn chi đây. Có lẽ là ngành thuế muốn quản lý ngành bia ôm để đánh thuế thu nhập các cô bia ôm vốn là đối tượng có thu nhập cực kỳ cao nhờ ' bo' của khách. Thế rồi cái cô thư ký chuyên đánh máy chữ cho lãnh đạo ngành thuế trông gà hóa cuốc thế nào đó lại đánh nhầm trên văn bản là quản lý xe ôm, đánh thuế xe ôm chăng ? Anh Hai lại lắc đầu : Vô lẽ, vô lẽ !...

Bỗng một anh khác reo lên như vừa phát hiện chuyện tân kỳ : Thôi, tớ hiểu cả rồi. Bữa trước đọc báo thấy đưa tin một nhân viên thu thuế ở huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, bị truy tố vì tội chiếm đoạt gần 2 tỉ đồng tiên thuế của nhà nước. Chỉ một nhân viên thu thuế quèn ở một cái huyện lẻ xa xôi mà đã kiếm bộn thế thì trong ngành thuế cả nước cái khoản thất thoát vì bọn sâu mọt ấy hẳn rất khổng lồ. Cái vụ đánh thuế vào cánh xe ôm có khi nhằm để lấp một phần cái lỗ hổng thất thoát của ngành thuế đó chăng ? Anh Hai trầm tư lâu rồi gục gặc đầu : Có lẽ thế !

" LỜI KÊU GỌI CỦA CÁC TÔN GIÁO " : *trục trặc hay... ma giáo?*

Ngày 25.9.99, một " *lời kêu gọi của các tôn giáo về tự do tôn giáo ở Việt Nam* " đề ngày 5.9.99 đã được phổ biến trên mạng Internet, kèm theo tên 4 người " đã ký ", là : hoà thượng Thích Quảng Độ với danh nghĩa " *Viện trưởng Viện Hoá Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất* ", linh mục Chân Tín " *phản ảnh đòi hỏi của người Công giáo* ", Lê Quang Liêm " *Hội trưởng Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo từ trước năm 1975* " và Trần Quang Châu " *Giáo sĩ truyền giáo Cao Đài, Giáo hội Cao Đài Miền Trung* ". Hai ngày sau, hãng thông tấn Đức DPA xác nhận việc này, coi đó là " *một sự biểu hiện liên tôn chưa từng có* ", và thêm : " *Chân Tín, 79 tuổi, linh mục Dòng Chúa Cứu Thế nói rằng ông ký thay cho toàn thể Kitô hữu, một phần vì nhà lãnh đạo Tin Lành mới đây đã từ trần* ". Không biết các hội Tin Lành phản ứng ra sao, nhưng Giáo hội Công giáo, qua lời của giám mục Nguyễn Sơn Lâm, đã nói rõ linh mục Chân Tín chỉ kí với tư cách cá nhân chứ không đại diện cho giáo hội, giáo hội và linh mục " *khác nhau về quan điểm chính trị* " (DPA, 27.9).

" *Chưa từng có* ", điều này nghiệm cho một loạt sự việc xảy ra sau đó. Trước tiên, khác hẳn DPA, các hãng thông tấn lớn có phóng viên thường trú ở Việt Nam như AFP, AP và Reuters không hề nói tới văn bản này. Cẩu thả chăng ? Thận trọng thì đúng hơn : ngày 26.9, một thông cáo của " Phòng thông tin Phật giáo Quốc tế " (Võ Văn Ái) đã " *long trọng thông báo nguồn tin trên là thất thiệt đối với chữ kí của Hoà thượng Viện trưởng* ", và trích dẫn lời của HT. Quảng Độ " *văng vẳng nhắn đến Paris lúc 20g30 hôm qua tối thứ bảy 25.9* " (sic) : " *Dù có thấy chữ kí của tôi trên các văn bản không được Viện Hoá Đạo cho công bố hãy xem đó là giả mạo. Thời buổi tân tiến này, giả tạo chữ kí chẳng khó gì* ".

Có người giả mạo chữ kí hoà thượng ? Vậy mà không phải vậy ! Ngày 29.9, trong một " lời minh xác ", linh mục Chân Tín và ông Lê Quang Liêm cam đoan : " *Chính hoà thượng Thích Quảng Độ cầm bút ký vào bản văn này. Chúng tôi nghĩ rằng với tư cách là người tu hành có địa vị trưởng thượng, hoà thượng Thích Quảng Độ không thể phủ nhận điều chính mình đã làm* ".

Cùng ngày, HT. Quảng Độ ra thông cáo thừa nhận rằng... đúng là ông đã ký vào bản dự thảo, lại là người đầu tiên ký vào đó. Song, ông nói thêm : (1) ông nhận ký với " *điều kiện tiên quyết* " là về phía Công giáo, phải có chữ ký của người đứng đầu Giáo hội Việt Nam là Hồng y Phạm Đình Tụng ; (2) ông nhận ký đầu tiên để giúp linh mục Chân Tín dễ tranh thủ hồng y Tổng giám mục Hà Nội ; (3) việc Giáo hội Công giáo không tham gia ký vào " lời kêu gọi " mặc nhiên đã " vô hiệu hoá " chữ kí của ông ; (4) công bố " lời kêu gọi " với chữ ký của ông như vậy là một sự " *bội ước* ".

Màn chót : trong một lá thư đề ngày 5.10, linh mục Chân Tín nói ông không hề được thông báo về " *điều kiện tiên quyết* " của HT. Quảng Độ, nên đã công bố " *lời kêu gọi* " và coi câu chuyện chữ ký kể trên chỉ là một " *trục trặc* ". Ông còn cho biết thêm : " *Việc xin Hồng y ký là do tôi muốn như vậy và như ta đã biết, Đức Hồng y tỏ ý ủng hộ lập trường của lời kêu gọi ấy nhưng không ký vì lý do : Ngài là Chủ tịch Hội đồng giám mục và Hội đồng Giám mục sẽ họp vào tháng Mười sắp tới* ".

Khẳng định của linh mục Chân Tín về Hồng y Phạm Đình Tụng mâu thuẫn với tuyên bố của Giám mục Nguyễn Sơn Lâm (*xem trên*), và cũng trái ngược với ý kiến của cựu linh mục Nguyễn Ngọc Lan, bạn thân của ông, theo đó " *chính cha Chân Tín đã khuyên Hồng y Phạm đình Tụng đừng ký, vì nếu ký là phủ nhận Giáo hội Phật giáo chính thức, mà Giáo hội này hiện nay quy tụ trên 90 % tăng sĩ Phật giáo* ".

Vậy mà không phải vậy !

Bất luận thế nào, ai theo dõi tình hình Giáo hội Công giáo Việt Nam, dù chỉ một chút thôi, cũng có thể biết chắc không bao giờ Hồng y Phạm Đình Tụng, hay một chức sắc nào khác có tư cách đại diện Giáo hội, lại có thể ký vào một tuyên bố (*xem nội dung ở cuối bài*) như vậy. Điều sơ đẳng ấy, linh mục Chân Tín không thể không biết. Điều sơ đẳng ấy, lẽ nào một người dày dạn như hoà thượng Thích Quảng Độ không thấy trước mà còn mơ hồ cả tin ? Thế thì tại sao lại có chuyện " ra điều kiện ", " giả mạo ", " bội ước ", " không biết ", " trục trặc " như vừa kể trên, những màn giật gân mà có lẽ nếu một cây bút viết mướn giàu óc tưởng tượng có sáng tác ra, các tổng biên tập của những tờ lá cải như " Công an Thành phố " hay " An ninh Thế giới " cũng chẳng dám đăng ?

Khó hiểu không kém là những đòi hỏi được nêu ra trong " *lời kêu gọi* " nhân danh " *các tôn giáo ở Việt Nam* " (sic). Đòi hỏi chính quyền Việt Nam thực sự tôn trọng các quyền tự do tín ngưỡng, bãi bỏ những đạo luật và chính sách o ép tín đồ và tu sĩ, hạn chế sinh hoạt tôn giáo, là những đòi hỏi chính đáng, nằm trong đòi hỏi chính đáng chung về các quyền tự do dân chủ, các quyền con người. Song người ta không thể tán thành, và có quyền nghi vấn về sự minh mẫn của các tác giả " *lời kêu gọi* ", khi đọc trong đó, có những yêu sách như : " *phục hồi pháp lý của các tôn giáo như trước năm 1975* ", " *trả cho các giáo hội đất đai mà Giáo hội sở hữu từ trước* ", " *việc tấn phong và bổ nhiệm các chức sắc hoàn toàn thuộc quyền của Giáo hội* "... Có cần lưu ý các tác giả là ngay tại một nước như Thuỵ Sĩ, khi Vatican muốn tấn phong một giám mục cũng phải được sự đồng ý của chính phủ Berne ? Còn việc đòi lại " *đất đai mà Giáo hội sở hữu từ trước* " thì xin hỏi : trước năm nào ? hay là tác giả nghĩ tới cả ruộng đất đã được chia cho nông dân ? Chẳng lẽ bằng những đòi hỏi *mơ giữa ban ngày* ấy, các vị muốn biện minh cho cuộc cải cách ruộng đất tự nó đã chồng chất biết bao tội ác và đau thương ?

Chiến tranh là câu chuyện quá nghiêm chỉnh, không nên trao cho nhà binh, người ta đã nói rất đúng. Cũng vậy, tôn giáo là chuyện quá quan trọng để trao vào tay những nhà tu hành *kiểu* đó.

Phong Quang

HỒ SƠ đặc biệt

Trần Độ

THƯ PHẢN KHÁNG

" *Các ông đã chống lại nhân dân, đã đè đầu cưỡi cổ nhân dân, chứ không có ai chống nhà nước này cả ! Ta nói nước ta nghèo, đó là sự thật. Nhưng tôi hỏi ai nghèo ? Tôi thì tôi thấy rằng nước ta nghèo là chỉ có dân nghèo, còn nhà nước và các* 'quan cai trị' *không nghèo, các quan có ô tô, phòng khách, máy lạnh, biệt thự, khách sạn, tiệc tùng không kém gì các quan ở các nước phát triển* ", tướng Trần Độ đã viết như vậy trong một lá thư phản kháng mà dưới đây, Diễn Đàn công bố toàn văn.

Hưởng ứng Cuộc vận động phê bình và tự phê bình

Việt Nam Thống Nhất - Độc Lập - Hòa Bình - Dân Chủ - Giầu Mạnh [1]

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trần Độ Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 1999

Kính gửi:

- Tổng Cục Bưu Điện
- Bộ Công An

Đồng kính gửi:

- Chủ tịch Quốc Hội
- Chủ tịch nước
- Tổng bí thư Đảng cộng sản
- Thủ tướng chính phủ
- Một số báo chí.

Tôi, công dân Trần Độ, hưởng ứng cuộc vận động phê bình, tự phê bình của Đảng, bằng cách gửi đến các ông mấy lời phản kháng như sau :

1. Từ khi tôi công tác ở Quốc hội, Văn phòng Quốc hội mắc điện thoại cho tôi, khi tôi nghỉ công tác, Văn phòng vẫn trả tiền thuê bao hàng tháng cho tôi, số máy đó của tôi là 8.264673.

Tôi bị có người vi phạm quyền tự do thư tín và thông tin của tôi.

a.[2] Hồi tháng 2, 3 tự nhiên máy điện thoại của tôi bị cắt đường dài. Cuối tháng 3 tôi hỏi 108, số 108 bảo hỏi 105, tôi hỏi 105 thì 105 bảo hỏi 500, sau đó thì đường dài được nối lại. Nguyện vọng tôi muốn biết là ai ra lệnh cắt và vì lý do gì ? Thì máy 500 lúng túng, không rõ ràng và không trả lời. Nhưng qua đó, tôi biết rõ là công an có lệnh cắt. Nhưng cũng từ tháng 3 cho đến nay đang tiếp tục, là cứ từ 8-9 giờ tối đến 7-8 giờ sáng hôm sau, máy của tôi bị rồ không nói, không nghe được, nhiều khi ban ngày tôi có chuông, tôi nghe, mà thấy đầu dây bên kia nói là từ nước ngoài thì lập tức máy cũng bị rồ ngay, không liên lạc được nữa. Tôi có các bạn ở nước ngoài và các nhà báo, các hãng thông tấn nước ngoài muốn liên hệ với tôi, đều không được. Nhiều thư từ của tôi cả đến và đi, nhiều khi cả thư gửi " bảo đảm phát chuyển nhanh " và trả tiền cao, cũng bị mất. Có người hỏi tôi là có nhận được thư họ gửi không ? Tôi mới biết là mất. Thư tôi gửi cho bạn tôi, cho con tôi ở Thành Phố Hồ Chí Minh và em tôi ở Thái Bình cũng bị mất, hoặc là đi rất lâu. Ví dụ từ Thái Bình đi Hà Nội, thư thông thường mất độ 2-3 ngày. Đó là tiến bộ tốt đấy ! Nhưng thư của tôi (cả đến và đi) có thư bị chậm đến hơn 10 ngày. Tôi và em tôi đều cho rằng thư bị giữ, bị bóc, để kiểm duyệt, cũng có thư bị mất. Tháng 6, tôi gửi cho em tôi một thư, em tôi không nhận được.

Như vậy, là **quyền thư tín công dân của tôi do Hiến Pháp qui định đã bị các ông xâm phạm**.

2. Ở nhà tôi, hồi tháng 3, tháng 4, có nhân viên an ninh mặc thường phục giám sát ở cửa, và hay chặn hỏi những người ra vào thăm và chơi với tôi. Một lần an ninh đã hỏi đúng vào trung tướng Hồng Sơn vừa đến thăm và chơi với tôi ra. Hồi cuối 1998, tôi vào Thành phố Hồ Chí Minh, suốt 3 tháng tôi ở nhà con tôi ở quận Tân Bình, ngày nào cũng có 2-3 nhân viên an ninh án ngữ ở cổng, tôi đi đâu thì có người đi xe máy đi theo xe tôi, có khi còn chụp ảnh lúc bố con chúng tôi ra xe đi và theo chụp ảnh chỗ tôi đến. Hồi đó, tháng 8/1998, tôi và các con cháu tôi từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Huế chơi, khi tôi ở khách sạn, cũng có nhân viên an ninh từ Hà Nội bay vào ở cùng khách sạn để theo dõi, chính nhân viên phục vụ khách sạn cho con tôi biết như vậy. Hồi tháng 3/1999, tôi đi Điện Biên Phủ chơi với một số bạn chiến đấu cũ để kỷ niệm 45 năm chiến thắng, thì sự việc cũng diễn ra y như vậy ở nhà khách mà chúng tôi thuê ở.

Các ông chỉ đạo triển khai một loạt hoạt động " mật thám ". Tôi rất buồn và bực mình vì tôi khi còn trẻ đã phải đối phó với mật thám của Tây, nay về già lại bị " mật thám " của ta ám ảnh. Các ông muốn biết tôi chống cái gì và chống ai chứ gì ! Ở đây tôi trịnh trọng và chính thức báo với các ông như sau :

Tôi có nhiều cái để chống, có 5 cái :

– Thói quan liêu,

– Tệ tham nhũng,

– Thói lừa dối mưu mẹo, thủ đoạn để mưu lợi và hại người,

---

(1) Tôi thấy ở Việt Nam cái gọi là xã hội chủ nghĩa còn quá ít, nên viết chữ ấy, tôi thấy ngượng. Tôi dùng chữ của chủ tịch Hồ Chí Minh (chú thích của tác giả).

(2) Trong bài không có phần b.

– Tệ cơ hội nịnh hót,

– Bệnh độc đoán, thiếu dân chủ, khinh thường nhân dân.

Các ông có những cái ấy thì tôi chống ! Các ông có chống hay không ?

Còn với chủ nghĩa xã hội, tôi không hề chống, tôi chỉ không tán thành cái thứ chủ nghĩa xã hội đã thất bại ở thế giới và đã gây nên nghèo đói ở Việt Nam.

Tôi tán thành một thứ chủ nghĩa xã hội khác, gần giống như Đặng Tiểu Bình mà tìm chưa ra. Tôi cũng không tán thành lối tìm của các nhà lý luận quan liêu và giáo điều bảo thủ đang làm. Các ông tử tế thì các ông chấm dứt cái trò mật thám đi, không có, tôi thì không làm gì được, nhưng lịch sử sẽ ghi tội các ông đấy.

Gần một năm nay, tôi đã im lặng, vì tôi nghĩ :

Lẽ thứ nhất là tôi thấy cái bộ máy cai trị ở Việt Nam hiện nay là một bộ máy đàn áp, bóp nghẹt, không muốn nghe một tiếng nói nào. Tôi có nói cũng chẳng ai nghe.

Lẽ thứ hai, tôi tin vào sự trong sạch của lương tâm tôi. Tôi nghĩ : tha hồ cho các ông sai quân giám sát, theo dõi, nghe trộm, rình rập. Tôi không có gì phải e ngại. Các ông đã biết được quân các ông nghe được những gì, thấy tôi làm những việc có dấu hiệu phạm tội ?? Nếu không có, thì các ông phải xin lỗi tôi và xoá bỏ những trò trẻ con đó đi.

Nhưng đến nay, qua việc nhớ lời chủ tịch Hồ Chí Minh, lại có cuộc vận động chỉnh đốn Đảng, tôi cũng phải tham gia cuộc vận động đó bằng cách nói thẳng với các ông ý kiến của tôi về bộ máy cai trị hiện nay của nước ta qua những sự việc mà tôi gặp phải. Bộ máy mà chính tôi cùng tham gia xây dựng và đã từng là một thành viên ít nhiều quan trọng. Tôi sẽ nói sau này. Tôi không thể im lặng được nữa, tôi phải nói thẳng với các ông và tôi cũng phải lớn tiếng nói cho thế giới, cho nhân loại cùng biết. Tôi chỉ nói sự thật, sự thật dính vào tôi, và sự thật mà tôi biết chắc !

Nhân đây tôi muốn nói với các ông thế này :

1. Tôi là đảng viên bị khai trừ. Tôi bị khai trừ là phải, nếu không khai trừ tôi, có lúc tôi cũng phải xin ra khỏi cái đảng này. Tôi không thể chấp nhận và thừa nhận cái đường lối nhiều mâu thuẫn, nửa vời, lằng nhằng, nặng chất giáo điều, bảo thủ, khó cho đất nước phát triển. Tôi cũng không thể chấp nhận được phương thức lãnh đạo của Đảng, đó là một phương thức độc tôn, toàn trị chuyên chế, phản dân chủ. Tôi muốn Đảng đổi mới, để cứu lấy Đảng, giữ vững vai trò và tín nhiệm cho Đảng. Nhưng những lực lượng bảo thủ, đã không hề muốn nghe những lời trung thực, mà lại sinh ra thù ghét tôi một cách có thể nói là ngu xuẩn. Vậy, tôi không là đảng viên nữa, nhưng tôi vẫn có 58 năm tuổi Đảng, và **quan trọng là tôi vẫn là một công dân** Việt Nam, không phải công dân hạng bét đâu mà là một công dân có công, có 60 năm cống hiến, đó là sự thật. Tôi không bịa. Sự thật này cả nước và thế giới công nhận. Tôi sẽ trả thẻ Đảng cho chi bộ, còn các huân chương và huy chương, huy hiệu 40 và 50 tuổi Đảng tôi không trả đi đâu cả. Nó là của tôi, không ai đòi được của tôi, bất kể thế nào. Vì đảng viên bị khai trừ không phải là một tội phạm.

Công dân tôi đây này đã gần 80 tuổi, đã có một huân chương Hồ Chí Minh, 2 huân chương quân công hạng nhất (1 chống Mỹ, 1 tổng hợp), 1 huân chương quân công hạng ba (chống Pháp), và nhiều huân chương kháng chiến niên hạng khác, nhiều huy chương kỷ niệm (Điện Biên Phủ, Quyết Thắng, Toàn Thắng), vì sự nghiệp văn hoá, vì khoa học... Toàn huân chương thật cả, không phải rởm đâu. Vậy thì người công dân có công này không thể bị đối xử như một công dân hạng bét được ! Trong chiến tranh, cấp của tôi đã cao hơn cấp các ông nhiều bậc, các ông lúc đó còn ở cấp rất thấp hoặc còn đang đi học. Theo đạo lý của " bản sắc dân tộc ", ít nhất các ông cũng cần có chút ít lễ phép, lịch sự và dạy cho nhân viên các ông chút lễ phép, lịch sự ấy. Ngày nay các ông nắm quyền lực, đó cũng là lẽ tự nhiên. Nhưng trước đây cũng là quyền lực mà đó là quyền lực giải phóng, còn ngày nay các ông đang hoặc đã làm cho quyền lực trong tay các ông trở thành quyền lực đàn áp. Các ông vẫn hô " uống nước nhớ nguồn ". Nhưng các ông có lúc nào tự cảm thấy mình là đầy tớ nhân dân hay không ? Các ông đối xử với nhân dân (trong đó có tôi) như thế à ? Các ông đã chống lại nhân dân, đã đè đầu cưỡi cổ nhân dân, chứ không có ai chống nhà nước này cả ! Ta nói nước ta nghèo, đó là sự thật. Nhưng tôi hỏi ai nghèo ? Tôi thì tôi thấy rằng nước ta nghèo là chỉ có dân nghèo, còn nhà nước và các " quan cai trị " không nghèo, các quan có ô tô, phòng khách, máy lạnh, biệt thự, khách sạn, tiệc tùng không kém gì các quan ở các nước phát triển. Thế rồi các ông trả lương và thao túng, và sai khiến từ nhà văn, nhà báo đến cán bộ nhân viên dưới tay các ông. Tôi thấy thương hại cho những cháu bị sai đi theo dõi tôi, và cả những cháu nghe trộm và ăn cắp thư của tôi. Tôi thương vì, các cháu chỉ đáng tuổi con và tuổi cháu nội, cháu ngoại tôi thôi, thế mà nó phải sống, phải cúi đầu làm những việc nhục nhã như vậy. Các cháu làm thế để phục vụ ai ?

3. Tôi nhịn nhiều, nó ứ trong người nên tôi phẫn uất. Ở tuổi tôi và khả năng của tôi chỉ có thể bộc lộ trên trang viết và lời nói. Nhưng các ông lại rình rập và bầy nhiều trò bỉ ổi như trò " Hoài Việt " mà có dịp tôi đã nói qua [3]. Tôi biết có những " tay sai " đi đe doạ những người muốn đọc bài của tôi, nhưng lại khuyến khích mọi người đọc bài Hoài Việt ??? Các ông có dám đề ra mấy vấn đề để cho toàn thể nhân dân và toàn thể đảng viên góp ý như sau này không :

– Đảng bây giờ là Đảng gì ? Đảng của ai, Đảng đang làm gì có lợi cho dân và Đảng đang làm gì hại cho dân ? Tại sao dân kém tin Đảng hơn trước, tại sao thanh niên, trí thức ít tha thiết vào Đảng ?

– Nhà nước bây giờ thế nào ? Nhà nước có khuyết điểm gì ? Tại sao không chống được tham nhũng ? Tại sao càng chống tham nhũng, tham nhũng càng nặng thêm ?

Tôi hưởng ứng cuộc vận động phê bình và tự phê bình, và tôi thực hiện quyền công dân của tôi theo Hiến Pháp trong các điều 53 về " quyền tham gia quản lý nhà nước " ; điều 60 về

(3) Thay vì công bố và phản bác luận điểm của ông Trần Độ, bộ máy của Ban tư tưởng - văn hoá ĐCSVN đã nguỵ tạo ra một lá " thư ngỏ kính gửi ông Trần Độ, trung tướng hồi hưu " ký tên " Việt kiều Ca-li-phoóc-ni-a Hoài Việt " để " phổ biến nội bộ " và trích đăng trên báo Nhân Dân (xem *Diễn Đàn* số 73, tháng 4.1998).

" tự do nghiên cứu, phê bình " ; điều 69 về " tự do ngôn luận " ; điều 73 về " thư tín " và điều 74 về " khiếu nại tố cáo " bằng thư phản kháng này. Không nên chỉ hạn chế ở chỗ tự phê bình tham ô, hủ hóa cá nhân... rồi kết luận là không có vấn đề gì lớn ; nếu có thì lại giữ bí mật " để bảo vệ uy tín cho Đảng và cho nhà nước ". Cứ thế che giấu cho nhau. Còn đối với các người có ý kiến khác thì đối xử rất " tử tế " như sau :

– Có 11 vị lão thành cách mạng ký một huyết tâm thư, đầy tâm huyết, tố cáo hành vi tham nhũng của mấy cán bộ cấp cao. Nhưng cán bộ bị tố cáo lại yên ổn và được bênh vực. Còn 11 cụ thì lần lượt 100 % bị truy bức, kiểm điểm và có 3,4 đảng viên đã bị khai trừ.

Cần phải hỏi rằng : nhà nước này (gồm Đảng và Chính phủ) chống tham nhũng hay chống người chống tham nhũng ???

– Vụ án Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, chánh án không bác được lời bào chữa của bị cáo và luật sư, không có một tí chứng cứ nào để buộc tội, mà cứ tuyên án. Tuyên án xong rồi vẫn khẳng định là " đúng tội, đúng pháp luật ". Thật ra rất Việt Nam, và nhục cho Việt Nam quá.

– Bắt Nguyễn Thanh Giang, tịch thu máy tính giam giữ hơn 3 tháng rồi tạm tha và cũng không rõ ràng tạm tha rồi sẽ sao nữa ? Nguyễn Thanh Giang bị bắt từ ngày 4/3 đến ngày 10/5 thì được thả. Ngày 4/7 là ngày Nguyễn Thang Giang đã hết hạn một đợt điều tra 4 tháng theo luật. Thế mà không có giấy tờ quyết định gì, thân phận Nguyễn Thanh Giang là thế nào ở nước này, ai phải sống theo luật và ai không cần theo luật ???

– Gọi ông nhà văn Hoàng Tiến, bạn ông Thanh Giang lên công an, thẩm vấn 3-4 ngày và cũng gọi nhiều ông khác lên công an như vậy (Hồng Hà, Trần Dũng Tiến, Vũ Huy Cương). Thế là công an muốn gọi ai thì gọi, muốn gọi lúc nào thì gọi. Thế là nhà nước của dân, do dân, vì dân đấy à ?

– Uỷ ban tỉnh Lâm Đồng quản chế hành chính Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự 2 năm. Mới đây, nhà nước tỏ ra " khoan dung và nhân đạo " bớt cho Bùi Minh Quốc 75 ngày và từ 16/9, Bùi Minh Quốc đã được tự do.

– Khám nhà Hà Sĩ Phu, thẩm vấn Hà Sĩ Phu và tịch thu máy tính của Hà Sĩ Phu.

Theo tôi biết, máy tính là một công cụ làm việc của các nhà khoa học, của trí thức và là một tài sản của tư nhân. Sao nhà nước lấy quyền gì mà tịch thu công cụ làm việc và tài sản của công dân. Đã có án lệnh nào cho việc làm đó ? Nhà nước có mắc tội cưỡng đoạt tài sản của công dân không ?

– Hồi tháng 5/1999, tôi làm đơn xin ra báo là tôi căn cứ vào điều 69 trong chương " quyền lợi và nghĩa vụ căn bản của công dân " ở trong Hiến Pháp 1992. Đồng thời tôi cũng căn cứ vào điều 1 của Luật Báo chí nói về " vai trò và chức năng của báo chí ". Trong điều này, câu sau cùng, sau dấu chấm phẩy (;) có ghi " diễn đàn của nhân dân ". Khi Bộ văn hoá trả lời tôi là không đồng ý, thì chỉ căn cứ vào luật (phân tích của điều 1 nói là " chỉ có tổ chức mới được quyền xin ra báo ").

Đối với Bộ văn hoá, không có Hiến pháp và cũng không có " diễn đàn của nhân dân " trong luật. Nhà nước dùng luật hay thật. Thế mà bảo rằng không phải " của dân " lại giận và cho là hại cho uy tín nhà nước ?!

Hồi tôi còn thanh niên, sống ở quê (Thái Bình) dưới chính quyền thời Pháp thuộc, tôi thấy ở làng tôi, chính quyền thường hay coi chừng, nghi ngờ, cho theo dõi và hay quấy rầy những người được coi là **tình nghi cộng sản**, những người này làm ăn gì cũng khó khăn, không làm được. Những người này lại thường là chú, bác, và các anh lớn của tôi.

Đến bây giờ, tôi lại cũng biết được nhà nước đã liệt một số người trong đó có cả tôi là loại " tình nghi chống đảng, chống chủ nghĩa xã hội ". Tôi cũng có quen biết một số người bị " tình nghi " này. Tôi không thấy có ai chống đối cái gì, chỉ có sự phê phán và bình luận. Và đó là những sự phê phán và bình luận rất thông minh và rất có lý. Thế là lại có sự " tình nghi hiện đại ". Ông trời cũng oái oăm thay !

Nước Việt Nam rất anh hùng và cái nhà nước Việt Nam có những hành xử làm ngạc nhiên mọi người bình thường, thì vinh dự cho Việt Nam hay nhục nhã cho Việt Nam ???

Tôi thấy hình như Quốc hội quyết định Hiến pháp chỉ để tuyên truyền và làm luật, chỉ để nhà nước bắt dân theo, còn nhà nước tha hồ làm trái và phá luật ???

Hãy để cho dân làm việc so sánh một số khẩu hiệu như : " của dân, do dân, vì dân ", " dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra ". Dân làm chủ, Chính phủ và cán bộ là đầy tớ phục vụ nhân dân.

Để cho dân cứ so sánh cụ thể những khẩu hiệu đẹp đẽ ấy với cuộc sống hàng ngày của các công dân, kể cả từ công dân hạng nhất đến công dân hạng bét. Cần để dân lý giải các cái " tại sao ".

Tôi là người đã từng ở trong bộ máy, tôi thấy rõ ràng là rất có thể bàn bạc với nhân dân những vấn đề nêu trên, không có ai lợi dụng được đâu. Đảng đã có một lực lượng công an hùng mạnh và một quân đội khá lớn, sao lại còn sợ một số kẻ làm bậy ? Ngày xưa mới bắt đầu kháng chiến, năm 1947, Bác Hồ đã viết *Sửa đổi lề lối làm việc* vạch bao nhiêu là bệnh hoạn, khuyết điểm của Đảng và của cán bộ mà không sợ ai lợi dụng. Thế mà nay, sau khi ta đã thắng lợi oanh liệt được 25 năm rồi, tại sao sợ ? Nhiều người có lý khi nói rằng : " đó chỉ là sợ mất ghế thôi ".

Công khai phê bình, thảo luận chỉ làm cho mọi người vui vẻ hào hứng. Bây giờ rất nhiều người cứ nô nức tìm đọc những bài không in, trong đó các bài của Trần Độ cũng được tìm đọc nhiều. Điều đó là vì sao ? Nên để mọi người cùng nói tự do, có phải vui hơn không ? Và sẽ không còn có ai là người cần phải theo dõi và bao vây thư từ, điện thoại nữa.

Tôi đã trút được một phần sự phẫn uất của tôi. Tôi mong nó đến tay các ông và các ông phải đọc nó. Còn thì lương tâm và trách nhiệm các ông sẽ mách bảo các ông cần làm gì. Tôi đã gần đất xa trời, tôi chỉ còn niềm vui trong hồi tưởng và mơ ước thôi, tôi chẳng còn gì để mong đợi và cũng chẳng còn gì để sợ. Các ông cần bí mật, chứ tôi, tôi cần nói với nhiều người, tôi cần cả thế giới nghe tôi. Và thời đại này đã có điều kiện như thế !

Chào các ông,

Trần Độ

dương thu hương

HÃY RA KHỎI CÁNH RỪNG CHÂN TRỜI PHÍA TRƯỚC

Người ta vốn tin rằng có những con số may mắn, những con số rủi ro, những con số linh thiêng và những con số đáng nguyền rủa. Khi quân xúc xắc gieo xuống, đố ai biết nó lăn theo hướng nào. Người công dân thứ sáu tỉ trên hành tinh của chúng ta sẽ mang quốc tịch nào đây ?... Đó là câu trả lời của một đấng linh thiêng không nhìn rõ mặt. Trong khoảng thời gian chờ đợi, tôi xin mạn phép giả dụ rằng đứa bé mang con số đặc biệt kia sẽ chào đời tại một vùng đất đói nghèo khốc hại xứ Somalia hoặc trong một cung điện lộng lẫy như Buckingham, hai địa danh có thể tạm coi như địa ngục trần gian và thiên đường cõi thế. Nếu đứa bé đó cất tiếng khóc chào đời dưới mặt trời bỏng giãy Somalia, âm thanh đầu tiên tuới rót vào tâm hồn nó sẽ không phải giai điệu của bài hát ru mà là tiếng đạn bom, tiếng vo ve của những bầy ruồi, tiếng vỗ cánh của lũ chim ăn xác. Mùi vị đầu tiên nó cảm nhận sẽ không phải mùi hoa cỏ, mùi lúa chín, múi trái cây mà là mùi máu tươi và máu khô, mùi thối rữa của các tử thi và mùi thối rữa của thực phẩm trong khẩu phần thường trực... Nếu đứa bé ấy may mắn sống sót cho đến tuổi trưởng thành, tôi cầu xin Thượng đế đã dung dưỡng sinh linh ấy ban phát cho nó khả năng nhận thức về thân phận của mình cho dù trí não nó chưa kịp nở bừng đã tàn héo và mê mụ đi trong sự tê liệt của cùng khốn và nhàm chán. Nhận thức về thân phận của chính mình là phẩm chất quan trọng để làm người. Những người lùn Pygmée trong rừng tin chắc rằng toàn thể nhân loại đều trần truồng và ăn những con sâu như họ. Những công dân các nước cộng sản trước đây cũng đinh ninh rằng trên toàn cầu, giá trị con người được đong đếm bằng số lượng thực phẩm nhà nước phân phối mỗi tháng và số phận công dân được quyết định bởi các nghị quyết Đảng chứ không phải bằng pháp luật. Như vậy, đương nhiên đứa bé Somalia cũng sẽ tin rằng số phận con người vốn là thế : vốn sinh ra giữa một cặp đùi gầy guộc và bẩn thỉu, vốn phải chịu đựng đói khát và bị xua đuổi, bị tàn sát như một loài vật yếu đuối hay sâu bọ nếu như nó không đủ khả năng để hiểu rõ thân phận chính mình. Xin Thượng đế hãy cho nó ơn huệ ấy. Xin hãy mở to đôi mắt nó, hãy cho nó cơ hội nhìn thấy một cuộc sống khác nhân loại khác vì chỉ như thế nó mới ý thức được chính mình. Người ta phải ***ra đi*** mới có ***trở về***. Trở về với chính mình là cuộc trở về khó khăn và quan trọng nhất.

Trong trường hợp thứ hai, nếu đứa bé được sinh ra ở Buckingham, cuộc sống của nó được định vị giữa nhiều lớp rào chắn, những lớp rào kiên cố được dựng lên nhằm tránh cho nó những hiểm hoạ rủi ro của cuộc đời đầy biến động và ô nhiễm. Đứa trẻ may mắn kia được chuẩn bị để trở thành một tiểu thiên thần. Tôi cầu xin Thượng đế hãy ban cho tiểu thiên thần ấy một trí tưởng tượng siêu việt. Để tâm hồn nó có thể vượt qua những lớp rào chắn của cuộc sống phù hoa chạm tới những cõi đời khác, xúc cảm những nhân loại khác, thấu hiểu rằng có những gian truân và những khổ đau nó không hình dung nổi... Trí tưởng tượng cũng là một phẩm chất cao quý của con người. Không có nó, chắc chắn con người không thể cảm thông, không có tình thương, sự khoan dung, lòng nhân hậu. Không có các hội cứu tế, tương tế, từ thiện. Không có mẹ Teresa và các bà xơ. Trí tưởng tượng khởi đầu cho một chuỗi những cảm xúc, suy tư, những giả thuyết trí tuệ, sự ăn năn và những ý định tốt đẹp nhằm cứu vớt phần nhân loại đắm chìm trong cùng khốn và mê muội. Đôi khi sự thiếu hụt trí tưởng tượng có thể dẫn đến những tội ác ngoài ý muốn. Một đứa con chủ trại mười bốn tuổi lần đầu tập bắn đã nhầm đúng trán đứa bé khác bởi vì nó không hình dung một con người có thể rúc giữa đám gai nhọn, nó ngỡ đó là con chồn con cáo hoặc loài thú nhỏ nào đó sống ven rừng. Đứa bé kia rúc giữa đám gai nhọn vì muốn đánh cắp những mẩu gỗ bên trong hàng rào của chủ trại. Gia đình túng bấn và mẹ nó giao cho nó phận sự phải kiếm cho đủ củi về đun. Sự việc thật giản đơn. Một tiếng súng nổ. Và một sinh linh lìa bỏ cõi đời. Có ai nghe thấy tiếng thở dài của Thượng đế chăng ?... Tôi chưa nghe thấy. Trí tưởng tượng là sản phẩm của con người nhưng đồng thời lại là một trong các vật liệu cấu tạo nên con người. Nó không dành riêng cho các diễn viên. Lượng diễn viên chuyên nghiệp so với tổng số nhân loại quá nhỏ bé. Trí tưởng tượng là một tiêu chuẩn đo tính người. Không phải vô cớ mà người ta định nghĩa : Con người là con vật ảo tưởng.

Vì sao chúng ta lại ảo tưởng. Bởi chúng ta là Con Người. Giữa một loạt các khái niệm : trí tưởng tượng, ảo tưởng, hi vọng, ước mơ, utopie và hallucination không có những ranh giới với các đồn biên phòng được canh gác nghiêm cẩn. Chúng là những miền đất giáp ranh và những no man's land chúng chơi trò đổi chỗ giống như các bóng ma đùa rỡn lúc vào đêm. Trong tiến hoá, mọi sinh vật thường không thoả mãn với các điều kiện sẵn có của chúng mà luôn luôn tìm kiếm một môi trường khác để kiến tạo những ổ sinh học tốt hơn cho bản thân. Chúng ta cũng vậy thôi, chúng ta cũng trăn trở năm này qua tháng khác, khắc khoải ngày đêm để tìm kiếm cho mình một cuộc sống tốt đẹp hơn. Cái mà nơi sinh vật là " ổ sinh học tối ưu " nơi chúng ta họi là Sự hoàn thiện. Đó là khuynh hướng chủ đạo của cuộc nhân sinh. Nhưng sự hoàn thiện là chân trời đối diện, chúng ta càng tiến đến, nó càng lùi ra xa. Nó là Thượng đế không nhìn rõ mặt, là vị thần toàn năng và bất tử nhưng chỉ toàn năng và bất tử khi được che khuất bởi những đám mây dày đặc trên đỉnh Olympe để người đời sáng tạo gương mặt mình theo nét vẽ của họ. Vậy vì cớ gì chúng ta mãi theo đuổi vào trò chơi vô tận này. Cuộc đuổi bắt mà kẻ theo đuổi khốn khổ là chúng ta đây biết chắc chắn rằng chẳng bao giờ tới đích... Vâng... Chúng ta theo đuổi vì chúng ta biết rằng đó chính là bản chất đời sống. Ngoại trừ một bộ phận nhân loại đắm chìm trong đói khát nhục nhằn chết chóc, chỉ dám tìm kiếm sự tồn tại chứ không tìm kiếm cuộc sống thật sự và cuộc tồn tại đó chỉ ngang giá với sự tồn tại của cỏ cây, còn những ai ý thức về thân phận người, về nhân cách và thấu hiểu ý nghĩa cuộc sống đều phải dấn thân vào trò chơi đó. Chúng ta sống là để tìm kiếm một Thượng đế không nhìn rõ mặt, một giá trị mới đang còn ẩn náu nơi chân trời xa ngái, sau những lớp mây và những đám sương mù. Con người chẳng bao giờ sống đủ với những thứ họ đã nhìn thấy trước mắt, họ đã nắm

trong tay, họ đã cất vào các ngăn tủ. Con người sống bởi Cái sẽ đến. Cái sẽ là. Tất cả những lao động nhọc nhằn, thử nghiệm, ước mơ, khắc khoải, hi vọng và tìm kiếm không ngưng nghỉ là để tìm kiếm một cái mới, tốt đẹp hơn, ***cái chưa nhìn thấy***. Sống là phiêu lưu. Không cuộc phiêu lưu nào hứa hẹn một kết quả chắc chắn. Chúng ta nhảy xuống biển bơi tới bãi bờ phía trước vì nghe thấy tiếng gọi của Thượng đế vọng trong chính tâm hồn khao khát của chúng ta chứ không vì một cú điện thoại tại một hải cảng đã chờ sẵn bên kia bờ đại dương. Biển nào cũng dung chứa xác tàu bè và hài cốt người dưới những lớp sóng màu lam. Biển nào cũng có những bầy sirène và các tam giác quỉ. Và như thế, khả năng sai lầm của con người là thứ rất khó kiểm soát và thường chỉ được nhận diện sau khi sự việc đã xảy ra. Giờ đây, hẳn còn có những người ngẩn ngơ tự hỏi : Vì sao giữa lòng châu Âu thế kỉ 20 lại nảy sinh ra những lò thiêu người -- giữa mảnh đất mà nền văn minh Hi-La cổ đã tẩm đậm và phù trợ, nơi tâm hồn con người được thanh lọc và thăng hoa trong ánh huy quang của thời Phục Hưng, nơi trí óc con người được chiếu rọi bởi Thế kỉ Ánh sáng ?... Thế đấy. đã từng như thế. Vậy các công dân của thế kỉ mới, xin các vị hãy dè chừng. Lớp vỏ của nền văn minh rất đỗi mong manh, nó có thể bị gãy vỡ ở những nơi và vào những lúc ta ít ngờ tới nhất. Người xưa nói : Bóng tối ở ngay dưới chân đèn. Chúng ta thường mắc bẫy ở những nơi ta tin chắc rằng vô sự. Con người sáng tạo ra ngôn từ nhưng lại bị chính ngôn từ lừa mị dẫn dắt và họ biến thành nô lệ của một tôn giáo, một hệ tư tưởng hoặc một đảng phái. Từ khát vọng vươn lên một thế giới tốt đẹp hơn, họ đã rơi xuống bãi lầy ở nơi đó giữa bùn đen, họ phải chấp nhận trở thành những kẻ tàn ác, đểu giả hoặc đớn hèn, trong cả hai chiều hướng tính Người đều giảm thiểu và tính Không Người gia tăng bù vào khoảng trống. Đây không phải trường hợp của vài cá nhân, thậm chí vài ba triệu người. Đây là lịch sử buồn của ngót một nửa nhân loại đã sống dưới thể chế cộng sản trong già nửa thế kỉ vừa qua... Vậy thì những công dân tương lai của hành tinh, xin các vị hãy biết cảnh giác với các luận thuyết và các ngôn từ, chúng ta tinh khôn hơn loài vật nhưng chúng ta mỏng manh hơn chúng. Loài vật không suy nghĩ, chúng tìm kiếm và kiến tạo những ổ sinh học mới theo bản năng, trong bản năng ấy Thượng đế đã cho chúng một khả năng tiên liệu. Chúng ta là con người, chúng ta sáng tạo nên ngôn ngữ xây thành đắp luỹ cho thế giới người bởi chính ngôn ngữ rồi đôi khi chúng ta lạc lối chết ngạt trong các thành luỹ giống như kẻ xây một mê cung rồi bị cầm tù trong chính mê cung ấy chẳng tìm được lối ra. Hệ thống nhà nước kiểu Stalin đã sụp đổ trên căn bản nhưng bóng tối nhà tù Xibia còn trùm lên những giấc mơ hồi cố của tôi. Các vị, những kẻ hậu sinh, các vị có thể quên hết những cái tên hãi hùng của lịch sử : Hitler, Stalin, holocauste, goulag... Vâng, các vị có thể quên hết đi. Đó là quyền của các vị. Nhưng chớ bao giờ quên khả năng có thể lầm lạc của con người. Bởi con người không quá hùng mạnh như hằng tưởng. Chúng ta không khoẻ như hùm beo gấu sói. Chúng ta không thể quay mọi chiều như con sâu, không chạy nhanh như đà điểu, không đánh hơi tài như chó, không cảm nhận và tiên liệu thời tiết nhạy bén như loài ong... Nhưng chúng ta sẽ mạnh nếu chúng ta biết sử dụng trí khôn. Và một phần rất cốt lõi của trí khôn được hình thành trên những nghiệm sinh trực tiếp và gián tiếp. Những kinh nghiệm khốc hại của thế hệ chúng tôi sẽ trở thành tài sản của các vị nếu các vị biết sử dụng. Lịch sử không tiến lên theo cùng một nhịp điệu, không đều đặn liên tục một cách máy móc. Nhưng đừng hi vọng cắt thời gian thành từng lát như cắt bánh mì. Nghĩ như thế là tự sát. Lịch sử có các bước nhảy, những chỗ thụt lùi, lúc nhanh lúc chậm, khi rực rỡ khi tăm tối... nhưng nói chúng vẫn là dòng chảy, và trên tổng thể, theo chiều ***lên cao***. Con người càng ngày càng Người hơn, tự do hơn. Xa xưa, chúng ta sống thành bộ lạc và theo lệnh của kẻ cầm đầu bộ lạc chúng ta giết người của bộ lạc bên cạnh, cách chúng ta một cánh rừng. Sau rồi, sống theo đơn vị quốc gia chúng ta tiến hành chiến tranh với quốc gia bên cạnh theo lệnh quốc vương hay ngài tổng thống. Giờ đây, ngoài Mỹ còn có Liên minh châu Âu. Không gian sinh tồn được mở rộng. Những thay đổi về cấu trúc hành chính đem lại chiều kích tự do mới cho con người. Càng ít phụ thuộc vào một hệ thống kín nào đó con người càng Người hơn, càng tự do hơn. Và cùng với những tiến bộ của nền văn minh con người ngày càng mạnh. Christophe Colomb phát hiện ra châu Mỹ với các thuyền buồm chứ không phải tàu du hành vũ trụ. Mỗi thời đại có chân trời riêng của mình. Đà bay của các công dân thế kỉ sau sẽ rộng hơn đà bay của chúng ta.

Tuy nhiên, tôi vẫn thường nghĩ tới hình ảnh con người đầu tiên rời bỏ cánh rừng tiền sử, phóng tầm mắt lo âu về chân trời phía trước. Anh ta có sợ hãi chăng ?... Hiển nhiên là có. Anh ta đã quen ẩn trong hang đá, núp dưới vòm cây, quen cái ổ sinh học được định vị. Giờ đây anh ta rời bỏ chốn ấm êm đó, tiến về bình nguyên... Một không gian xa lạ. Trống trải. Mênh mông. Không nơi trú ngụ. Một bầu trời hoang vu kinh hoàng. Không cành lá, không chim chóc. Một bao la ngập lụt. Nhấn chìm. Hù doạ. Sấm sét. Bão giông. Mặt trời thêu đốt... Nhưng con người sợ hãi đó đã cố vượt qua nỗi sợ hãi của bản thân, vươn thẳng lưng cất bước. Đẹp thay. Dũng mãnh thay hình ảnh đó. Tổ tiên chúng ta đã khởi đầu lịch sử bởi khảnh khắc đầu tiên rời bỏ cánh rừng, tiến về phía bình nguyên.

Từ đó tới nay bao nhiêu trang sử đã lật qua ?... Bao nhiêu nước đã chảy trôi dưới những chân cầu ?... Nhưng tôi vẫn muốn nhắc lại hình ảnh của tiền nhân. Bởi mãi mãi sống vẫn đồng nghĩa với hiểm nguy. Và mỗi khi mường tượng tới cuộc dấn thân của những công dân tương lai tim tôi vẫn thắt lại vì khắc khoải và đâu đó, giữa mớ cảm xúc và ý tưởng hỗn độn trong óc não tôi, có cái gì như tiếng kêu câm nín, có cái gì như nỗi lo âu không thể cất lời, có một nỗi sợ hãi ẩn náu dưới tiếng thét điên cuồng thúc hối : Ra đi !... Vâng. Như thế đấy... Và phải chăng đó chính là thân phận vĩnh cửu của con người ?... Bởi thế, tôi xin chúc những con người của ngày mai có đầy lòng can đảm để ra khỏi cánh rừng và tiến về phía chân trời phía trước.

Dương Thu Hương

Bài viết này được xuất bản trong tập **Những lá thư gửi cho người công dân thế giới thứ 6 tỉ (Letters to the Six Billionth world Citizen)** *sẽ phát hành cuối năm 1999 cùng một lúc tại Hà Lan, Đức, Đan mạch, Israel, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Ai Cập và Ấn Độ. Dương Thu Hương là tác giả Việt Nam được mời viết, cùng với các nhà văn Ariel Dorfman, Salman Rushdie, Antjie Krog, Maryse Condé, Nawal El Saadawi, Connie Palmen, Pramoedya Ananta Toer, Buchi Emecheta, Dubravka Ugresiç, György Konrad, Marianne Fredericksson, Eduardo Galeano, Meir Shalev.*

Bức tường Bá Linh... *(tiếp theo trang 1)*

xoe... Rồi tin này loan truyền, và ngay buổi tối lúc khoảng 21 giờ đã có nhiều nhóm người Đông Bá Linh tìm cách vượt qua bức tường, "thử xem sao", và những người lính biên phòng, vừa không được chỉ thị vừa bị vỡ bờ, đã phải để cho họ qua. Lúc 22 giờ 50, cả nước Đông Đức đã biết được qua đài vô tuyến truyền hình Tây Đức là bây giờ có thể vượt tường "không khó khăn gì". Những điều còn lại thuộc về lịch sử, cả một thành phố đổ ra đường đi về vùng ranh giới, còi xe rền rĩ, người ta hò hét vì vui sướng, người ta ôm hôn nhau, đem thuổng cuốc ra phá tường. Nói gọn lại, " *ngày hội ngoài đường lớn nhất trong lịch sử nhân loại* ", được trực tiếp truyền hình và được hầu hết các đài trên thế giới khuếch đại quá độ...

Nếu chỉ thuần tuý kể lại như trên sự kiện bức tường sụp đổ, - gợi ấn tượng một biến cố rất lạ kỳ, đột ngột, làm bất ngờ cả những tác nhân lẫn các nhân chứng - thì quả nhiên quá thiếu sót. Đúng là không ai đoán trước được ngày giờ bùng nổ, nhưng biến cố này rõ ràng có thể được dự báo (xem khung kèm bài này). Nếu nhìn lại ngược thời gian cuốn phim thời sự năm 1989, người ta mới có cảm tưởng như thấy bức màn sắt bị rã rời từng mắt xích. Trên thực tế, số phận sụp đổ đã nằm trong bức tường từ đầu tháng 9.89, khi biên giới Hung-Áo mở tự do, qua đó chảy máu cả sinh lực của Đông Đức : thanh niên, cán bộ, chuyên gia, thợ lành nghề, trong một tháng đã có hơn 65 000 người bỏ sang Tây Đức. Những hình ảnh để nhớ lại là các tắc-xi thành phố Budapest chở miễn phí ra tới biên giới, các xe Trabant nằm bỏ trống ven đường... Thế mà, việc nước Hung tự giải phóng, khẳng định nền độc lập đối với khối Liên Xô ... tất cả rập theo mô hình của Ba Lan (chẳng hạn như các "bàn tròn" giữa chính quyền và đối lập), và người ta chỉ có thể hành động như thế khi đối lập đã thắng thế ở Ba Lan, chỉ ra rằng có thể hành động, rằng người "anh cả" Liên Xô đã không còn khả năng can thiệp... Và như vậy ta đi ngược tới Ba Lan và công đoàn Đoàn-Kết, tới cuộc đấu tranh dài mười năm giữa chính quyền và xã hội dân sự. Chính thế đó, tất cả ý nghĩa của khẩu hiệu ở Praha : "10 năm, 10 tháng, 10 tuần..."

Trong suốt, đổi mới, và dân chủ

Nói cho cùng, tường Bá Linh cũng giống như Vạn Lý Trường Thành. Cái này gồm 165,7 Km bê tông, gạch xi măng và giây thép gai, còn cái kia chứa đủ gạch để xếp 40 lần vòng quanh trái đất. Cái này dùng để nhốt ở "phía trong", còn cái kia dùng để chặn xâm nhập từ "phía ngoài", nhưng cả hai đều cùng theo lôgích của sự vây hãm : phòng giữ một hệ thống kín. Thế mà điều kiện sống còn của một hệ thống kín chính là không thể dung thứ cho bất cứ một kẽ hở nào, dù thấy như không có gì đáng kể, vì nếu không sẽ chịu tình cảnh rạn nứt lớn dần, rồi toang ra, gây nổ sụm. Trong hệ thống "xã hội chủ nghĩa hiện thực", đường nứt đầu tiên đã mở ra từ những cuộc biểu tình ở Gdansk và sự thành lập công đoàn Đoàn-Kết, nhưng cũng có thể nói vết rạn trước nhất đã xuất hiện với mùa xuân Praha. Thực ra thì đó chỉ là hai thời điểm tượng trưng, hiển lộ ra ánh sáng ban ngày cuộc chinh phục của xã hội công dân một không gian tự do mà quyền lực đã phải nhả ra vì không còn khả năng toàn trị. Quá trình này đã nhiều lần được mô tả[2] : Một nền độc tài suy yếu, không còn có thể chỉ dựa trên kiềm chế để tự bảo tồn, tìm cách mang một bộ mặt 'chính thống' khi nộp lại cho xã hội những thế chấp (nâng cao đời sống vật chất, tự do diễn đạt, hứa hẹn cải cách ...) ; nhưng vì đó không phải là sự chính thống thật sự về chính trị (nghĩa là một công ước dân chủ), xã hội không thể bằng lòng lâu dài với những thế chấp ấy, nhất là khi tình thế (chẳng hạn về kinh tế) không sáng sủa hơn ; chính quyền lúc đó chỉ còn sự chọn lựa giữa đóng lại kín hơn hoặc mở ra rộng hơn, nhưng bây giờ phải đứng trước một đối thủ đã cứng cáp lên sau khi giành được nhiều nhượng bộ ... Nhìn trên góc độ đó thì tiến trình đã diễn ra ở Ba Lan - đình công ở Gdansk, thành lập công đoàn Đoàn Kết, thoả thuận ở Gdansk, cuộc đảo chính của Jaruzelski, thiết lập tình trạng báo động, hợp thức hoá trở lại công đoàn Đoàn Kết, bàn tròn giữa chính quyền và đối lập, tuyển cử tự do - có giá trị điển hình.

Người ta cũng có thể kể đến tiến trình đã diễn ra tại Liên Xô, một tiến trình dài 20 năm đi từ chủ nghĩa Brejnev (nghĩa là sự " *độc lập có giới hạn* " cho các nước đông Âu) tới chủ nghĩa Gorbachev, mà ai đó đã chế nhạo đặt tên là " *chủ nghĩa Sinatra*[3] " (có nghĩa " *mỗi nước theo một đường* "). Những chính sách "*glanost*" và "*perestroika*" không phải là một ơn huệ do Gorbachev ban xuống, chính sự suy sụp của thể chế xô viết trong những năm 80 (thất bại trong thế giới thứ ba, thua trận tại Afghanistan, không còn khả năng theo đuổi cuộc chạy đua võ trang, khủng hoảng kinh tế và xã hội) đã bắt buộc phải làm như thế. Người ta chắc sẽ không bao giờ biết được có phải Gorbachev đã đi trước các biến chuyển một bước, hay là ông chỉ đuổi theo chúng, nhưng dù sao đi nữa thì một điều là chắc chắn : "*perestroika*" có ý nghĩa như một sự thay đổi chế độ có tính di truyền. Không những "chủ nghĩa cộng sản" đã từ bỏ cuộc cách mạng toàn thế giới, mà nó còn "tạm đình hoãn" khi tự tiêm chủng cho mình một liều lượng kinh tế thị trường (dù cho có gọi là "định hướng xã hội chủ nghĩa") và một liều lượng dân chủ (dù cho có gọi là "dưới sự lãnh đạo của đảng"). trong thời đại này, có lẽ người ta liên tưởng ngay tới những loài thảo mộc được thay đổi di truyền.

Ngày hôm nay, mười năm sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, các chế độ "cộng sản" còn sống sót (ngoặc kép là bắt buộc, vì lý do di truyền đã nói trên) vẫn đối đầu với vấn đề của Gorbachev. Liều lượng thị trường thì đã tiêm vào, nhưng còn dân chủ thì chưa, vì đối với những người tự cho rằng đã rút ra được bài học của bức tường Bá Linh thì dân chủ đồng nghĩa với xáo trộn. Nhưng tình trạng kinh tế có thể bị lật ngược bất cứ lúc nào (phải chăng nó đã đang lật ngược), và vẫn những cơ chế ngầm đó (đã mô tả ở trên) đang chuyển động.

Những ai còn đánh đồng dân chủ với xáo trộn kể cũng nên nhìn lại cảnh quan "sau khi tường đổ". Người ta thấy gì ? Để qua một bên số phận của Cộng hoà Dân chủ Đức (việc thống nhất với Cộng hoà Liên bang Đức làm thành một trường hợp quá đặc biệt), ta có thể phân biệt hai nhóm, trước hay sau 1989 cũng vậy. Những nước trong nhóm đầu như Ba Lan, Hung, Tiệp, là những nước có một truyền thống dân chủ, một xã hội dân sự đã dày dạn trong cuộc tranh đấu với quyền lực, một giới trí thức thường đứng ở tuyến đầu : sự chuyển tiếp tới dân chủ của những nước này được thực hiện bình thường và nhanh

(xem tiếp trang 20)

Nghệ thuật trên Bức tường Berlin

Văn Ngọc

MBL, *LET MY PAINT DIE WITH THE WALL, 1984*

Tiếng Đức có từ *Berliner Mauer* để chỉ Bức Tường Berlin, lại có từ *Berliner Mauer Kunst* để chỉ những biểu hiện nghệ thuật trên bức tường này. Hai từ xuất hiện cách nhau đúng một thập kỷ, cũng là thời gian để Bức Tường từ một hàng rào giây thép gai trở thành một bức tường bê-tông kiên cố, nhẫn nhụi, trên đó người ta có thể vẽ hay viết một cái gì.

Trên thực tế, từ *Berliner Mauer Kunst* chỉ áp dụng cho một mặt tường, mặt quay sang Tây Berlin, vì chỉ có ở phía bên này mới có những bức bích hoạ, những cụm graffiti, những khẩu hiệu, v.v... Mặt tường phía bên Đông Berlin, ngay từ đầu vẫn chỉ trơ một màu bê-tông ảm đạm. Dọc theo Bức tường phía bên này vẫn là một vùng cấm địa *no man□ s land* hoang vắng, không ai được phép xâm nhập, người dân Đông Berlin không được tới gần Bức Tường, chứ không nói gì đến viết hay vẽ lên đó ! Từ trên hơn 300 chòi canh, lính biên phòng Cộng hoà dân chủ Đức có quyền nổ súng lên bất cứ ai vượt qua Bức tường để trốn sang Tây Berlin.

Không phải ngẫu nhiên mà Bức tường đã không nằm ngay trên giới tuyến giữa Đông và Tây Berlin, mà lại nằm lui vào trong địa phận Đông Berlin tới 4m. Bốn mét đó chính là đoạn đường nguy hiểm cuối cùng đối với những người vượt tường từ Đông Berlin trốn sang Tây Berlin, bởi vì vượt qua tường rồi vẫn còn là địa phận Đông Berlin, vẫn còn có thể bị bắn chết.

Tính ra, từ khi nước CHDC Đức được thành lập vào năm 1949 cho đến khi có Bức Tường, ba triệu rưỡi người đã từ Đông Berlin trốn sang Tây Berlin. Berlin đã trở thành kẽ hở dễ lọt qua nhất của Bức Màn Sắt. Ngày 13-08-1961, Walter Ulbricht, tổng thư ký đảng cộng sản CHDC Đức lấy quyết định cho xây Bức Tường. Lúc đầu, Bức Tường được xây bằng gạch xi-măng, theo kỹ thuật hoàn toàn thủ công. Đến năm 1963, phải dỡ đi xây lại bằng tấm bê-tông đặc xếp chồng lên nhau. Đến đầu những năm 70, Bức Tường lại được xây lại một lần nữa, lần này người ta đúc sẵn những mô-đun tường với đầy đủ cả nền móng, mỗi mô-đun có bề cao 3,50m (không kể móng), bề ngang 1,20m, bề dày trung bình 0,30m, có thể đứng vững một mình được. Về mặt kỹ thuật, đây là biện pháp thích ứng nhất, vừa kinh tế, vừa vững chắc, lại vừa cho phép rút ngắn thời gian thi công, nhất là có thể dựng lên đồng loạt bằng phương tiện cơ giới. Tuy nhiên, Bức Tường ngăn cách CHDC Đức với Tây Berlin dài không dưới 165 km ! Riêng phần ngăn đôi Đông Berlin với Tây Berlin đã dài 45 km rồi. Tính ra, nhà nước CHDC Đức đã phải đổ vào Bức tường này ít nhất cũng trên nửa triệu mét khối bê-tông và cốt thép, và không biết bao nhiêu là nhân công lao động. Vào những năm 70, ở CHDC Đức, đây là một khoản chi phí không phải là nhỏ.

Bản thân Bức Tường không chỉ là hiện thân của sự phân đôi đất nước Đức, mà còn là ranh giới giữa hai chế độ chính trị, hai ý thức hệ đối lập nhau.

Hai mặt của Bức tường phần nào cũng phản ánh sự khác biệt đó. Trong số những hình ảnh đã được ghi lại trước khi Bức Tường bị phá đổ, có một hình ảnh khá giàu ý nghĩa. Đó là hình ảnh Bức Tường trước cổng Brandebourg, tảng sáng ngày 10-11-1989. Nhìn từ trên xuống và từ bên Tây Berlin sang, Bức tường hình vòng cung, đầy màu sắc tươi vui, bên trên lại chật ních những người đang vui mừng, hồ hởi, như quây lấy chiếc cổng lịch sử, với ở đằng sau là cái màn phông ảm đạm của những toà nhà kiến trúc nghèo nàn, đơn điệu, nằm ở hai bên trục đường Unter den Linden trống vắng.

Bắt đầu từ những năm 70 trở đi, Bức Tường phía bên Tây Berlin đã trở thành một mặt phẳng lý tưởng cho phép giới hoạ sĩ và cả những người không phải là hoạ sĩ : sinh viên, Punk, khách du lịch ngoại quốc, v.v... nói lên những điều mình muốn nói, bằng đủ mọi thứ ngôn ngữ : hội hoạ, điêu khắc, graffiti, khẩu hiệu, ý kiến trao đổi, v.v... Không bao lâu, Bức tường đã nghiễm nhiên trở thành *bức hoạ dài nhất thế giới* (45 km) !

Phải nói thêm rằng đó là một bức hoạ *tập thể*, không phải do một hai người vẽ, mà hàng trăm, hàng nghìn người đã viết và vẽ lên đó. Những khẩu hiệu, những graffiti, những hình vẽ, tranh vẽ, cứ chồng chất lên nhau, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác.

Chắc chắn không ai vẽ hay viết lên Bức Tường mà lại mong cho nó tồn tại mãi mãi ! Một hoạ sĩ ký tên MBL, vào năm 1984 đã viết lên đây dòng chữ đỏ như máu : " LET MY PAINT DIE WITH THE WALL ". Các tác phẩm không có

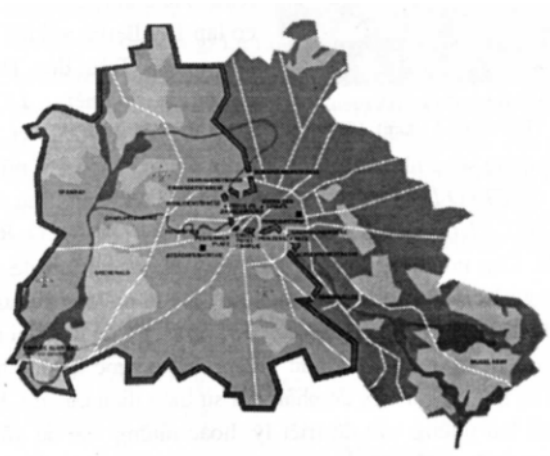

Bức Tường ngăn đôi Đông và Tây Berlin từ 1961 đến 1989

Keith Haring, Bức hoạ dài 100m (trích đoạn), 1986.

bản quyền tác giả, song cũng không mấy ai mếch lòng khi thấy bức vẽ, hay câu khẩu hiệu của mình bị người khác vẽ đè lên, thậm chí che lấp đi. Nhiều tác phẩm của Thierry Noir và Christophe Bouchet, hai hoạ sĩ người Pháp quen vẽ trên Bức Tường từ những năm 80, đã từng bị vẽ đè lên như thế. Thí dụ nổi tiếng nhất là những bức vẽ *Tượng Thần Tự Do* của Thierry Noir bị phủ lấp đi bởi bức hoạ dài hơn 100m của Keith Haring, một hoạ sĩ người Mỹ (1958-1990), người duy nhất đã có một cái nhìn thẩm mỹ tổng quát về Bức Tường. Bức hoạ của Keith Haring phát triển theo chiều ngang, trên phông màu vàng ocre, với đường nét đen và đỏ, thể hiện những hình người nằm ngang được cách điệu hoá đến mức gần như trừu tượng. Bức hoạ đã đem lại cho Bức Tường cái kích thước thật của nó.

Một thí dụ nổi tiếng khác là bức hoạ *Secret Mission* vẽ một dãy những bóng đen của Richard Hambleton, một hoạ sĩ người Mỹ, vẽ vào năm 1983 ở đoạn đường Mariannenstrasse, sau lại được các hoạ sĩ khác tô điểm thêm cho mắt mũi, hoặc đội thêm cho những chiếc mặt nạ. Cũng trên bức hoạ này, không biết ai đã viết lên hàng chữ đen đề : I LIKE BEUYS (Beuys là tên một nhà điêu khắc người Đức nổi tiếng với những tác phẩm Installations đầu tiên vào những năm 60-70). Sau lại có ai khác gạch chữ BEUYS đi, thay thế vào bên cạnh bằng chữ BOYS màu đỏ, bên dưới có ai lại thêm vào chữ SEX.

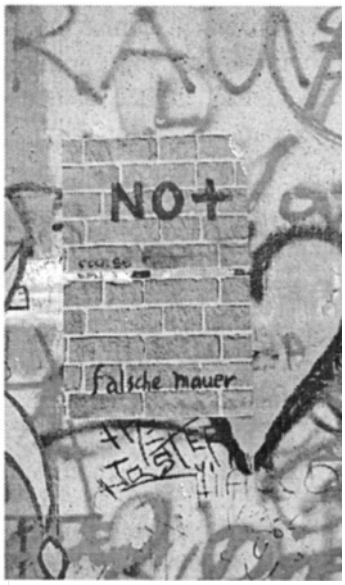

KHÔNG BAO GIỜ NỮA (trên)
BỨC TƯỜNG GIẢ (dưới), 1988

Đối với phần đông các tác giả, Bức tường là một cơ hội, một phương tiện để nói lên những điều họ muốn nói, trước hết là những vấn đề làm họ bận tâm trong cuộc sống hàng ngày. Song, Bức Tường còn là nỗi đau chia cắt đất nước. Nó còn là cái ranh giới cô lập Tây Berlin với thế giới bên ngoài. Trên Bức Tường có người đã viết : *I □ M LIVING IN A BOX*, ví nơi mình đang sống như một cái hộp, một người khác lại ví nó như một *GHETTO DE LUXE*. Có hoạ sĩ khác lại khẳng định : *TRÍ TƯỞNG TƯỢNG CỦA CON NGƯỜI KHÔNG CÓ BIÊN GIỚI*. Câu nói trên thật ra là cả một chương trình để vẽ ! Nhưng vẽ cái gì và với mục đích gì ? Đó là những câu hỏi cụ thể đã được đặt ra cho phần lớn các hoạ sĩ. Vẽ để làm vui mắt, để quên đi sự tồn tại của Bức Tường, hay ngược lại để khẳng định sự tồn tại của nó, để phản đối sự hiện diện của nó, hoặc để nói lên những vấn đề triết lý, hoặc những vấn đề xã hội trước mắt ?

Những mối băn khoăn về nội dung phần nào đã được thể hiện qua các hình thức diễn đạt. Người ta có thể phân biệt được những xu hướng khác nhau như sau :

1 – Vẽ hay viết mà không làm lấp đi cái phông bê-tông của Bức Tường, với dụng ý khẳng định sự hiện diện của nó : tiêu biểu cho xu hướng này là bức hoạ mang tên FALSCHE MAUER (BỨC TƯỜNG GIẢ) ở đường Bethaniendamm, tác giả khuyết danh, 1988 ; bức hoạ ở khu Wedding, vẽ một LỖ HỔNG ĐỤC QUA TƯỜNG, cũng không thấy để tên tác giả , 1984 ; bức hoạ ký tên Kollektiv Wilder Hammer ở đường Luckauer Strasse, 1984, v.v...

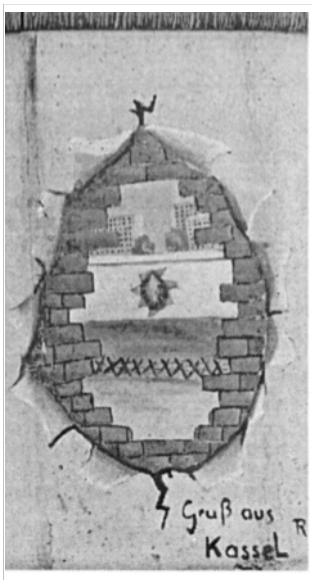

Bức hoạ vẽ Lỗ hổng đục qua Tường ở khu vực Wedding, 1984

2 – Vẽ phủ lấp hết phông bê-tông. Ở đây có thể phân ra nhiều xu hướng, với những nội dung khác nhau :

2a – vẽ lấp hết phông bê-tông với mục đích trang trí, nội dung hài hước, nhẹ nhàng (Thierry Noir, Christophe Bouchet), hoặc thuần tuý thẩm mỹ (Keith Haring), v.v...

2b – vẽ lấp hết phông bê-tông với nội dung đấu tranh (Indiano, Ron English, v.v...).

2c – vẽ lấp hết phông bê-tông, song với mục đích nhắc nhở sự tồn tại của Bức Tường (Nora Aurienne).

ĐƯỜNG GẠCH TRẮNG trên Bức Tường (1986)

Khoảng năm 1986, vào một buổi sáng, người ta thấy xuất hiện trên Bức Tường, một đường gạch dài màu trắng được kẻ đè lên trên các bức hoạ, ở ngang tầm mắt, và chạy suốt từ quảng trường Mariannenplatz đến Postdamer Platz. Tác giả của đường gạch trắng này là một tổ chức hoà bình ở Weimar (CHDC Đức). Đối với tổ chức này, Bức Tường phải được nhìn nhận như một thực tế, một chướng ngại cho hoà bình, chứ không phải một kỳ quan để làm vui mắt cho khách du lịch.

Ngoài những nghệ sĩ đã được nêu tên ở trên, còn có nhiều tài năng khác đã để lại tên tuổi của mình trên Bức Tường. Nhà điêu khắc người Đức, Peter Unsicker, vào năm 1986 đã mở

một Galerie mang tên *Wall Street Gallery* ở đường Zimmerstrasse, nằm lấn sang địa phận Đông Berlin (trong giới hạn 4m). Ông đã thực hiện trên Bức Tường ở đây hai tác phẩm nổi tiếng, một tác phẩm thể hiện một mảng Tường vỡ vụn thành những mảnh gương nhỏ ; tác phẩm thứ hai là những mặt nạ bằng thạch cao trông như những mặt người thật từ trong Bức Tường nhìn ra.

Nữ hoạ sĩ người Pháp, Nora Aurienne, vẽ những con rắn bò trên tường, những đồ xứ bị ném lên Tường vỡ tan, những mũi tên bị cản không xuyên qua được Bức Tường, thể hiện cái ý Bức Tường vẫn là bức tường bằng bê-tông, kiên cố, có thực, không thể nào phủ nhận được.

Có những sáng tác thật sự tập thể như mảng tường nằm ở giữa hai đường phố Mariannenstrasse và Kopernicker Strasse, được thực hiện năm 1988 bởi một nhóm hoạ sĩ gồm có : Marcel Antonio, Agnes Arellano, Edson Armenta, R.M. de Léon, Dan Raralio, Raul Rodriguez, Luciano Castelli, Birgit và Knut Hoffmeister.

Những tác phẩm kể trên ngày nay đã mất đi cùng với Bức Tường. Còn chăng chỉ là một số những mảng, những mảnh vụn nằm đâu đó ở khắp bốn phương.

Sau khi Bức Tường bị xoá bỏ, một nhà kinh doanh người Mỹ đã mua lại của nhà nước CHDC Đức một số mô-đun của Bức Tường và cho chở về Mỹ bằng máy bay. Ít lâu sau, một hãng thầu Đức đã được độc quyền đứng ra tổ chức bán lẻ Bức Tường, tiền thu được trên nguyên tắc để dùng vào các việc từ thiện ! Vào khoảng tháng 2 năm 1990, giá trung bình của một mô-đun Tường được đưa lên tới 50 000 DM. Người ta đem bán đấu giá Bức Tường tận Monaco. Nhiều mảng tường đã được mua bởi các viện bảo tàng, bởi các nhân vật quốc tế quan trọng, cũng như bởi các tư nhân. Phần còn lại của Bức Tường được nghiền nhỏ để dùng vào việc sửa sang đường xá.

Tuy vậy, ngày nay nếu có dịp đến Berlin, bạn vẫn còn có thể nhìn thấy được những dấu tích của Bức Tường. Trước hết, ở khu Friedrichshain, một đoạn Tường dài 1,3 km vẫn còn được giữ nguyên. Người ta gọi nơi đó là East Side Gallery (một galerie ngoài trời, " lớn nhất thế giới ", lẽ dĩ nhiên !). Ở đây, sau ngày Bức Tường sụp đổ (9-11-1989) nhà nước CHDC Đức đã ra quyết định không cho phá đoạn Tường này, để giữ lại làm di tích lịch sử, và sau đó, vào giữa năm 1990, đã mời 118 nghệ sĩ tạo hình của 21 nước tới tham gia thực hiện những bức bích hoạ mới. Các bức hoạ này, về mặt hình thức, nói chung hoàn chỉnh hơn những bức hoạ trên Bức Tường trước kia, nhưng mặt khác lại quá " sạch sẽ ", vì không còn dấu vết của những graffiti chồng chất lên nhau, không còn sự đối thoại giữa các tác giả nữa.

Dmitrij Vrubel, *Le baiser au frère* (East Side Gallery-1990)

Ngoài ra, những nơi Bức Tường đi qua ngày trước đều được ghi lại dấu tích bằng một hàng gạch đỏ.

BUILD DOORS NOT WALL

Nhìn chung, nghệ thuật trên Bức Tường Berlin, trước hết là nghệ thuật *bích hoạ*, sau nữa đó là nghệ thuật *đường phố*, không phải là nghệ thuật thực hiện trên giá vẽ, trong xưởng vẽ. Đó phần nào còn là nghệ thuật *vẽ lén* (Art Pirate) nữa ! Mặt khác, tính chất *tự do* và *tập thể* đã khiến cho bộ mặt của nó luôn luôn thay đổi. Thêm vào đó, sự *chồng chất* lên nhau, đan xen với nhau, của các lớp tranh vẽ, của graffiti và khẩu hiệu, vẽ đi vẽ lại, viết đi viết lại, đã tạo ra một sản phẩm nghệ thuật đôi khi có những nét đẹp bất ngờ. Chỉ riêng về nghệ thuật graffiti, có thể nói rằng graffiti trên Bức Tường Berlin đã vượt xa graffiti ở Paris những ngày tháng Năm 68 về sự dày đặc và đa dạng.

Tuy nhiên, tất cả những ý tưởng nghệ thuật nêu trên đều không có gì mới mẻ, kể cả những nét đẹp bất ngờ, do tác động của thời gian, do các lớp tranh chồng chất lên nhau, đã tạo ra trên Bức Tường. Vào cuối những năm 50, Jacques de la Villeglé và Mimono Rotella đã nêu rõ hiện tượng này qua các tác phẩm hội hoạ của mình. Sự lặp lại các mô-típ trên Bức Tường cũng là những ý tưởng có từ những năm 60, từ phong trào Pop Art, từ Jasper Johns, Andy Warhol, v.v... Ngay cả bức hoạ rất đạt của Keith Haring đã dẫn ở trên, cũng đã dựa vào cùng nguyên tắc này, và về mặt thủ pháp Keith Haring đã chịu ảnh hưởng khá rõ rệt của Jasper Johns.

Ngôn ngữ nghệ thuật trên Bức Tường, nói chung, là ngôn ngữ tượng hình. Điều đó cũng dễ hiểu, vì đó là phương tiện hữu hiệu nhất để diễn đạt những ý tưởng cụ thể, liên quan đến các vấn đề của đời sống. Lẽ ra, cùng với graffiti, và ngôn ngữ viết, nó đã phải nói lên được nhiều điều cần nói vào thời điểm lịch sử của Bức Tường. Trên thực tế, rất ít tác giả đã nói lên được những điều đáng nói vào lúc ấy : những điều liên quan đến Bức Tường, đến cuộc Chiến Tranh Lạnh, đến Hoà Bình, đến những vấn đề đặt ra trong xã hội Tây Berlin lúc ấy, v.v... Bởi vậy cho nên, ngay cả về mặt nội dung, nghệ thuật trên Bức Tường cũng chỉ có một giá trị rất giới hạn.

Sau này, vào năm 1990, ở East Side Gallery, một số các hoạ sĩ được mời vẽ tại đây đã có những tác phẩm đi sâu vào những đề tài trên. Song, đó là sau này, khi mọi sự đã rồi, và Bức Tường đã bị xoá bỏ.

Văn Ngọc

10 năm sau...

(tiếp theo trang 16)

chóng (mặc dù vài lạc lõng kiểu 'mê dân' (populiste), thí dụ như ở Ba Lan hay Slô vắc), các thiết chế dân chủ hoạt động đều đặn, với sự thay đổi đảng cầm quyền (ai có biết chăng, thủ tướng hiện nay ở Ba Lan là một người cựu cộng sản), trong tương lai gần những nước này sẽ hoà nhập vào Liên hiệp châu Âu. Những nước trong nhóm thứ hai, như Bun ga ri, Ru ma ni, là những nơi xã hội bị tán vụn, cơ cấu tan rã, không còn một thành phần tinh hoa nào nằm ngoài đảng có thể thay thế họ. Những nước này đã phải chứng kiến cuộc cách mạng cung đình của bộ máy cai trị (đặc biệt đẫm máu ở Bucarest) để rút cục cũng sắc phong những kẻ kế thừa của thể chế cũ (thí dụ như Ion Iliescu ở Ru ma ni), với hậu quả là càng làm đình trệ những đổi mới tối cần về kinh tế chính trị ...

Biên niên sơ lược 1989
"năm các dân tộc"

11 tháng 2 :	Đảng Cộng Sản Hung chấp nhận chế độ đa đảng.
5 tháng 4 :	Thoả thuận "bàn tròn" giữa chính quyền Ba Lan và công đoàn Đoàn Kết.
2 tháng 5 :	Hung bắt đầu phá gỡ "bức màn sắt" phía biên giới Áo, theo thoả thuận ở Helsinki.
13 tháng 6 :	Bàn tròn "chính quyền - đối lập" ở Hung.
18 tháng 6 :	Công đoàn Đoàn Kết thắng trong cuộc tuyển cử tại Ba Lan.
24 tháng 8 :	Chính phủ không cộng sản đầu tiên tại Ba Lan, thủ tướng là Tadeusz Mazowiecki.
10 tháng 9 :	Biên giới Hung - Áo mở tự do.
6 tháng 10 :	Đảng Cộng Sản Hung biến thành Đảng Xã hội Hung.
18 tháng 10 :	Erich Honecker, tổng thư ký ĐCS Đông Đức từ 1971, rơi.
4 tháng 11 :	Biểu tình vĩ đại tại Đông Bá Linh và trong toàn thể Cộng hoà Dân chủ Đức.
9 tháng 11 :	Bức tường Bá Linh sụp đổ ; Jivkov, nắm quyền từ 1954 ở Bun ga ri, rơi.
22 tháng 12 :	Ceaucescu ở Ru ma ni rơi.
29 tháng 12 :	Cộng hoà Tiệp Khắc, Vaclav Havel được bầu chủ tịch nước, và Alexandre Dubcek làm chủ tịch quốc hội.

Nhìn lại cảnh quan ấy, để rồi có lẽ cũng nên ngẫm nghĩ về lời cảnh báo của Gorbachev, khi nói với các lãnh đạo Đông Đức vài ngày trước khi bức tường sụp đổ : " *Cuộc đời sẽ trừng phạt những kẻ trễ hẹn* ".

Nguyễn Quang

1. Dễ hiểu tại sao các nhà độc tài rất ghét trực tiếp truyền hình.
2. Xem "*Cuốn sách đen của chủ nghĩa Cộng sản*", D.Đ. số 76, tháng 7.98.
3. Ám chỉ bài hát nổi tiếng của Sinatra " My way" (đường tôi), lấy từ nguyên bản tiếng Pháp của Claude François, "Comme d'habitude" (như thường lệ).

Người ở số nhà 108

Đặng Anh Đào

Lời giới thiệu : Đặng Anh Đào là nhà phê bình văn học, con gái của học giả Đặng Thai Mai. Trong cuốn hồi ức *Tầm Xuân* mới xuất bản (NXB Phụ nữ, Hà Nội 1999) người ta được đọc những mẩu ký ức của một thiếu nữ - phụ nữ Việt Nam trong một gia đình trí thức dấn thân, trải qua giai đoạn lịch sử từ thế chiến tới nay. Đôn hậu và bình dị, mặc dù... Xin giới thiệu đoạn chị viết về Văn Cao và nhạc Văn Cao.

1992, Văn Cao ngồi đấy tự bao giờ, trước chén rượu quốc lủi ? Người con gái của Đặng Thai Mai nghĩ : Lạ thật sao ông có một nét gì giống cha mình, những năm đã già, ngồi trước tách cà phê ? Hay ở cái vẻ vừa tách biệt, vừa chiêm nghiệm trước cuộc đời này ?

Tôi đã viết những dòng chữ ấy trong kịch bản phim *Để nhớ Đặng Thai Mai*. Sau này, khi Văn Cao đã mất, đọc một loạt bài hồi ký của những người khác viết về Văn Cao, tôi mới biết có người đã nói đến tư thế ấy (" Văn Cao buồn ngồi nâng nhấp từng ly rượu trắng "...). Từ năm 1958, ngay từ năm 60 tuổi, Văn Cao đã là " một người tóc trắng, râu trắng... tay cầm một ly rượu trắng... ". Sáu mươi tuổi, ở tuổi mà nhiều nhà chính trị và nhiều ông giám đốc công ty thời nay vẫn đang được tung hô là ở độ tuổi sung sức nhất, vậy mà Văn Cao - người đã khiến những giấc mơ của tôi bay bổng từ tuổi thơ - chính con người ấy, đã là ông già! Vậy thì năm 1992 tôi có thể nhìn thấy ai khác ngoài một ông già ? Dẫu sao, tôi đã được trông thấy Văn Cao, ngồi ngay trước mặt ông. Tôi đến để xin được ghi kỷ niệm của Văn Cao về ba tôi. Tôi không thể hình dung nổi Văn Cao lại già đến thế.

Dòng suối Mơ chảy qua tuổi thơ của tôi, ngăn nó thành hai bờ... Bờ bên kia là thời trước những ngày tháng Tám 1945. Tôi nhìn thấy một đứa bé ngồi trên xe tay, xe *nhà*. Nó ngồi cùng với ba nó, mắt chăm chú nhìn *anh* xe (không đến nỗi gọi là *thằng* xe) mải mốt kéo, cái chân sai sải, hai bàn tay nắm hai cái càng xe, mỗi bàn tay có sáu ngón - cái nét dị dạng đã trở thành quen thuộc. Miệng nó mút cái kẹo *sucette*, chiếc kẹo giống như quả bàng, thơm, trong suốt, cắm vào một chiếc que. Kẹo hết, trời nóng. Ở nhà, nó đã nằng nặc đòi mẹ mặc cho bộ diện nhất : cái áo *len xoa* (laine soie) và cái quần soóc nhung. Ba mẹ nó chưa có con trai nên hay bắt đứa con gái thứ tư mặc đồ con trai. Nắng lên, rôm sảy bắt đầu cắn. Nó gãi, tuyết nhung quần soóc bám vào những kẽ hăm. Nó tụt từ trên ghế xuống chỗ để chân, khóc lè nhè " Xót đít! Xót đít ". Ba nó dỗ dành, đứa bé mới chịu ngừng kêu những cái tiếng không được lịch sự lắm ấy ở ngoài đường. Tối đến, hễ có khách, dù đã lên giường, nó cũng trở dậy để ra phòng khách, trình bày bài hát tủ của nó :

"Giê đơ dà múa
Mồng pế y ề Pa ri... '
- (Tôi có hai mối tình
Xứ sở quê hương và Paris...)

Trong nhà có một cái máy hát và những đĩa thịnh hành thời đó. Nó lúc lắc cái đầu, nhịp theo điệu hát Tino Rossi : " Tant qu'il y aura des étoiles " (Chừng nào còn những ngôi sao...). Đứa bé không chọn những bài hát Việt Nam. Nó rất thích một bức ảnh trên tờ báo *Đông Pháp*. Đó là bức ảnh cô con gái một lãnh tụ khởi nghĩa thất bại. Tôi nhớ là Hoàng Thị Thế (?) bận áo đầm dạ hội bằng voan trắng rất xinh đẹp. Trên sân khấu Paris, cô đang hát bài " Giề đơ dà múa... ".

Sầm Sơn những mùa hè 40... Ông "chủ giây thép" Hường Trâm bạn của ba nó có một cô em vợ tên là cô Long, người cao lớn, hơi đẫy, mắt hơi lồi nhưng rất mơ màng. Cô ngước cặp mắt tròn, nhìn lên trời, ca bằng giọng Huế :

"Ai lước đi ngoài sương gió
Không đừng chân đến em bẽ bàng..:

Và Hà Nội. Âm điệu khúc *Thiên Thai* dìu dặt tỏa ra từ những quán bar ven Hồ Gươm đã khiến đứa bé thấy cái quán café - kem quen thuộc, quán Zéphir (gió nhẹ)... nơi ba nó thường dắt mấy chị em ra ăn kem và chuyện trò cùng bác Nguyễn Kim Cương, Phạm Văn Đồng... Giống như một chốn thiên thai ! Cái quán chiếm diện tích rất hẹp mé trổ ra mặt đường ấy thường xuyên được chiếu dọi bằng ánh đèn xanh, ở ngoài lại có bức tượng một vị thần (hay thần ái tình ?) tóc xoăn, tay cầm những nhành nho. Bài hát ấy, khung cảnh ấy kết hợp với những cốc kem ngon tuyệt, đối với đứa bé, đúng là cảnh tượng Thiên thai. Rồi bom Mỹ khiến gia đình nó trở lại Sầm Sơn. Một số thanh niên yêu nước bấy giờ tổ chức nhóm trẻ con sinh hoạt chung theo kiểu Sói con, có lẽ với mục đích định hướng chính trị kín đáo. Một trong những anh hướng đạo của chúng tôi là anh Chương, sau 1945 nghe đâu anh trở thành người bảo vệ cho hoàng thân Xuphanuvông. Rồi anh chết trong những ngày đầu kháng chiến, khi bơi qua sông Mê Kông để làm nhiệm vụ.

Còn hồi đó, khi chưa cách mạng, anh dạy chúng tôi một điệu hát trầm hùng :

" Cùng ngước mắt về phương Thăng Long thành cao đứng trong khói sương chiều ám trên dòng sông "...

Những ngày ấy, tôi đã hát *Buồn tàn thu, Thiên thai, Thăng Long hành khúc* mà không hề biết đến tên Văn Cao, không cần biết nó của ai. Đó là bờ bên kia của tuổi thơ.

*

Còn *Bến Xuân*, tôi lại chỉ biết khi nó đã thành *Đàn Chim Việt*. Bờ bên này của tuổi thơ. Mùa thu 1945-1946. Trong đời tôi, chưa bao giờ sắc nắng thu Hà Nội rực rỡ đến như thế. Trên đường đi họp Đội ở Ấu Trĩ Viên, đi qua bờ hồ mé nhà Khai Trí Tiến Đức, tôi thấy một thiếu phụ bận áo dài hoa tuyết nhung màu đen đứng giữa vòng người đang dự, đệm ghi ta hát bài *Đàn chim Việt* ; Đó là nữ ca sĩ Thương Huyền. Bà có một vẻ phóng túng duyên dáng tôi không thể nào quên được.

Ba tôi không hề biết tới âm nhạc, nhưng bấy giờ trong nhà đầy những bản *Thiên Thai, Trương Chi*... tít in bằng kim nhũ, rất đẹp. Còn *Tiến quân ca* lúc ấy là khúc hát của đường phố. Tuy nhiên chị Thuý Băng (vợ Văn Cao) lúc ấy là bạn học cùng lớp với chị tôi và cùng ở đội thiếu nữ Tiền phong đã khoe " Hễ hát bài hát của anh Văn tớ thì mọi người đều phải đứng nghiêm ". Còn tôi, tôi nhớ *Tiến quân ca* như một dòng thác xô đẩy dòng người đi biểu tình trên đường phố Tràng Tiền. Khi đến mục giải tán, tôi ở dòng đi ngược với Nhà Hát Lớn, mấy chị tôi ở dòng xuôi. Hà Nội xưa vắng vẻ thế, mà những ng ày tháng Tám người đông đúc, chật chội tới mức đã ở dòng ngược, tôi không thể nào rẽ sang dòng bên kia để đi theo các chị trở về nhà.

Bấy giờ, câu hát mà tôi thường hát vang lên một mình những lúc ở nhà, mắt ngước nhìn trăng sao qua khung cửa sổ rộng của tầng hai, số nhà 32 Lý Thường Kiệt, đó là những câu trong bài *Không quân Việt Nam* :

"Ta là tinh cầu bay trong đêm trăng... "

Cho đến giờ, tôi vẫn nhớ cảm giác lâng lâng, bay tới tuyệt đỉnh của giấc mơ lúc ấy. Ngay cả những câu như "*Khi nhìn qua khói những kinh thành tan - Đôi cánh tung hoành dạt trên mây xanh...*" đối với tôi không hề vương vấn một chút gì hung hăng, hiếu chiến. Cả bài *Thiên Thai* mỗi lúc hát cũng gợi cảm giác hệt như thế : tôi là một tinh cầu đang bay.

Sau này, vào những năm 60-70, có lần tôi nghe một cán bộ nói chuyện, anh ta liệt *Thiên Thai, Trương Chi* vào loại " nhạc vàng ". Theo anh, người ta đã thí nghiệm cho lợn nghe loại nhạc này: lợn bỏ ăn, đổ bệnh ! Quả thật điều phi lí nhất, nghe mãi cũng quen tai. Một thời gian dài, người ta không dám hát những bài hát ấy. Riêng tôi, trong cuộc đời căng thẳng vì bom đạn, thiếu thốn, hễ lúc nào rỗi rãi, tôi lại hát thật to những câu hát thời thơ ấu, và lại cảm thấy lâng lâng trong giây phút, được sống lại cảm giác hạnh phúc bay bổng của ngày xưa. Đến nỗi những đứa con của tôi khi còn bé rồi sau này, cả đứa cháu đầu tiên của tôi lúc bốn, năm tuổi đều giữ ấn tượng rất mạnh về bài *Thiên Thai*. Thỉnh thoảng, đứa cháu ấy lại nằn nì bà hát cái bài có các quả đào tiên và dòng suối đầy hoa, với các cô tiên !

Còn mỗi lúc hát *Suối mơ*, tôi lại nhớ Việt Bắc những ngày kháng chiến. Có lẽ đối với đa số ngirời Việt Nam, bài hát này chỉ đến với họ vào những năm ấy. Suối mơ chính là Việt Bắc, không có bệnh sốt rét. Mãi đến khi Văn Cao mất, đọc một bài báo, tôi mới biết *Suối mơ* được viết từ năm 40, 4l !

Năm 1951, cả nhà lếch thếch theo ba tôi đi lên Việt Bắc. Đoạn dọc theo sông Lô, ở một chặng nghỉ, tôi lấy bút ra vẽ cái bốt giặc bên bờ dòng sông, tôi không thể hình dung một *Sông Lô* khác với hình ảnh trong bài hát của Văn Cao. Những khúc hát đã nuôi dưỡng bao trái tim và mối tình thơ mộng của thanh niên học sinh ! Tôi nhớ dòng Nông Giang ở Thanh Hóa, những đêm sao lấp lánh, chúng tôi cầm đàn đi dọc theo sông và tiếng hát vút lên cao: " *Ôi đàn xưa còn ưng nhắc chi đến người - Lòng ta tắt bao thắm tươi...* " Tôi không thể tìm thấy ai có thể diễn đạt nỗi lòng của mình tuyệt diệu đến như vậy, thuở hoa niên. Để rồi có phút giây nào đó, ta lại hát những bài hát *Suối Mơ, Cung đàn xưa*, và trong chốc lát, ta thấy sống lại những giây phút không còn có trong thực tế, khi đã già đi.

Đó là một ngày u ám của năm 82. Tôi bị mổ hỏng mất một mắt, nằm trong quân y viện 108, giường bên cạnh là một nữ bệnh nhân đã già và đang mang một vết chấn thương về tinh thần không thể chữa chạy. Chị vừa vào thăm đứa con trai ở trong tù. Nó tham gia vào một vụ cướp, giết chết một người. Bắp tay cua nó chàm dòng chữ: " Thương em nhớ mẹ ". Chị không thể nào hiểu nổi đứa con chị, đứa con mà chị vẫn nghĩ là hiền lành. Một chiều, tôi thấy chị ngồi bên cửa sổ đan áo và hát khe khẽ: " *Suối mơ, bên rừng thu vắng...* ". Chị kể lại ngày xưa, chị là công nhân quốc phòng giữ kho cho bộ đội. Chị ngồi bên rừng Việt Bắc hát bài *Suối mơ* và chờ anh đi chiến dịch trở về... " *Từng hẹn mùa xưa cùng xây nhà bên suối... "*. Trong giây lát, gương mặt chị sáng lên, trở về với những ngày tuổi trẻ. Trong giây lát, chị thoát khỏi hiện tại.

*

Vì sao tôi không có dịp được nhìn thấy Văn Cao trước năm 92 ? Tôi cũng không hề tìm cách gặp, vốn nhút nhát, vả lại, cho đến khi ba mẹ tôi mất, tôi mới hiểu một điều : không phải những gì quí giá cứ còn lại mãi với mình trên cõi đời này. Thế mà rồi tôi cũng vẫn cứ quên điều đó.

Tôi đến phố Yết Kiêu với chị cả tôi lần thứ nhất, Văn Cao đã ngồi đó trước chén quốc lủi tự bao giờ... Khoảng một tuần sau tôi lại đến, lần này để ghi lại những kỷ niệm của ông về ba tôi. Tôi thú vị vì sự trùng hợp của những con số. Nhật ký của tôi còn ghi rõ đó là 9 giờ sáng ngày 9-9-1992. Lại nữa, dù hay quên con số, tôi cũng không thể nào quên được số nhà của Văn cao : 108. Đó là con số của *Thuỷ Hử*.

Lần đó, Văn Cao vẫn ngồi trước chén quốc lủi. Có lẽ vì chỉ có một mình tôi, ông tâm sự lâu hơn. Ông nói về việc vẽ tranh, thời ông vẽ ba tôi. Tôi hiểu vì sao trong một thời gian dài ông không thể vẽ. Đối với nhà văn nghèo vẫn dễ hơn, bởi phương tiện sáng tác không mấy tốn kém. Còn họa sĩ... " *Hồi đó, muốn mua được sơn và toile để vẽ, phải là hội viên Hội Văn nghệ... Tôi không có tiền mua sơn và toile để vẽ. Một bức tranh như bức tranh kia (ông chỉ bức treo trên tường và giải thích bức ấy vẽ từ cảm hứng thơ Neruda - một thứ cổng trời - bức tranh mà bấy giờ Văn Cao chưa chịu bán cho ai), riêng màu trắng phải mất 5 lít sơn... Tới gần đây tôi mới được vào lại Hội Văn nghệ* ".

Tôi hỏi vậy bây giờ anh có còn vẽ ? " *Tay cầm cây cọ không nổi nữa rồi. Nhưng có cháu nó giúp thực hiện một số bức* ". Muốn làm tranh phải có sức khỏe. " *Họa sĩ các nước mua được khung sẵn, vải căng sẵn. về chỉ việc vẽ. Hỏng thì bỏ, không phải sửa, bết đi bết lại, làm mỏi tranh, mệt vải. Còn mình thì... Giờ thằng con tôi đi Ba Lan, không có ai giúp. Nhưng rồi tôi sẽ nhờ học trò* "... Không hiểu sao, tôi không hỏi ông về âm nhạc. Có lẽ chỉ ngần ấy bài hát, đối với tôi, đã đủ đầy ắp cuộc đời. Sau này, có dịp đọc một bài trả lời phỏng vấn của ông, tôi thấy ông nói : ông không còn có thể sáng tác nhạc được nữa, âm nhạc đối với ông như mối tình đầu bị phản bội.

Hôm đó, Văn cao còn nhắc tới một nhân vật đặc biệt ghét Nguyễn Tuân trong câu chuyện : " Năm 1986 tôi và nhà tôi vào Sài Gòn. Tình cờ, từ Hà Nội, hai vợ chồng cụ cốp đặc biệt ghét Nguyễn Tuân ấy cũng vào chơi, tới đúng khách sạn tôi đang ở, ngồi ngay trước mặt. Ông ấy bảo tôi: - Nguyễn Tuân làm gì có bề dày sự nghiệp như anh ! Tôi bảo: - Tôi chỉ có những chuyện đây một ít kia một ít. Về văn học, sao có được bề dày của Nguyễn Tuân ! ... Lúc ấy, ông ta nhìn lên, mắt long lên. Tôi hiểu ông ta là người rất ác. Rất đáng sợ khi nhìn vào mắt ông ta. Một lúc, ông ta nhìn xuống, trở lại cái vẻ thường ngày - có nghĩa là hơi gia trưởng, ngoài ra người ta không nhận thấy gì khác. "

Còn tôi, tôi nhìn người đối diện và thấy mặt Văn Cao rất hiền. Sau đó, Văn Cao kể kỷ niệm về ba tôi, thỉnh thoảng chị Băng lại xen vào chuyện gì đó, Văn Cao bảo : đừng làm đứt mạch suy nghĩ.

" Tôi không phải là người gần gụi bác Mai nhiều và tiếp xúc chủ yếu là qua các hội nghị Văn hóa Cứu quốc từ 1946. Lần tiếp xúc riêng đầu tiên là do việc dạy vẽ ở Trường Phan Chu Trinh, trường bác mở ở phố Nguyễn Thái Học. Hồi ấy có phong trào Nam Tiến, anh Nguyễn Đỗ Cung cùng anh Văn Giáo đi vào Nam Bộ. Nguyễn Đỗ Cung phải bỏ việc dạy vẽ ở trường của bác Mai, cử tôi đến dạy thay. Bác giao cho tôi nhận lớp. Sau này Tử Phác có nói với tôi rằng khi bàn chuyện trả lương, Tử Phác bảo Nguyễn Đỗ Cung là một họa sĩ già. Văn Cao chỉ là một họa sĩ trẻ. Nhưng bác Mai nói rằng không được, Nguyễn Đỗ Cung đã cử Văn Cao thay thế, hai người phải hưởng lương như nhau. Đó cũng là một cách nhận xét không phân biệt trẻ già khi đánh giá công việc. Hồi đó, cái mới là ở một trường tư thục đã có môn dạy vẽ như vậy. Tên tuổi bác hồi đó tôi cũng đã biết qua vở kịch *Lôi Vũ*. Tôi cũng đã được xem vở kịch ấy vào năm 1946, bác đã khiến đối thoại kịch dễ hiểu đối với người Việt Nam. Tôi cũng đã xem bản dịch *Nhật Xuất* của bác. Những ngày gặp sau này ở Việt Bắc, đó là khi có cuộc hội nghị lớn thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam. Bác từ khu IV ra, phát biểu một số vấn đề về văn nghệ. Sau này còn có dịp nữa là tôi và bác đều là chấp hành của Hội. Tôi cũng được biết cách đối đãi của bác với bạn bè, trí thức, học trò, họ thường kể lại khi tới chơi với tôi. Đó là lòng ái mộ đối với một nhà văn có uy tín, sống trong sạch.

Năm bác bảy mươi lăm tuổi, tôi muốn vẽ một bức tranh bác để tặng đúng ngày sinh nhật. Lúc ấy bác đang làm việc nhiều, nên tôi cũng không muốn bác phải ngồi nhiều cho mình vẽ. Tôi chỉ đến một lần, phác thảo nhanh. Có một phóng viên nhiếp ảnh chụp *positions* của bác, đằng trước, sau lưng v.v... Vẽ bằng trí nhớ là chính. Có lẽ lúc vẽ ông Giáp tôi phải nghĩ lâu hơn vì cần sự trang trọng của một ông tướng. Ông Mai thì là một người bình dị. Đó là một bức chân dung mà tôi cho là thành công nhất của tôi. Tôi vẽ chủ yếu bằng kỷ niệm. Kỷ niệm về thời Thăng Long Bác thường đưa cô Hà - có lẽ thế - lúc ấy còn bé đi theo. Trí nhớ của tôi không hiểu sao gần hình ảnh bác với một cái can dù lúc ấy bác còn trẻ. Hồi đó bác Mai hay mặc đồ trắng. Vì thế khi đến vẽ tranh bác sau này, dù hôm ấy bác mặc bộ đồ màu be nhưng tôi vẫn vẽ màu trắng. Cầm cái can - người đi tìm đường. Tôi nói với bác : tôi vẽ *l'homme à la canne*. Bác hỏi màu tím sau lưng là màu gì. Màu vàng thì bác hiểu rồi. Tôi nói màu sắc quả có diễn đạt. Màu trắng là màu trong sạch. Một con người dù lúc cần tranh luận có đáo để nhưng người ta vẫn mến. Còn về màu tím, đó là màu của gia đình. Một ông quan nhỏ áo tím. Bác hiểu ngay và ôm lấy tôi hôn. Rất cần ghi lại cái hôn đó.

Bức tranh ấy tôi tặng đúng ngày sinh nhật thứ bảy mươi lăm. Bác Mai cho ô tô đến đón tôi cùng bức tranh... chú lái xe tên là gì tôi quên mất rồi. "

Tôi còn đến nhà Văn Cao hai lần nữa để cảm ơn và mời anh chị đi dự lễ kỷ niệm mười năm ba tôi mất. Mười năm, còn nhanh hơn ngựa phi qua cửa sổ. Thậm chí tôi cũng chẳng nhìn thấy cái vó câu, mà chỉ thấp thoáng thấy cái bóng lướt qua. Lần sau cùng, đi cùng chị cả tôi tôi thấy Văn Cao đương có khách. Một nữ văn sĩ Airơlen hoặc người Anh tôi không rõ và anh Dương Tường. Chị cả tôi ca ngợi bài *Cung đàn xưa*. Và Dương Tường hát bài *Thiên Thai*. Nữ sĩ chỉ bức tranh mà Văn Cao đã gọi là " Cổng trời ", bảo rằng nó giống như cái tháp Babel. Lại một huyền thoại nữa.

Sau đó, thỉnh thoảng, đi tới khoảng gần ngôi nhà quen thuộc mà ngay ngoài cổng là một cái chợ tạm, tôi nghĩ rằng phải vào thăm Văn Cao. Rồi lại nghĩ : Thôi để dịp khác. Không bao giờ có dịp đó nữa. Ngôi nhà vẫn còn đó, với cái loa ở cột điện bên trái cổng. Còn cây sấu ngoài vỉa hè, tôi được chị Thuý Băng cho biết là nó đã chết trước khi Văn Cao mất một tuần lễ.

Đặng Anh Đào

Diễm Châu

MỘT ĐIỀU KHẲNG ĐỊNH VÀ ĐÔI ĐIỀU CÓ LẼ . . .

Nhận xét chung về cách ghi dấu thanh trong các vần tiếng Việt

Ghi dấu thanh trong các vần tiếng Việt là một vấn đề quan trọng vì các thanh trong tiếng Việt có tính cách âm vị.

Từ trước tới nay, ta thường thấy hai quy tắc " bất thành văn " :

l. Trong những vần tiếng Việt tượng trưng bằng MỘT MẪU ÂM, người ta ghi dấu thanh trên chính MẪU ÂM ấy. Thí dụ : *hà, hàn, ...*

2. Trong những vần tiếng Việt tượng trưng bằng HƠN MỘT MẪU ÂM, người ta ghi dấu thanh trên MẪU ÂM ÁP CHÓT (*). Thí dụ : *hòa, hoàn, thủy, xòe, quyền, ...*

3. Cũng được coi như vần có MỘT MẪU ÂM trong việc ghi dấu thanh :

3a. Các vần có âm /k/ (ghi bằng "q") đi trước /w + Các mẫu âm trước, giữa và giữa nhếch/ Thí dụ : *quý, quế, qué, quạ, quán, quắm, quần, quở.*

3b. Các vần tương tự thuộc khóm /C + w + V/ trong đó C : một vài tử âm, w = được ghi bằng "u", và V = /e/ (hay còn được ghi bằng "ê" và /ɛ/ (như trong chữ thuở). Thí dụ : *Huế, thuế, tuế, duệ,...*

Kỳ dư theo quy tắc chung.

Chủ trương ghi dấu của báo* Diễn Đàn *:

Trong số 55 đề ngày l.9.1996 (**), báo *Diễn Đàn* cho biết vần tắt chủ trương của mình trong việc ghi dấu thanh trong một số vần tiếng Việt :

"- Chúng tôi chủ trương bỏ dấu thanh ở chữ cái Y trong cặp UY (thí dụ : thuỷ, chuỳ, thuy...), ở chữ A trong cặp OA (thí dụ : hoà, toạ, xoã), ở chữ E trong cặp OE (thí dụ : xoè, hoẹ)."

Diễn Đàn cũng cho biết lý do : " vì căn cứ vào ngữ âm học ". Theo báo *Diễn Đàn* thì tất cả những chữ mình đã " bỏ " dấu như trên đều có " bán nguyên âm " /w/ đi trước và " dấu thanh phải để ở âm chính "... Và *Diễn Đàn* cũng " nhẹ nhàng " hơn : " vì vậy *nên* viết : quả, quà, hoả, hoà *cho thống nhất*." (tôi in nghiêng).

Đứng về mặt phân tích âm vị, chủ trương của *Diễn Đàn* phù hợp với một số nhà ngôn ngữ học quan trọng trong việc gián tiếp khẳng định tiếng Việt có hai bán-mẫu-âm (bán nguyên âm hay bán tử âm) : /w/ và /y/ (?) Và việc làm theo sự phân tích ấy của *Diễn Đàn* trong cách bỏ dấu thanh trên các vần *hoà, thuỷ, xoè,...* hợp với lý luận. Nhưng khi đưa ra thí dụ và cách bỏ dấu của mình trên các vần *của* và *tủa* (không khác lối thông thường), *Diễn Đàn* đã gặp phải một vấn đề " gai góc " (ngay cả đối với các nhà ngữ học chuyên nghiệp).

Các khóm mẫu âm phức hợp

Thật vậy, ấy là một trong ba vần " oái oăm " trong tiếng Việt thường được ghi theo âm vị như sau : /iv/ /ùv/ /uv/ (hay /iê/ /ươ/ /uô/) .

Đây là những khóm mẫu âm mà các nhà ngữ học như Lê văn Lý, Nguyễn Đình Hòa và Kenneth J. Gregerson nói chung coi như những " mẫu âm đơn " như mười một mẫu âm còn lại trong tiếng Việt (Gregerson gọi là *Complex Vocalics* = Những nguyên âm phức hợp).Trong những mẫu âm đơn đặc biệt này, các âm /i/, /ù/ và /u/ là những mẫu âm thực thụ (không phải là bán mẫu âm) và /v/ cũng là một mẫu âm thực thụ, *không phải là bán mẫu âm*. (Xem Nguyễn Đình Hòa, *Ngữ học nhập môn*, Sài-gòn, l962 ; và Kenneth J. Gregerson, *A Study of Middle Vietnamese Phonology*, Saigon, 1969 hay "Bulletin de la Société des Études Indochinoises", Nouvelle Série - Tome XLIV, No 2, 2e Trimestre 1969).

Và, khi ta viết *tía* /tív/, *tiếng* /tívˈŋ/ ; *cúa* /kúv/, *cuống* /kuvˈŋ/ ; *thủa* /thủv/, *thuổng* /tʰuvˀŋ/ ; *hứa* /hù'/, *hướng* /hùvˈŋ/... , ta cũng chẳng làm gì khác hơn những người viết *hòa* và *hoàng*..., nghĩa là ta cũng xê dịch vị trí dấu thanh như họ.

Nhà ngữ học Nguyễn Đình Hòa mà *Diễn Đàn* đã nêu tên như một người " cũng đồng ý như vậy " (không rõ là đồng ý với tất cả chủ trương của *Diễn Đàn* hay chỉ trong các chữ *của, tủa*) đã " chủ trương " ra sao về chuyện này ?

Khi nói về việc Lm. Lê văn Lý coi các khóm -ia, -ưa, và -ua (hay /iv/ /ùv/ /uv/ , hoặc /iê/, /ươ/, /uô/) như các *mẫu âm đơn*, Gs. Nguyễn Đình Hòa viết : " *giải thích lối này có lợi về mặt âm vị học nữa, nhất là khi ta chủ trương Việt-ngữ chỉ có hai bán-mẫu-âm /y/ và /w/ thôi*. " (sđd. tr. 85). Trước đó, trong một bài " chuyển tả theo âm vị " (bài thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan, sđd, tr. 67), ông đã ghi /mịvŋ/, /zứvy/, /nứvk/, /kúvk/ ('miệng, dưới, nước, quốc hay cuốc') trong đó các dấu thanh được ghi trên âm vị /i/, /ư/ và /u/. (Khác với Alexandre de Rhodes, người đã ghi dấu thanh trong các chữ *tưầng, nhưầng*, " tường , nhường ", trong *Phép giảng tám ngày*, " Ngày thứ nhít "). Thế nhưng, lối ghi dấu thanh trong sách của Gs. Nguyễn Đình Hòa nói chung vẫn là lối thông thường. Và chính tên tác giả cũng được ghi dấu thanh trên bán mẫu âm /w/ tượng trưng bằng chữ -o-).

Có lẽ Gs. Nguyễn Đình Hoà không muốn " xô lệch " những quy tắc xã hội đã được coi như thông dụng ? Hay khi ghi dấu thanh trên các mẫu âm khởi đầu vần, ông cũng chỉ muốn nói rằng dấu thanh áp dụng cho tất cả các mẫu âm trong các khóm phức hợp ? Cũng cần nhắc lại : đây chỉ là lối " chuyển tả theo âm vị ", chứ không phải lối viết thường. (Tôi không được biết về những chủ trương " quyết liệt " hơn của Gs. Nguyễn đình Hòa, nếu có lúc sau này.)

Tạm kết luận

Nếu cứ *xét theo ngữ học* (cho đến hồi gần đây) thì không thể coi việc ghi dấu thông thường trên các cụm " nguyên-âm

phức-hợp ", " bán-mẫu-âm + mẫu-âm ",... là hoàn toàn thoả đáng (hay hợp lý ?)

Có lẽ nên hiểu những quy định về văn tự cũng chỉ là những quy định xã hội, lý tưởng là tương ứng với ngữ âm, ngữ vị học. Tuy nhiên, bởi đây là những quy định xã hội, có lẽ ta cũng nên xét tới một vài khía cạnh khác của vấn đề, như : lịch sử (thí dụ trường hợp ghi âm /k/ bằng các chữ q, c và k) hoặc thẩm mỹ (?) (Tại sao tôi ưa lối " bỏ " dấu của nhà in Lê văn Tân ở Hà-nội xưa ?)

Việc làm của báo *Diễn Đàn* có những cơ sở lý tưởng, nhưng có lẽ các nhà chủ trương lối bỏ dấu của *Diễn Đàn* cũng nên đẩy xa thêm nữa những lý luận cơ sở của mình. Mong lắm thay !

Diễm Châu

Lộ-Trấn, X-99

(*) Có một số vần trong tiếng Việt chỉ được tượng trưng và *ghi bằng một chữ mẫu âm* thực ra gồm /một mẫu âm + một bán mẫu âm/. Thí dụ : *ếch, ễnh, ốc, ống, ách, ánh, óc, óng*. Tất nhiên, trong các vần tiếng Việt, các tử âm *dù được ghi bằng hai chữ* cũng chỉ là *một tử âm* và được kể như một âm. Trong bài này, tôi cũng *không* bàn tới khi nào thì /y/ và /w/ là tử âm.

(**) Chủ trương ghi dấu thanh của báo Diễn Đàn đã được ghi ở số 13 mà tôi chưa tìm ra (DC.)

(tạm) đáp lời

Khuôn khổ số báo này và thời gian có hạn, xin tạm thời vắn tắt vài điểm :

1) Nói chung, tôi hầu như hoàn toàn đồng ý với các luận điểm ngữ học của anh Diễm Châu trình bày trong bài, và xin ghi nhận kết luận của anh, theo đó chủ trương của DĐ về vị trí dấu thanh là có " cơ sở lý tưởng ".

2) Đặc biệt, tôi hoàn toàn đồng ý với các luận điểm về các tổ hợp nguyên âm được viết dưới dạng ia/iê, ua/uô, ưa/ươ. Đúng là trong chủ trương của chúng tôi (giữ nguyên lối bỏ dấu thông dụng), nghĩa là ở trên chữ i (trong *kìa*), ở trên chữ ê (trong *kiềng*), hoặc ở trên chữ u (trong *úa*) ở trên chữ ô (trong *uống*)... là chưa nhất quán. Xin coi đó là xét tới " khía cạnh lịch sử ". Sự thật, thanh điệu gắn liền với cả *vần*, chứ không phải riêng một hay vài *âm vị* ở trong *vần*. Giải pháp " lý tưởng " và " triệt để " nhất là để dấu thanh lên *trên* (hoặc *dưới*, hoặc *trước*, hoặc *sau*) *toàn bộ các con chữ hợp thành vần*, song chắc nó chẳng được mấy ai chấp nhận vì quá xa tập quán (ở đây tôi không nói tới lối viết *telex* của bưu điện, thay các dấu huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng bằng các con chữ f, s, r, x, j đặt sau mỗi vần : quy ước này xuất phát từ yêu cầu kĩ thuật và khó có thể phổ biến ra toàn xã hội).

3) Bất luận thế nào, việc thống nhất cách bỏ dấu đã trở thành cần thiết do việc sử dụng phổ biến máy điện toán trong nghề in và mọi giao tiếp xã hội và do yêu cầu trao đổi viễn liên các văn bản tiếng Việt. Rất mong cuộc thảo luận nghiêm chỉnh và hoà nhã (mà bài viết của Diễm Châu là một mẫu mực) sẽ được tiếp tục và sớm dẫn tới sự đồng thuận chung.

Nguyễn Ngọc Giao

thơ nguyễn duy

Chút thu vàng

Se se một chút lạnh lùng
Mình sang với bạn sang cùng thu sang

Bạn đi như sợ lỡ làng
Mùa thu đi trước lá vàng theo sau

Buồn vui đâu cũng giống nhau
Lẻ loi kim tước chân cầu ngủ mơ

Vàng long lanh chóp nhà thờ
Cánh chim ngoan đạo lửng lơ ngang trời

Rừng phong đã chớm thu rồi
Vàng rơi trên mái tóc người đi qua

Ruột gan hoang vắng miền xa
Hiu hiu ngọn gió nhớ nhà lạnh tê

Mải ham hố chén si mê
Hư vô chặn mất lối về như chơi.

Nhớ mẹ

... cái cò... sung chát... đào chua...
câu ca mẹ hát gió đưa về trời
ta đi trọn kiếp con người
cũng không đi hết mấy lời mẹ ru

bao giờ cho tới mùa thu
trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm
bao giờ cho tới tháng năm
mẹ ra trải chiếu ta nằm đếm sao

Ngân hà chảy ngược lên cao
Quạt mo võ khúc nghêu ngao Thằng Bờm
Bờ ao đom đóm chập chờn
Trong leo lẻo những vui buồn xa xôi

Mẹ ru cái lẽ ở đời
Sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn

MAI THẢO

Võ Phiến

Cho đến tháng 5-1975 Mai Thảo có chừng bốn chục tác phẩm. Ông nhận xét : " chỉ thua Duyên Anh ". (Phỏng vấn của Kiều Mỹ Duyên, trên tạp chí *Ngày Nay,* Kansas, Hoa Kỳ, số 21, tháng 11-1982.) Thế, ông nghĩ sao về Bình Nguyên Lộc ? Ngót một nghìn cái truyện ngắn và dăm bảy chục truyện dài, không kể các sách thuộc những môn loại khác đó, ông ơi.

Về số lượng, trong ***Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta*** xuất bản năm 1974, số tác phẩm được in ghi là bốn mươi ; trên báo *Ngày Nay,* tác giả nói rõ là 42. Như thế có lý, vì chắc trong khoảng 74, 75 đã có hai cuốn sách được in thêm.

Về môn loại, Mai Thảo chia tác phẩm của mình ra làm ba : truyện ngắn, truyện dài, và tuỳ bút. Chính ở các chỉ tiết này có chỗ rắc rối. Ở ***Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta*** thì cho rằng " sau ***Đêm giã từ Hà Nội*** " có bảy tập truyện ngắn, và hai tập tuỳ bút (là ***Căn nhà vùng nước mặn*** và ***Tùy bút I***)*;* phần còn lại là truyện dài. Thật sự thì số truyện ngắn kể ra là 8 cuốn (không phải 7) ; riêng cuốn ***Đêm giã từ Hà Nội*** không thuộc bộ môn nào cả : nó là món gì ? Còn ở báo *Ngày Nay,* Mai Thảo lại kể : " *Hai tập tùy bút, năm tập truyện ngắn, phần còn lại là tiểu thuyết, là truyện dài*." Như thế có 2 (hay 3 ?) cuốn truyện ngắn cùng với cuốn ***Đêm giã từ Hà Nội*** bị đẩy sang phía truyện dài ? Sao được.

Xét ra, lần trước kể đến bảy (tám ?) tập truyện ngắn mà đã không bao gồm ***Đêm giã từ Hà Nội;*** thì lần sau rút xuống chỉ còn năm tập, làm sao có thể bao gồm nó vào được ? ***Đêm giã từ Hà Nội*** dứt khoát lọt ra ngoài, không được xếp loại.

Xem ấn bản năm 1955 của nhà xuất bản Người Việt ở trang bìa thấy có ghi " tập truyện ngắn ". Thế nhưng sau năm cái truyện, đến trang 83 bèn có lời báo : Bốn bài sau đó là 4 đoản văn (không phải truyện ngắn nữa). Hết bốn đoản văn là hết sách chăng ? – Ồ không : còn 5 bài. Những bài cuối cùng ấy thuộc vào loại gì ? Lại truyện nữa đấy chăng ? Ai muốn nghĩ sao thì nghĩ. Tác giả không bảo.

Tôi đoán chừng chính vì những phân vân ấy mà ***Đêm giã từ Hà Nội*** không được an cư ở một chỗ nào ngay cả trong bảng xếp loại của chính tác giả. Nó như một *homeless.*

Việc như thế lẽ ra không nên vạch kẽ làm gì. Chỉ nên nói chuyện hay chuyện dở, chuyện văn chương nghệ thuật thôi ; còn sách phân loại kiểu nào hãy để nhà văn tuỳ tiện, mình xía vào mà chi. Lẽ ra thì thế, nhưng trong trường hợp này hình như chuyện có ý nghĩa đáng lưu ý : hình như nó có phần nào liên hệ đến bản chất khả năng của Mai Thảo, nó giúp ta hiểu ông rõ hơn.

Đêm giã từ Hà Nội không tìm được vị trí của nó vì tính cách môn loại của nó không rõ nét. Những bài viết trong đó, có cái là truyện và có cái tựa hồ không phải truyện. Gặp cái ngắn thì gọi tạm là đoản văn. Nhưng " văn " nào đây ? Ngắn thì đành rồi, nhưng là truyện ngắn chăng ? ký ngắn chăng ? tuỳ bút ngắn chăng ? Rồi gặp phải 5 cái kế tiếp, chúng không ngắn mấy, thế là lúng túng, rồi bỏ cuộc, bỏ lửng.

Thừa dịp xảy ra sự phân vân bất quyết này, tôi muốn xin cho cuốn ***Đêm giã từ Hà Nội*** được liệt vào loại tuỳ bút. Vì chính cái chất tuỳ bút của nhiều bài trong ấy đã gây khó cho sự phân loại. Chính nó chứ không phải yếu tố nào khác. Không phải sự cẩu thả của nhà xuất bản, không phải tính luộm thuộm của tác giả v.v...

Trong bốn chục tác phẩm của Mai Thảo, theo ông thì chỉ có hai cuốn tuỳ bút : một tỉ lệ nhỏ bé quá. Cho vào một cuốn nữa cũng chẳng thấm vào đâu. Tuy vậy tôi nghĩ tuỳ bút có địa vị quan trọng trong văn nghiệp ông, tuỳ bút biểu hiện một xu hướng trước tác quan trọng nơi ông. Xu hướng ấy xuất lộ ngay từ những bài viết đầu tay của ông. Xuất lộ vô ý thức, ngoài ý định của ông. Ông viết nó ra, nó thành hình, bất ngờ, ông chưa biết nên gọi nó là gì. Dần dần, xu hướng ấy tự xác nhận cách rõ ràng, minh bạch. Cuốn ***Căn nhà vùng nước mặn*** được liệt vào loại tuỳ bút ; rồi cuốn sau đó thì nghênh ngang mang hẳn cái tên là cuốn ***Tuỳ bút***.

Nói rằng ở người này có tiềm tàng cái năng khiếu tuỳ bút, ở cuốn truyện kia đã lấp ló cái xu hướng tuỳ bút..., cách nói ấy ngầm đặt ra vài vấn đề : Tuỳ bút là gì ? đặc tính nó thế nào ? Người thế nào thì " hợp " với tuỳ bút ? thì dù đang viết truyện vẫn có thể vô tình trượt sang tuỳ bút ?

Tất nhiên tôi phải lẩn nhanh ra khỏi vùng nguy hiểm của những khảo luận cùng biện thuyết phức tạp gay go. Chẳng qua chỉ vài ghi nhận thực tiễn, ghi nhận cần thiết cho sự tiếp tục câu Chuyện về ông Mai Thảo của chúng ta thôi.

Từ điển văn học (nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1984) định nghĩa tuỳ bút : " *Là một thể loại ký* " (...) " *Tuỳ bút là thể giàu chất trữ tình nhất trong các loại ký*."

Vậy muốn biết tuỳ bút là gì phải xem đến cái gốc của nó, tức ký. ***Từ điển Văn học*** nói về ký : " *Ký phản ánh sự việc và con người có thật trong cuộc sống. Tính chính xác tối đa là đặc trưng cơ bản của ký*."

Tôi nghi ngờ cả cái nguồn gốc của tuỳ bút lẫn cái đặc trưng cơ bản của ký. Nếu tuỳ bút là một loại ký, tất nó không thể thiếu cái đặc trưng cơ bản của ký. Thiếu gì thì thiếu, chứ thiếu đi cái cơ bản thì nó còn mang danh làm một loại ký thế nào được nữa ? Từ điển nêu ra mấy cuốn ký xuất sắc để làm gương : ***Từ tuyến đầu tổ quốc, Sống như anh, Người mẹ cầm súng*** v.v... Thế thì tuỳ bút của Nguyễn Tuân đi đời rồi, còn chen vào sao được ? Trong những *Gió đã lên, Một người lữ khách giữa thành phố chúng ta, Được ốm, Phu nhân họ Bồ* v.v.... trong những cái lăng nhăng ấy có được bao nhiêu tính " chính xác tối đa ", phản ánh được bao nhiêu " sự việc và con người có thật trong cuộc sống " mà cũng đòi được xếp cùng thể loại, bên cạnh *Người mẹ cầm súng* hả ? Vì sự sống còn của nó, chắc chắn tuỳ bút nó ao ước được miễn cho cái đặc trưng cơ bản.

Nếu được miễn trừ món " cơ bản ", tuỳ bút sẽ hả hê lắm lắm về các nhận xét sau đây của ***Từ điển Văn học***: " *Cái bản ngã của nhà văn* (viết tuỳ bút) *được thể hiện gần như trong thơ trữ tình* " (...) " *Giá trị của tuỳ bút là ở những suy nghĩ sâu sắc, thâm trầm rút ra từ những sự việc tưởng như riêng tư, bình thường. Sức lôi cuốn của nó còn ở ngôn ngữ trau chuốt, giàu hình ảnh bất ngờ và lý thú, tạo ra một chất thơ riêng*."

Nếu được vậy, ngoài Nguyễn Tuân ra, có lẽ có những tác giả khác cũng mang tác phẩm của họ kéo nhau về nhập vào loại tuỳ bút. Xuân Diệu mang cuốn ***Phấn thông vàng***, Vũ Bằng ôm cuốn ***Thương nhớ mười hai*** v.v... chẳng hạn.

Vũ Bằng viết ***Thương nhớ mười hai***, tự ngôn có câu ơi ới : " *Ối những người thiên lý tương tư ! Nếu bất ngờ những dòng sau đây có lạc vào tay bạn, mà thấy nói được lên một mối cảm hoài của bạn vẫn chất chứa ở bên lòng, thế là kẻ viết bài này lấy làm mãn nguyện lắm rồi*." Và tự ngôn kết thúc : " *Thôi, bây giờ mặc cho ngòi bút đưa đi, đến đâu hay đó*...". Mọi sự rõ ràng : Nội dung là một mối cảm hoài, nhiều chất trữ tình là cái chắc ; hình thức thì cứ theo đà ngòi bút đưa đẩy. Là tuỳ bút. Chính " nó " rồi.

Còn Xuân Diệu trót gọi tập sách của mình là truyện, gọi xong, trăn trở ngay : " *Những truyện này không có chi là truyện cả*." Rồi lại trăn trở nữa : " *Vì cảnh ngoài cảm xúc tới, người viết văn đem ghi lại sự đã xảy ra ; nhưng viết xong, họ thấy rằng họ chỉ chép những âm điệu của lòng mình* ", và " *Với tập* ***Phấn thông vàng***, *tôi đã muốn làm một lãng tử không theo phép cũ, bỏ nhà như bọn* '*chó mèo hoang*', *đi theo sức xô đẩy của tâm hồn*." Vẫn chủ yếu là cảm xúc, là âm điệu của lòng ; vẫn trôi theo sức xô đẩy, tâm hồn xô đẩy ngòi bút tới đâu hay đó. Chính " nó " thôi.

Nói về cái lôi cuốn của thể loại tuỳ bút, ***Từ điển Văn học*** có đề cập đến " một chất thơ riêng ". Quả có. ***Phấn thông vàng*** của Xuân Diệu lồ lộ chất thơ, ai cũng thấy rõ. Vũ Bằng viết về cái ăn mà vẫn đầy chất thơ, ấy mới tài : thơ trong tình nghĩa vợ chồng, tình nhớ quê hương, cây cỏ thời tiết v.v... Ăn nhậu mà viết nên thơ, ấy mới là chân thi sĩ ! Đến như Nguyễn Tuân thì đâu đó ông Nguyễn Hưng Quốc đã viết : " *Người ta cũng có thể coi tuỳ bút Nguyễn Tuân là những bài thơ văn xuôi*."

Lại về cái lôi cuốn của tuỳ bút, từ điển nọ còn đề cập tới " ngôn ngữ trau chuốt ". Thoạt nghe, tưởng lời vu vơ : Dĩ nhiên, viết mà trau chuốt, mà hay ho thì viết gì chẳng lôi cuốn được người xem, riêng gì tuỳ bút ? Thế nhưng Nguyễn Hưng Quốc xác định rõ : " *Hình như chỉ với các nhà văn chuyên về tuỳ bút, giọng văn mới chiếm một vị trí quan trọng như vậy*." Và quả nhiên, những Vũ Bằng, Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, văn viết ra đều đẹp lời cả. Tản Đà có nhàn đàm, cũng là một thứ tuỳ bút, cũng lại có ngôn ngữ trau chuốt.

Những nhận xét chung chung về tuỳ bút trên đây đều hợp với trường hợp Mai Thảo cả. Các nhà viết tuỳ bút khác có gì ông có nấy, ai sao ông vậy. Các tuỳ bút gia khác viết đẹp thì " *Mai Thảo đi đến tận cùng chủ nghĩa duy mỹ* " (Nguyễn Hưng Quốc, tạp chí *Hợp Lưu* số 16, tháng 4, 5, 1994). Các tuỳ bút gia khác có nhiều chất thơ, thì " *Văn xuôi Mai Thảo là văn xuôi thơ (...). Có thể nói, Mai Thảo viết văn xuôi với tâm thế của một nhà thơ. Cũng có thể nói, Mai Thảo, tự bản chất, là một nhà thơ* " (Nguyễn Hưng Quốc, sđd). Các tuỳ bút gia khác viết truyện chẳng có chi là truyện, mà chỉ có những âm điệu của lòng mình thì Mai Thảo cũng được nhận là " *một nhà văn duy cảm xúc* ", là ở văn ông " *cảm xúc tràn lên mênh mang* " (Nguyễn Hưng Quốc, sđd). Không còn hồ nghi gì nữa : Mai Thảo có " căn " tuỳ bút. Dù ông không có nhiều cuốn tuỳ bút xuất bản, tuỳ bút vẫn chiếm vị trí quan trọng trong cái viết của ông. Ông viết loại khác – truyện ngắn, truyện dài – trong ấy vẫn có hơi hám tuỳ bút.

– Mai Thảo, ông ta có căn tuỳ bút, có khiếu tuỳ bút như thế, tại sao không chuyên hẳn về tuỳ bút, lại cứ mải miết viết truyện ?

Câu hỏi ấy tự ý bật ra đúng lúc, phải lẽ. Nhưng nó nên đặt ra trước tác giả. Chúng ta không thể tự tiện đáp lời thay ông. Chúng ta bất quá chỉ có thể suy đoán qua loa để khỏi mang tiếng trốn tránh một thắc mác hợp lý. Hoặc tác giả không có dịp tự nhận ra bản chất của mình. Chuyện ấy không hiếm. Rất nhiều người cầm bút thoạt tiên không biết mình sở trường về môn loại gì, cứ viết lung tung, rồi dần dần mới chọn được con đường thích hợp. Ngay Mai Thảo, cuối đời ông mới làm thơ, và tự phát giác ra một khả năng của mình. Hoặc có thể chỉ vì lý do thực tiễn. Viết tuỳ bút, bán cho ai ? sống sao được ? Tuỳ bút ít độc giả, điều ấy Nguyễn Hưng Quốc cũng lại từng nói rồi, rất xác đáng : " *Vì giá trị của tuỳ bút là ở giọng văn nên điều kiện tiên quyết để đọc tuỳ bút là khả năng thẩm mỹ phải khá. Số lượng độc giả giới hạn hay cái gọi là tính chất* '*hiu hắt*', '*cô đơn*' *của thể văn tuỳ bút mà Đặng Tiến có lần nhắc đến, theo tôi, chủ yếu xuất phát từ đó*." Một người viết văn chuyên nghiệp, sống bằng nghề văn, sao chịu được cảnh hiu hắt, cô đơn. Viết mà mãi lo viết cho đẹp, viết những cái không có truyện, không có lượng thông tin nào cả thì mấy ai đọc ? Phải nghĩ đến hạng độc giả dễ dãi, phải cho ngày ngày yêu nhau, cô này cậu nọ, chàng này nàng kia yêu mê mẩn, yêu chí chết vào thì mới ăn. Thực tế là vậy. Khiếu với chả khiếu, phiên phiến thôi. Hoặc cũng có thể vì những lý do khác nữa... Hãy biết gác qua một bên các thắc mắc linh tinh, mà đi ngay vào tuỳ bút của Mai Thảo đã.

Chiếc xe hàng cũ nằm trong ***Đêm giã từ Hà Nội***. Một gia đình nghèo – vợ chồng con cái lóc nhóc – sống nhờ vào một chiếc xe hàng vận tải cũ kỹ. Chiếc T.N. 405. Hiệp định Genève ký kết, gia đình anh Sáu di cư đem luôn chiếc xe già theo. Chuyện chỉ có vậy. Người và xe đi trót lọt, không có bất trắc nào xảy ra. " Chuyện " là những cảm nghĩ của tác giả xung quanh chiếc xe già và ý nghĩa chuyến đi của gia đình lao động nọ.

Tác giả không gọi nó là chiếc xe. Gọi 405 (Bốn Lẻ Năm). Như thể gọi tên một gia súc gần gũi : một con bò, con chó. 405 đi, 405 về, 405 ngủ trên khoảnh sân hẹp trước ngõ, " *405 sống giữa cái gia đình cùng khổ đau yếu ấy lâu dần đã chiếm được tình thương yêu của mọi người như một người bạn đường có chung một cảnh ngộ* " (trang 154). Nguyên một cách gọi đã có tình. Người gọi gửi vào đó một sự âu yếm. Lại có cả một ý giễu cợt thân mật. Chỉ nghe cái tên, đủ yêu rồi.

Tình cảm của tác giả trải ra suốt sáu trang sách lây sang độc giả, làm cho người đọc yêu 405, yêu gia đình anh Sáu, và theo đà mà tán thưởng luôn sự chọn lựa chuyến đi của anh Sáu.

Đó không phải là bài viết xuất sắc nhất của Mai Thảo nhưng là một thí dụ về sự phối hợp hài hoà giữa cái cảm với cái nghĩ, với giọng văn. Những trường hợp như thế không nhiều. Thường thường Mai Thảo thiên về cái cảm, sở trường về cái cảm hơn là cái nghĩ.

Chuyến tàu trên sông Hồng là thí dụ về cái ưu thế cực đoan của cảm quan. Nhìn lại tuổi thơ, nhìn về quê xưa nhân vật " hình dung " ra năm cảnh. Hình dung thấy một cái bến tỉnh lẻ. Hình dung thấy một con tàu nằm sát kề mặt bến. Hình dung thấy đứa nhỏ ngồi nhớ những ngày mưa bão ở quê cũ. Rồi hình dung cảnh con tàu trên sông Hồng Hà. Rốt cuộc, hình dung chuyến đi Hà Nội trên tàu ấy sông ấy, chuyến đi xa biệt quê hương và tuổi nhỏ.

" Hình dung " là tưởng tượng ra, là nhớ lại hình ảnh. Ở Mai Thảo hình ảnh, âm thanh, mùi vị thảy đều phong phú. Ở bến sông : " *Thịt ba chỉ kho, nước thịt nâu sậm nhuếnh nhoáng, sao mỡ nổi đầy trên mặt, đậu nhồi lốm đốm những cọng hành xanh non, món giả ba ba có ốc ang chuối chát và giềng mẻ quyền quyện lổn nhổn, cá chép kho xát từng khoanh*

mỏng, mỗi khoanh còn nguyên một thỏi trứng vàng." Ở con tàu : " *Cái ống khói đen chũi, lầm lì thả ra những đợt khói trắng vật vờ trên miệng. Một con tàu già, ọp ẹp, nước sông rỉ rề lênh láng suốt ba khoang hầm tàu, bọn phu cởi trần đêm ngày thay phiên nhau múc nước đổ ò ọ ra sông, tát ra tới đâu nước vào tới đó.*" Ở thôn xóm ngày xưa : " *Những ngày mưa bão ở quê cũ, nước dềnh mặt ao, mấp mé đầu thềm, nó đầu đội mưa bắt cá lạc, nhặt trái rụng, cái mặt tái mét, quần áo dán chặt vào thân thể nhợt nhạt run rẩy nhưng tâm hồn mừng vui như mở hội (...) Mây hoang mang đầy trời bão động.*" v.v... Ông " hình dung " miên man như thế từ trang này sang trang kia. Cái sao mỡ trong tô thịt, cái nước ò ọ, mây trời hoang mang bão động v.v... in rõ trong trí ông. Ký ức về hình tượng nơi ông, cái ký ức cảm quan của ông thật mạnh thật bền. Những hình tượng gợi lại phong phú như thế, rõ như thế, làm cho cái tình cảm yêu mến nhớ thương quê xưa thật da diết.

Trong ***Đêm giã từ Hà Nội***, khi nói về ngôi nhà lẩn giữa cây rừng của người bạn tên Nam (*Mưa núi*); trong cuốn ***Tuỳ bút***, khi nhắc về làng Xuân Cầu với năm cái giếng đá " tuyệt tác " ở quê ngoại cô Kiểm (*Bưu thiếp*), khi nói về các đêm mưa đã trải qua trong đời, từ những trận mưa đầu mùa bất chợt về đêm, những trận mưa nhỏ, mưa thiếu tháng, mưa đàn bà, mưa thở dài, đến những trận mưa phùn thì thầm không dứt, những trận mưa chiều lẫn vào bóng tối, mưa tháng giêng khiêu vũ giữa Hà Nội v.v... (*Mưa đêm*), khi hồi tưởng lại những mùa đông ở miền Bắc với những đêm ngủ thuyền, đêm lạnh gần không độ, với những buổi chiều bốc khói, con thuyền rét mướt, lưng trời mưa nghiêng (*Số én còn lại*) v.v...; những khi như thế, Mai Thảo đã tung ra rất nhiều hình tượng cụ thể đẹp đẽ mà cảm quan tinh tế của ông đã ghi nhận và lưu giữ dài lâu. Những hình ảnh âm thanh màu sắc như thế có khả năng gây xúc cảm mạnh nơi người đọc.

Vả chăng, các cảm xúc phong phú, Mai Thảo cố tìm cho chúng những cách phô diễn thật điêu luyện. Có lẽ khó lòng bắt gặp một Mai Thảo hồn nhiên. Bất cứ lúc nào ông cũng điệu. Câu ông nói bao giờ cũng luyện. Ông tìm những cách nói lạ, cách nói cầu kỳ. Dĩ nhiên, ý ông là để cốt cho nó hay. Lắm lúc ông đạt được mục đích.

" *Mỗi buổi sáng, thức dậy, mặc quần áo, ra khỏi lòng con ngõ có những bầy trẻ nhỏ đùa nghịch dưới nắng, và những chùm hoa đỏ chói cười hết tiếng cười rực rỡ của hoa trên những bờ tường...*" (*Từ hoa từ gió*). Hoa ấy là hoa ở Miền Nam sau 1954. Trước đó, ngày còn ở Bắc, ông rời Hà Nội đi chiến khu theo kháng chiến mà lòng không ngớt nhớ Hà Nội, mắt không ngớt hướng nhìn về Hà Nội, nhìn cái ánh đèn sáng lên ở chân trời phía Hà Nội. " *Lửa Hà Nội nhìn xa như thế, mê đắm nghìn lần hơn khi Hà Nội nhìn gần. Trời cứ tối đặc ở ba phương. Riêng lửa một phương Hà Nội sáng. Nhiều đêm, tôi không nhìn thấy vùng lửa ấy của Hà Nội. Đó là những buổi tối có sương mù, có mưa dăng, và trời hậu phương những đêm đó, đã không còn một quê hương nào cho tám mắt nữa.*" (*Hà Nội, một ánh lửa đã tắt*).

Mai Thảo viết tuỳ bút, và tuỳ bút đã hưởng được ở ông những lợi điểm đáng kể. Ngược lại, ông cũng có một số nhược điểm gây hại lũ tuỳ bút của mình. Có ưu có khuyết, ai mà chẳng vậy.

Thoạt tiên, cái duy mỹ. Duy mỹ là chủ nghĩa của ông. Ông chuộng câu văn đẹp. Đẹp thì tốt quá. Đẹp thì gây xúc cảm, mỹ cảm, thì làm người đọc mê tơi. Nhưng người viết mải mê tìm đẹp có khi chệch cái, đâm hỏng. Đó là cái hỏng của câu văn kêu. Văn kêu nghe sướng tai. Cái đẹp thỏa mãn nhiều giác quan : khi đẹp mắt, khi đẹp tai. Văn kêu thì đẹp tai. Nhưng chính vì sự đẹp tai mà Nhất Linh trẻ thỉnh thoảng bị Nhất Linh già giễu về sự lố lăng : " *Hồng Nương ! Hồng Nương ! Sao đêm nay ta lại đọc đến tên nàng.*"

Mỗi thời mỗi khác, Mai Thảo không vui sướng mê man suốt đêm vì " Hồng Nương Hồng Nương " ; nhưng có thể ông đã vui sướng mê man về những câu như : " *Đến Hà Nội rồi cũng lãng đãng nhạt nhoà vào một trí nhớ trùng, nhưng có lẽ chẳng có một trước Tết miền Nam nào, tôi lại không đôi khi sống lại cái cảm giác thần thánh bỡ ngỡ, có bởi rất thu xưa và rất xuân cũ một con đường. Đất ở đó là da người. Gờn gợn chất nhung trên chất lụa mềm. Đất ở đó là thảm hoa. Ông ả chất gấm trên chất nhung nõn. Cái sự đất được thăng hoa như vậy, chính là bởi vì cái trạng thái tụ đọng ngọt ngào của lớp bóng mát bên trên đan kết kỳ diệu bởi muôn ngàn ngón múa của tre cù điệp điệp* " (***Tuỳ bút***, trang 12). Hoặc : " *Một thế giới của lăn lóc nhỏ mọn đỉnh đạc trong từng phương vị hiển linh bất động như lũ tượng đứng trong sâu nghiêm cùng thẳm những đền đài. Tôi tới, đánh thức từng giấc ngủ. Những sự, những nỗi chớp mát. Những niềm những ý cựa mình. Nhưng hết thảy vẫn nằm tròn trong một điệu dáng lim dim. Hết thảy chỉ là một hệ thống thuần hòa trừu tượng của bóng hình động ảnh.*" (Sđd., trang 14)...

Bảo rằng chữ nghĩa rổn rảng, danh từ to lớn, câu cú kiểu cọ v.v... là thủ phạm thì oan. Các kỹ thuật tu từ đặt ra là để mà dùng cả đấy chứ. Cường điệu, thậm xưng, ngoa ngữ, nghịch đảo v.v... gì chả được ? Cái gì cũng có chỗ hay, cũng tốt cả. Phấn tốt, son cũng tốt. Nhưng quá đáng thì đâm ra dị hợm. Một vầng trán cao, hay lắm. Nhưng cao như trán hói, mất hay. Cái quá đáng trong son phấn, trong sự trang sức ấy, ông Nguyễn Hưng Quốc khéo léo dùng chữ " loè loẹt " (*Hợp Lưu*, số 16, tháng 4,5-1994, trang 46). Ông Uyên Thao kể rằng người đương thời bảo đó là " uốn ẹo " (***Các nhà văn nữ Việt Nam 1900-1970***, cơ sở xuất bản Nhân Chủ, Sài Gòn, 1973, trang 227).

Lại cũng do cái duy mỹ, Mai Thảo viết những câu đại loại như sau, nhặt đây đó từ cuốn ***Tuỳ bút*** :

Ngó những chùm lá cao
Vin từng nhành lá thấp (trang 15)

Tường câm nín tường không có cánh
Vách im hơi vách không truyền lời (trang 27)

Hình ảnh kia của những đỉnh trí thức chụm đầu
Hiện tượng ấy của những vực trí tuệ tản mạn (trang 58)

Nghìn cửa ngõ đã mở cho thiếu đi một cửa ngõ hoang đường
Triệu chân trời đã dựng cho mất đi một góc nhỏ mơ mộng (trang 63)

Có những cuốn sách có trời trong sách
Có những bài thơ có biển trong vần" (tr. 88) v.v...

Trích như thế không phải trích nhiều đâu. Chỉ là nhặt nhạnh tí chút thôi. Những cặp câu đối cứ la liệt trong sách ông : đối thơ, đối phú, đối thanh, đối nghĩa, hoặc đối chỉnh hoặc đối không chỉnh, nhưng vẫn đủ vế trên kề vế dưới, câu trắc sánh câu bằng, nhịp nhàng ra hết.

Chắc chắn từ ngày khoa cử bằng chữ Hán bị bãi bỏ, không mấy ai sính văn biền ngẫu bằng Mai Thảo. Duy mỹ mà đi đến văn biền ngẫu thì không phải chuyện ngẫu nhiên. Biền ngẫu đẹp là cái chắc. Người đời sau chỉ trách nó dắt dẫn kẻ tìm cái đẹp hình thức đi xa dần nội dung, đi tới chỗ tạo ra những công

trình rổn rảng mà rỗng tuếch. Thành thử con đường mà cụ Khổng Ất Kỷ và bạn bè giẫm chân đến nhẵn thín, sau này trở nên vắng vẻ. Không ngờ...

Thường những nhà văn duy mỹ là những kẻ thận trọng đến tỉ mẩn. Họ cân nhắc từng lời từng chữ, suy đi nghĩ lại, gọt dũa đến nơi đến chốn. Kẻ duy mỹ đã đóng góp cho đời một giai thoại nổi tiếng là Giả Đảo bên Tàu. Ở ta, những người chuộng đẹp như Nguyễn Tuân, Vũ Hoàng Chương, Vũ Khắc Khoan đều kỹ, thật kỹ cả.

Mai Thảo thuộc ngoại lệ : ông là người duy mỹ vội vàng.

Lời đẹp là lời bóng bẩy, cầu kỳ ; câu muốn đẹp, ông xây dựng cho nó những kiến trúc thật lạ, thật rắc rối. Mải mê theo những cái ấy, lắm khi ông quên rằng chúng nó cũng cần có một cái nghĩa. Cho nên người đọc cứ vấp phải những câu đại loại như :

" *Chính ở đó mà tuổi trẻ chúng ta đã phảng phất khởi dấy những đường viền hoài nghi thứ nhất. Chính là ở đó, đã lăn đi, trên triền núi hồn người những vòng lăn tâm thức đầu tiên.*" ***(Tuỳ bút,*** trang 18). Ở đó, là ở những bờ giếng làng Xuân Cầu đấy ; ở đó xảy ra những chuyện ly kỳ ghê ! Cũng ở Xuân Cầu, có " *người bà ngoại mà tuổi già là một mặt phẳng trong suốt với cánh tay đã đụng hờ vĩnh viễn* " (trang 20). Ối !

" *Những cuộc đời như đời Thu, rách nát vì mâu thuẫn, giờ phút này đang trải qua một cuộc tranh đấu với bản thân. Chúng là những miền còn tranh tối tranh sáng.*" ***(Đêm giã từ Hà Nội,*** trang 32).

" *Trong nội tâm người thiếu nữ cũng đang có những sự kiện vừa nằm xuống.*" (trang 34) v.v...

Cuộc đời Thu tranh đấu với bản thân nó, hay chính Thu tranh đấu với bản thân nàng ? Những cuộc đời là những " miền " ? Và trong nội tâm cô này có cái gì lạ vậy ? Lạ không kém chuyện " *cuộc sống của thành phố ở chung quanh anh đang nói lên dần dần những tiếng động, những miền sáng chói* " (trang 137). Nói lên tiếng động ? nói lên những miền sáng chói là thế nào ?

Trong nội tâm cô gái có một sự kiện vừa nằm xuống ; dưới dòng sông Cửu Long lại có một sự kiện đang trườn lên lách đi : " *Chúng là một sự kiện đông đặc đang trườn lên, đang lách đi, đang chìm chìm nổi nổi* " (trang 96). " Chúng " là cá đấy. Cá thì nói cá, việc gì lại sự kiện sự kiếc ? " *Sự kiện đông đặc đang trườn* " là cái quái quỉ gì. Nói vậy, đẹp ở chỗ nào ?

Thỉnh thoảng ông dùng chữ trước khi kịp nghĩ tới cái nghĩa của nó. Chẳng hạn về chiếc xe của anh Sáu, tức chiếc 405, ông bảo đêm đêm " *405 về ngủ trên sân cỏ sau một ngày đốt cháy mã lực trên ngả đường* " (trang 154). Trong trí tưởng tượng của ông, cái món mã lực nó là thứ gì vậy ? Một loại xăng chăng ? Chiếc xe 6 mã lực chẳng hạn, chạy 75 nghìn cây số, hoá thành " *bậc bô lão của vận chuyển* ", thì nó đã đốt cháy ước chừng mấy mã lực, và nó hóa thành ra chiếc xe mấy mã lực ?

Trong cái viết tới tấp, ông viết : " *Giếng đá Xuân Cầu là một công trình khoa học và đại số tuyệt hảo* " *(Tuỳ bút,* trang 18). Khoa học *và* đại số ? Ối, Trời ! " *Cuộc sống không chuyển lưu theo một đường kính nào* " (trang 20). Thế cái gì chuyển lưu theo... đường kính ? " *Tôi vẫn nghĩ đến* (Xuân Cầu) *nay là dấu tích của một mùa xuân tâm thể kỳ lạ* " (trang 20). Tất nhiên : Mùa xuân tâm thể nhất định là thứ xuân kỳ lạ. " *Từng huyền sử hoang đường gẫy cánh lần lượt hiện hình* " (trang 40). Huyền sử gãy cánh nó hiện ra thứ hình gì ? " *Chết hết là một phi lý. Nó trở thành tình nhân đời. Bằng tấm gương trong hành lang hữu người.*" (trang 40) Hành lang hữu người ? Ối ! Xã hội này cũng là chỗ hữu người : Có ý nghĩ gì muốn nói cứ nói rõ ràng chỉnh tề ; việc gì phải điệu bộ dị hợm như giữa chốn vô người vậy ? Hay ho gì đâu ? " *Việc phải tới đã tới. Nghìn cổ hoang đường chết* " (trang 46) Nghìn xưa thì xoàng, nghìn cổ là món tối tân kỳ mà lại chết, uổng biết bao. Nói về thơ, thì quê hương thơ là ở " *chỗ nào có vươn phóng* ", là " *nơi những viễn du tâm thể còn nằm trong mơ tưởng của đời người* " (trang 52). Lần khác, chỉ nói về một chiếc xe cứu thương thôi, ông cũng không nói như thiên hạ thường tình : " *Từ rất xa, nhỏ như một âm thanh sợi chỉ nhọn hoắt, tiếng còi cấp cứu đuổi gấp theo những vòng bánh lăn miết tới tận cùng tốc lực, lớn dần thành một rú thét kín trùm.*" ***(Tuỳ bút,*** trang 76).

Trong hối hả, người duy mỹ vẫn nhất định vươn phóng – vươn phóng quá quắt, mà cực nhọc quá chừng. " *Một rú thét kín trùm* ". Chao ôi !

Rồi lại viết : " *Hay lượn vòng tròn như một đường bán kính* " (trang 36). Lại cái đường kính oan nghiệt ! Đố ai hiểu được ?

Vội vàng, đã một bất lợi. Lại còn nỗi cực đoan, sốt tiết.

Động tới cái gì ông cũng phóng đại lên, đẩy tới chỗ tột cùng. Trong ngôn ngữ ông có cả một kho tiếng lớn. Như thể kho vũ khí hạng nặng để công phá ầm ĩ : " *ngọn đỉnh trời* ", " *đêm ngà ngọc* ", " *nhận thức luận về mọi hiện tượng của cấu thành và hủy thể* ", " *cái khối lượng phần thư* (?) *vĩ đại của những thế kỷ ngôn ngữ truyền tiếp* " (?) " *nghìn cửa ngõ đã mở, triệu chân trời đã dựng* " v.v...

Vũ khí nặng dùng bao nhiêu vẫn giữ được sức phá mạnh. Nhưng chữ nghĩa lớn dùng nhiều quá, đâm nhàm, giảm hiệu lực. Người dùng bực mình, sốt tiết, cũng có dăm ba cách phản ứng. Lấy một cách làm thí dụ : là quát lớn, và ngắn.

Một người đang trò chuyện đều đều, bỗng nghiêm mặt dừng lại, hoặc gióng một từng tiếng, hoặc gằn từng tiếng, hoặc buông thõng từng tiếng v.v... Thế đã đủ làm kẻ đối thoại chú ý. Cuối cùng, đến lúc chỗ chẳng đặng đừng, nổi lên quát một tiếng ngắn, tất phải gây được xúc động.

Ở Mai Thảo, những câu ngắn không gây được tác động đáng kể :

" *Một năm rồi.*
Tôi mới lại được gặp anh ở đây.
Cuộc chiến đấu cho tự do cũng bắt đầu vừa chẵn một năm." ***(Đêm giã từ Hà Nội,*** trang 77)

" *Từ những tầng đáy niệm* (?) *ấy, tôi đã tìm đến anh.*
Kỷ niệm.
Tôi nhớ lại những ngày cuối cùng." (trang 19)

" *Hoá nghĩ về Hà Nội. Những hình ảnh mờ nhạt. Thấp thoáng sương khói. Ngoài ấy đã vào dĩ vãng. Những chân trời núi rừng. Hà Nội.*" (trang 61).

Câu viết ngắn lẽ ra là câu cô đọng. Lẽ ra mỗi chữ chất chứa một cố gắng, dồn nén một cảm xúc mạnh. Đàng này, nó ngắn dễ dãi, nó ngắn gần như vô cớ. Riết rồi người đọc có cảm tưởng gặp phải những dậm dọa vớ vẩn.

Mai Thảo là tuỳ bút gia bẩm sinh. Ông có nhiều đức tính thuận lợi ; chẳng qua chỉ mấy nét bất lợi. Phải chăng do chỗ bận tâm về số lượng : lo Duyên Anh vượt bỏ !

Võ Phiến
10 - 1996
(trích ***Văn Học Miền Nam / Kịch – Tuỳ Bút,***
nhà xuất bản Văn Nghệ, California, 1999)

Bạn đến chơi nhà

Kí của Trần Mai Lan

Từ con gà giò...

Sau buổi viếng thăm từ đường Nguyễn Khuyến ở thôn Vị Hạ, xã Trung Lương (1), Thoa đèo tôi luôn về quê gần đó cũng thuộc vùng đồng chiêm Bình Lục.

Thôn Bồ Đề cái tên quả tình dễ nhớ cho nhà Phật, xem ra cảnh không mấy khác xa gì với thôn Vị Hạ, cũng ruộng đồng nương rẫy, cũng nước đọng bùn lầy, cũng ao sâu ngõ cụt. Trên đường, tôi chợt hỏi :

– Thoa ơi, xa quê cha đất tổ lâu quá rồi, thầy quên mất hết cách xưng hô. Theo Thoa thì thầy nên gọi bố như thế nào cho phải đạo ?

Không chút ngần ngừ, Thoa rạch ròi :

– Thầy với bố suýt soát tuổi nhau thì cứ gọi bằng *bác*.

Rồi tiếp liền :

– Thầy ơi, đã hơn bốn giờ rồi. Thầy nên nhớ ở nông thôn, có thói ăn cơm rất sớm, năm giờ coi như đã xong, trễ lắm là năm giờ rưỡi.

Tôi đáp, oai vệ :

– Đất lề quê thói, Thoa đừng lo. Nhập gia tùng tục, nhập giang tuỳ khúc. Bao tử thầy giỏi thích nghi lắm.

Nói đoạn, thì vừa tới nhà. Tay bắt mặt mừng, chào hỏi bác bác tôi tôi, hết sức vui vầy, thoải mái như bạn bè thân thiết từ lâu. Rồi chuyện Tây, chuyện Ta, khi ngắn, khi dài, không thấy thời gian qua mau.

Đồng hồ trên tường lần lượt gõ năm, rồi sáu tiếng. Vậy mà vẫn không nghe động đậy trong bếp, vẫn chưa thấy chén dĩa dọn ra. Nhìn lên đồng hồ, bấy giờ đã hơn sáu rưỡi, sắp tròn bảy giờ.

Bỗng từ ngoài hiên, Thoa lật đật bước vô nhà. Mon men kề sát vai tôi, ghé tai :

– Thầy ơi, mấy đứa tụi em đuổi mãi con gà giò cả giờ đồng hồ mới bắt được. Thầy nhẫn nại, nghe.

Té ra là vì vậy mà bữa cơm chiều nay quá mực trễ tràng.

... tới thơ Nguyễn Khuyến

Tội nghiệp thay cho con gà giò vì tôi mà phải mạng yểu. Nhưng đó là số phận gà giò, món ăn không thể thiếu ở nông thôn, khi chủ nhà hiếu khách. Tôi chẳng là khách quí của nhà chủ đó sao ? Chẳng là thầy học của cô con gái nhà chủ đó sao ? Thì con gà giò nọ dĩ nhiên không tài nào tránh khỏi số phận như đã tiền định của mình.

Rồi cơm nước xong.

Bấy giờ tôi mới bắt Thoa hắng giọng mà ngâm cho chủ và khách nghe trọn bài *Bạn đến chơi nhà*, Thoa vốn thuộc nằm lòng hầu hết những vần thơ Nôm thành tựu của Nguyễn Khuyến. Kết thúc bữa tiệc bằng màn trình diễn đơn giản mà hạp tình hạp cảnh đến mực, nhờ ở ngôn từ trơn chảy ngoài mọi khuôn sáo. Thơ rằng :

Đã bấy lâu nay bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta.

x
x x

Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà

Câu thơ vẽ chuyện xa xưa, trên dưới đã một trăm năm rồi, mà nay nghe vẫn còn hiện đại. Mới hay văn chương nghệ thuật trường tồn là vậy, chớ không nhứt thiết nằm trọn ở khía cạnh *kịp thời* và *đúng lập trường*, mà đường lối độc tôn nào kia đã cả vú lấp miệng em, bắt ép và thao túng một thời gian dài. Khiến cho mọi sanh hoạt văn nghệ hoá ra xanh xao èo ọt đến tận ngày nay, mất mát bao nhiêu tác phẩm không có đất đứng để sanh sôi nảy nở.

Bài viết ngắn này, mặt khác, cũng muốn thể nghiệm một lối bình luận tránh thói nhai đi nhai lại đặc Hoài Thanh, nay đã đến thời *biết rồi khổ lắm nói mãi*, khởi xướng đã có gần sáu chục năm tròn. (2) Cũng may là năm kỉa năm kia đột ngột xuất hiện một Trần Đăng Khoa đem lại phần nào thoáng mát cho *Bình luận văn chương*. (3)

Trần Mai Lan

(21-09-1999)

(1) Trần Mai Lan, *Mùa thu, viếng thăm từ đường Nguyễn Khuyến*, Diễn Đàn, số 82, 01-02-1999, tr. 31-32.

(2) Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam* – Nguyễn Đức Phiên xuất bản năm 1942.

(3) Trần Đăng Khoa, *Chân dung và đối thoại. Bình luận văn chương*. Nhà xuất bản Thanh niên, 1998.

Người chơi đàn nguyệt ở Hàng Châu

truyện ngắn
Đỗ Trung Lai

Trong chuyến công cán Trung Hoa mùa thu năm ngoái, tôi có dịp ở lại Hàng Châu ít ngày.

Hàng Châu bây giờ là thủ phủ tỉnh Chiết Giang.

Nghe nói, hơn hai nghìn hai trăm năm trước, Chiết Giang thuộc đất Giang Nam, đất của Ngô Vương Tôn Quyền – người anh vợ bất đắc dĩ của Lưu Huyền Đức, vua Thục Hán thời Tam Quốc.

Trước đó khoảng ba bốn trăm năm, vào thời Xuân Thu, Chiết Giang thuộc đất Việt của Việt Vương Câu Tiễn mà Hàng Châu là kinh đô. Hàng Châu xưa còn được gọi là Tiền Đường thành, vì có sông Tiền Đường chảy qua. Hàng Châu cũng gần Cối Kê thành – kinh đô thứ hai của Câu Tiễn – do Phạm Lãi xây dựng sau khi hai người được Ngô Vương Phù Sai thả về. Cũng vì việc thả Câu Tiễn và Phạm Lãi này, mà nước Ngô không còn tên trên bản đồ Trung Hoa thời Chiến Quốc nữa. Nó đã bị mất vào tay nước Việt.

Hàng Châu cũng là nơi sinh sống của La Bản, tức La Quán Trung biệt hiệu Hồ Hải tản nhân, tác giả bộ " Tam quốc diễn nghĩa " vĩ đại và cũng là đồng tác giả " Thuỷ Hử truyện " cùng với Thi Nại Am thời cuối Nguyên đầu Minh, tức cách đây độ dăm sáu trăm năm.

Hàng Châu cùng với Tô Châu, tức Cô Tô thành – nơi Ngũ Tử Tư xin được treo mắt lên cổng thành để đợi ngày nhìn quân Việt phá Ngô, mà từ ấy cũng thuộc về nước Việt – khởi điểm của " con đường tơ lụa " nổi tiếng xuyên qua Trung Á để tới châu Âu...

Xem thế, đủ biết Hàng Châu đáng ở như thế nào.

Nhưng chuyện tôi gặp ở Hàng Châu thì mới thật là kỳ lạ !

*

Tôi ở nhà khách Tây Tử, thực ra là một biệt thự nơi mép nước trong cụm biệt thự du lịch bên bờ Tây Hồ, con hồ thơ mộng bậc nhất Trung Hoa.

Tây Tử là tên các văn nhân dùng để gọi Tây Thi tuyệt sắc – người con gái Việt giặt lụa bên khe Nhược Gia, núi La Sơn, huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang – mà Câu Tiễn đem dâng cho Phù Sai cách đây hơn hai nghìn năm trăm năm rồi.

Cái bến thuyền bên nhà khách – nơi đưa đón khách vãn cảnh Tây Hồ – cũng được gọi là bến Tây Tử.

Vừa lạ nhà vừa vẩn vơ nghĩ chuyện Tây Thi – Phạm Lãi, Câu Tiễn – Phù Sai ngay trên quê hương của họ, tôi không sao ngủ được. Quãng 11 giờ khuya, khoác thêm chiếc áo ấm, tôi lững thững tản bộ dọc bến Tây Tử.

Bến vắng. Những ngọn đèn ẩn nơi mép nước rọi ánh sáng mạnh lên ngàn cây liễu thướt tha cao vút quanh hồ, tạo ra cả một chân trời màu ngọc bích. Bên cái chân trời ngọc bích ấy là trời đêm mênh mông, loáng thoáng mấy vì sao. Trăng thu lên cao, tròn vành vạnh. Gió thu, sương thu, trăng thu và ánh sáng từ những cây liễu hắt xuống, làm cho mặt hồ càng thêm huyền ảo. Những con thuyền đã tắt hết đèn neo trên bến. Những " trạo nhi " – người chèo thuyền – chắc đã yên giấc ở nhà họ từ lâu. Chầm chậm tôi đi.

Đến chỗ ngoặt, vừa vòng qua một hòn giả sơn có trồng trúc và phù dung, chợt thấy một người con gái thướt tha như liễu bên mé nước, tay cầm chiếc đèn lồng nhỏ, lễ phép cúi chào và nói :

– Theo lời ước ban chiều, nay xin tới đón !

– Ước ư ? – kinh ngạc, tôi hỏi lại.

Nàng đưa tôi một tờ giấy và bảo :

– Cái này chưa phải là một lời ước sao ?

Tôi cầm tờ giấy, soi vào đèn lồng của nàng. Trên tờ giấy là bài thơ ngắn "Gửi Tây Thi". Bài thơ như sau :

Lầu Tây Tử ta tìm người trong sách
Giai nhân xưa cười nói ở đâu nào ?
Bến Tây Tử bao lần đưa đón khách
Ta là ai trong chán vạn phong lưu ?
Ước gì gặp kẻ khuynh thành ấy
Xem người xưa giờ khác bao nhiêu ?

Thì đây chính là nét chữ của tôi, tờ giấy của tôi, bài thơ của tôi ! Ban chiều, tôi cũng vơ vẩn bên hồ, rồi đem thả chính tờ giấy này, xuống đúng chỗ này. Sung sướng và sợ hãi, tôi bật hỏi :

– Tây Tử ! Nàng đấy ư ? Lại thế được ư ?

Nàng chưa trả lời mà cười và đọc một bài từ :

Trường giang (hề) cuồn cuộn chảy về đông
Sóng vùi dập (hề) hết anh hùng
Được, thua, phải, trái (hề) thoắt thành không
Non xanh (hề) nguyên vẻ cũ
Mấy độ (hề) bóng tà hồng !
Khách thơ (hề) xin mời lên thuyền liễu
Một bầu rượu (hề) vui vẻ tương phùng
Xưa nay (hề) bao nhiêu việc
Phó mặc (hề) nói cười không.

Đọc rồi, nàng quay ra mặt hồ, cầm chiếc đèn lồng huơ lên ba vòng. Tự nhiên thấy một con thuyền liễu, mui bằng cỏ lau, rẽ nước cập bến, không một tiếng động. Đứng ở cuối thuyền là một người đàn ông cao lớn đội nón dứa, mặc quần áo vải thô, đi dép cỏ. Nàng nhìn tôi và bảo :

– Con thuyền này chờ khách đã lâu rồi !

Tôi trỏ người đàn ông trên thuyền :

– Kia là...

– Bạn thiếp. Như người đời vẫn nói. Đó là Phạm tướng quân.

– Là Phạm Lãi ư ?

Người đàn ông bỏ nón , cung kính vái chào theo kiểu ngày xưa, thay cho việc trả lời.

Tôi theo nàng lên thuyền. Nàng treo chiếc đèn lồng lên nóc mui và mời tôi ngồi. Những chỗ ngồi cũng được ghép bằng lau lách. Bấy giờ, tôi mới nhìn kỹ được. Đó là một nàng tuổi ngoài đôi chín, da trắng như ngà, tóc tựa mun đen, môi như son tô,

cổ tròn ba ngấn. Đặc biệt nhất là đôi mắt. Đôi mắt nàng to, thăm thẳm, mênh mông, vừa ưu sầu, vừa thông minh và thơ trẻ. Đôi lông mày xanh và dài như hai lá liễu Tây Hồ, vừa oai nghi, vừa hiền thục, đều đặn uốn cong trên mắt nàng, làm cho vầng trán xanh của nàng có một vẻ cao quý, thoát tục lạ thường. Nàng mang y phục màu hồng của loài hoa phù dung lúc về chiều, may bằng lụa Hàng Châu, bên ngoài khoác chiếc áo *cừu* may bằng lông *điêu* trắng, dận đôi giày gấm xanh thêu kim tuyến – rõ là trang phục cung đình. Tóc nàng không cài trâm và đeo kim thoa. Mái tóc đen nhánh rất dài của nàng buông suốt theo tấm thân thon thả vô song, và chỉ được trang điểm bằng một vòng đậu đỏ. Lúc này, Phạm tướng quân cũng đã vào khoang cùng nàng tiếp khách. Nhìn cách ăn mặc quá khác nhau của hai người, tôi cứ băn khoăn mà không dám hỏi.

Như đoán được lòng tôi, Tây Thi cười bảo :

– Bộ áo bằng lụa và đôi giày gấm này là do Phạm tướng quân tặng cho thiếp lúc sang Ngô. Áo cừu do Phù Sai tặng thiếp lúc ở Cô Tô đài. Thiếp luôn mang trong chúng trên mình để nhớ lại thời tao loạn ấy. Vòng đậu đỏ là do mẹ thiếp cho, khi thiếp còn là cô gái giặt lụa ở khe Nhược Gia. Chỉ phương Nam mình mới có giống cỏ đậu này. Hạt của nó rất xinh. Các thôn nữ thường dùng làm đồ trang sức. Xưa nó tượng trưng cho tình yêu, nên cũng được gọi là " hạt tương tư ". Còn Phạm tướng quân đây, sau khi bỏ Việt Vương thì chèo thuyền vào hồ, lên núi tu tiên. Tướng quân đắc đạo và không còn gợn mùi trần thế nữa.

– Sao bảo tướng quân đưa cả nàng vào hồ rồi thành ra ông Đào Uyên Minh ? – tôi hỏi lại.

– Đấy là do người đời nhớ mến Phạm tướng quân và thiếp mà nghĩ ra thế. Sự thực là ở Ngô về, Câu Tiễn phu nhân hẹp lượng, có lòng nghi kỵ, sợ cái dớp khuynh thành, nên lén sai người bắt thiếp cho vào bao đá, thả chết chìm ở sông Tiền Đường, ngay tại bến Chiết Giang ! Lúc ấy, Phạm tướng quân đang mải mê phục quốc báo thù, ngày đêm xây dựng Cối Kê thành, chỉ biết cái nạn của thiếp sau khi việc đã xong rồi ! Mà nếu biết sớm, phỏng cũng có giúp được gì ? Ngày xưa, phận đào hoa nào có ra đâu ! Việc xưng hùng xưng bá mới là trọng. Vả lại, thân thiếp lúc ấy cũng là thân nhơ nhuốc rồi. Sau này, Phạm tướng quân thành tiên, thiếp là người của bóng tối, âm dương cách biệt, gặp đấy mà không thể cùng chung xe loan phượng, hàng nghìn năm nay chỉ coi nhau như bạn... Nhưng thôi, thời thế lúc ấy là như vậy. Chuyện cũng quá lâu rồi, không nhắc lại nữa.

Tôi đưa mắt nhìn Phạm Lãi, thấy tướng quân cúi đầu vẻ mặt ân hận lắm. Tôi nói :

– Phạm tướng quân là bề tôi kiên trung, giàu chí lớn, lại là người dũng lược mà chí tình. Anh hùng trong thiên hạ được mấy người như thế ? Tướng quân thành tiên là phải.

Phạm Lãi chỉ lắc đầu, xua tay không nói.

Tây Thi ra hiệu – Phạm tướng quân trở ra giữa hồ, con thuyền nhẹ nhàng tách bến, quay mũi, không ai chèo, không một tiếng động, êm ái lướt đi. Bến Tây Tử xa dần.

Giữa thuyền, trước mặt chúng tôi, là một chiếc bàn vuông thấp, đóng bằng gỗ liễu. Trên bàn có một hồ lô rượu và mấy chiếc *chung* bằng đồng đúc. Tây Thi trỏ hồ rượu bảo :

– Đêm nay gặp khách thơ, xin cùng uống cạn hồ rượu này ! Nàng rót ba chung rượu và sẽ sàng :

– Rượu này là rượu Thiệu Hưng quê thiếp. Đây cũng là danh tửu Trung Hoa. Uống nguội thì không được, nhờ Phạm tướng quân hâm nóng giúp cho.

Phạm Lãi xoè hai bàn tay trên mấy chung rượu. Tôi như thấy có ánh lửa xanh từ tay chàng bay xuống, lấp loáng trên mặt rượu. Giây lát, chàng thu tay về, Tây Thi mời chúng tôi nâng rượu thưởng trăng. Rượu quả rất ấm. Uống xong, mặt nóng bừng mà tâm trí rất là phấn chấn.

Tây Thi bảo tôi :

– Thiếp và Phạm tướng quân là chủ, còn chàng là khách. Thời giờ còn nhiều, đường còn xa, trước hết thiếp xin đàn một khúc.

Nàng lấy trong ngăn ra một cây đàn nguyệt và lại bảo :

– Đàn này vốn không có ở Trung Hoa. Những người chết chìm oan khiên như thiếp, đều có " Tiềm thuỷ du pháp ", đi lại dưới nước như thần. Mấy năm trước, thiếp theo dòng Trường Giang ra Đông Hải, xuống được tới phương Nam của chàng, học được phép chơi đàn này. Nay xin mạo muội lấy đàn Nam đãi khách Nam. Cây đàn quê chàng, khả năng diễn tấu hẹp, nhưng cần đàn dài, các phím khá xa nhau, dễ nhấn nhá và rất đắc dụng khi biểu lộ những tình cảm sâu xa từ đáy lòng.

Nói rồi, nàng vừa đàn vừa hát :

Đàn chim (hề) cao bay
Vẫy vùng (hề) đường mây !
Thân thiếp (hề) vô tội
Trách trời (hề) độc thay !
Hây hây (hề) gió may,
Trở về (hề) bao ngày !
Lòng đau (hề) như cắt
Nước mắt (hề) vơi đầy...

Thuyền đi. Nàng đàn và hát. Phạm Lãi và tôi uống rượu, nghe đàn. Thuyền đi mãi, ra khỏi hồ rồi theo sông đi nữa. Càng hát, mặt hoa càng đầm đìa nước mắt. Phạm Lãi vò đầu bứt tai. Lòng tôi tan nát.

Nhưng vì sao nàng lại hát bài này ? Đây là bài hát mà chính Câu Tiễn phu nhân, khi sang Ngô ở bến Chiết Giang ngày ấy, đã hát kia mà ?

Chợt nàng buông đàn, ngửa mặt lên trời mà than rằng :

– Phu nhân cũng là đàn bà như thiếp. Lòng phu nhân cũng biết vui buồn như thiếp. Sao phu nhân nỡ bắt thiếp chết tức tưởi như thế ? Hỡi phu nhân !

Lòng tôi đau đớn quá ! Dù chuyện xảy ra đã rất lâu, nhưng thật khó mà những người đàn bà tha thứ cho nhau ! Khốn nỗi, nàng càng khóc càng sầu thì càng đẹp. Mà thế thì biết nên khuyên giải thế nào !

Lại không để tôi phải khuyên giải, nàng lau nước mắt trỏ ra bờ sông nghẹn ngào :

– Kia chính là bến Chiết Giang !

Tôi nhìn ra, dưới ánh trăng, chỉ thấy hai bờ um tùm cây lá, đâu có thấy bến bãi nào ! Tôi nhìn nàng. Tây Thi sụt sùi kể :

– Sau khi thiếp chết, mọi người thương cảm, không dùng bến cũ nữa. Bến mới bây giờ lùi lên tới Cối Kê thành.

Một lát, rồi nàng cũng nguôi ngoai. Nàng bảo với Phạm Lãi :

– Phạm tướng quân nên đưa khách thăm Cối Kê !

Phạm Lãi trỏ tay ngược lại, con thuyền ngoan ngoãn quay mũi. Một lúc, bên bờ đã thấy một quả núi hình con rùa rất lớn. Phạm Lãi trỏ quả núi kể rằng :

– Rời Ngô sau ba năm, ba tháng khốn cùng, Việt Vương

muốn ghi sâu trong lòng cái nhục Cối Kê, bèn lệnh thiên đô ra đây và giao cho tôi lo liệu. Tôi xem thiên văn, xét địa lý, lập ra một cái thành mới, bao bọc núi Cối Kê ở trong. Phía Tây Bắc lập Phi Dục lâu ở núi Ngoạ Tang để làm thiên môn. Phía Đông Nam lập Thạch Đậu lâu để làm địa bộ. Còn mặt Tây Bắc thì để không và nói phao lên rằng, không dám lấp đường cống tiến nước Ngô vì đã thần phục nước Ngô rồi, nhưng kỳ thực là để tiện đường đánh Ngô sau đó. Khi thành đắp xong, bỗng thấy trong thành mọc lên quả núi này. Núi hình con rùa, chu vi mấy dặm, cây cỏ rậm rạp. Có người trông quả núi, nhận ra đó chính là núi Đông Vũ ở xứ Lang Gia, không biết cớ sao lại bay đến đây được. Tôi tâu với Việt Vương rằng, đó là điềm nước Việt nên được nghiệp bá. Việt Vương mừng lắm, đặt tên núi là Quái Sơn cũng gọi là Phi Lai Sơn – núi bay đến từ nơi khác – hay còn gọi là Quy Sơn – núi con Rùa. Việt Vương, từ khi nếm phân đoán bệnh cho Phù Sai, thành ra có bệnh hôi miệng. Tôi biết có một nơi có thứ rau *trấp*, ăn được nhưng có mùi hôi, mới sai người đi hái rau *trấp* về cả triều cùng ăn, để vua không phải hôi miệng một mình nữa...

Kể mãi, rồi Phạm Lãi thở dài :

– Tôi biết Việt Vương chỉ có thể cùng sống lúc hoạn nạn, chứ không thể chung sống khi sung sướng, nên sau khi phá Ngô, tôi bỏ vào hồ. Tôi có rủ Văn Chủng, ông ấy không nghe, thành ra phải " bất đắc kỳ tử ". Thật đau lòng quá ! Còn Tây Thi, nàng đã kể chuyện mình. Đâu còn có thể có chuyện gì giữa một người cõi tiên và một người cõi âm được.

Nói rồi, Phạm Lãi lại thở dài, nhìn trân trân lên Phi Lai Sơn.

Dù Tây Thi có bảo, Phạm tướng quân tu tiên đắc đạo, không còn bén mùi trần, nhưng xem ra thì chưa hẳn. Trong lòng chàng vẫn âm ỉ câu chuyện hai ngàn năm trăm năm trước. Dù sao chuyện Phạm Lãi và Tây Thi bỏ vào hồ sống với nhau, rõ ràng là chuyện thêu dệt của đời sau.

Tôi hỏi Phạm Lãi :

– Phạm tướng quân nói gì về các mối bang giao ?

Phạm Lãi rót rượu uống, thong thả nói :

– Lâu quá rồi tôi không xem chính sự. Dù sao thì lòng yêu nước, chí quật cường là có thật. Tôi vẫn luôn kính trọng những người vì nước quên thân, nhưng việc can qua là việc nên tránh. Nếu không sẽ còn bao nhiêu Tây Tử nữa đây !

Phạm Lãi quay sang nói với Tây Thi :

– Đã quá canh tư rồi, nên dừng để canh năm Tây Tử còn hồi viên.

Tây Thi gật đầu. Phạm Lãi trỏ xuôi. Con thuyền quay mũi rồi từ sông lại đi vào hồ, lát sau đã thấy Tây Tử lâu trước mặt. Về tới bến, Tây Thi bảo Phạm Lãi dừng thuyền. Nàng nâng chén mời tôi và nói :

– Chỉ một canh nữa là thiếp phải xa chàng. Thiếp biết lòng chàng ngưỡng mộ và thương xót thiếp lắm. Thật chẳng có ai như chàng, xa xôi đến thế mà để lòng thăm viếng thiếp, thiếp vô cùng cảm tạ. Nếu những điều thiếp nói đêm qua có gì chưa phải, chàng bỏ quá cho ! Dù sao thiếp cũng chỉ là đàn bà. Một canh còn lại này, ta uống hết hồ rượu này và xin chàng cho thiếp một bài thơ nữa. Từ nay đâu còn có thể gặp nhau.

Tôi bảo, thơ Trung Hoa viết về nàng đã nhiều lắm rồi, tôi không dám cầm bút nữa. Nàng và Phạm Lãi đều cố nằn nì, rằng bài thơ thả xuống hồ làm hai người rất cảm phục ; rằng chỉ những kẻ cao ngạo mới nói, đã có thơ Trung Hoa rồi thì không cần làm thơ nữa ; rằng thơ cốt ở lòng chứ không ở thuật...

Cuối cùng, " cung kính không bằng vâng lệnh ", mà đây là lệnh của Tây Thi chứ của ai, tôi bằng lòng. Thế là nàng lấy bút, bảo tôi đọc thơ cho Phạm Lãi chép lên giấy tốt. Bài thơ tôi tặng nàng gọi là bài " Nghe đàn nguyệt ở Tây Hồ ". Thơ như sau :

Tơ trắng muốt căng qua trăng viên mãn.

Chiếc cần đàn mảnh như phận người con gái

Nàng đang buông bắt trên cần đàn

Những thanh âm bật ra từ bầu trăng tròn ấy.

Ta vào hồ trăng.

*

Lúc đầu, tiếng nàng là của nàng.

Nghe một dạo, ta thấy đó là gió, cây, mây và sương thu lên tiếng.

Nghe một dạo nữa, ta lại thấy tiếng đàn bật ra từ ngực ta.

Lúc nàng dạo nhẹ, nhịp điệu rất thong thả, ta nghe được cả tiếng thở dài.

Lúc nàng gảy mau, như thác đổ xuống thác, ta vẫn thấy tiếng thở dài ấm áp của nguyệt cầm.

Đến khi nàng dừng tay, thì chính im lặng lại làm nên những thanh âm ta chưa bao giờ được biết.

Từ ấy, khi xa nàng, ta chỉ còn yêu sự im lặng.

*

Nghe xong, nàng khóc và bảo :

– Hoá ra dưới gầm trời này, vẫn có người thương thiếp đến thế ! Hoá công há chẳng rộn lòng với thiếp lắm ru ! Từ nay, thiếp xin giải hết mối sầu hận ở trong lòng.

Đưa tôi lên bờ, mặc Phạm Lãi giục mãi, nàng cứ dùng dằng chẳng đi. Tôi cũng chỉ mong trời đừng sáng nữa. Chợt xa xa vẳng lại tiếng gà. Nàng giật mình, tái mặt, rồi nói :

– Chết nỗi ! Gà báo canh năm rồi, thiếp không thể lưu luyến được nữa. Xin chàng hãy bảo trọng !

Nói rồi nàng gạt lệ, cùng Phạm Lãi xuống thuyền.

Bỗng chốc đã không thấy gì nữa...

Đỗ Trung Lai

(*Văn Nghệ* số 13 (2045), ngày 27-03-99)

Diễn Đàn *forum*

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La- Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan @wanadoo.fr.

http://perso.wanadoo.fr/diendan

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063, địa chỉ điện tử ldloc@friko6.onet.pl

Thể lệ mua báo : xin coi trang 3

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, PDT, ABC,..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)